



Báo cáo

Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng Xã Nga Mỹ, huyện Nga Sơn Tỉnh Thanh Hóa

Tháng 11 năm 2018

MỤC LỤC

A. Giới thiệu chung	4
1. Vị trí địa lý	4
2. Đặc điểm địa hình	4
3. Đặc điểm thời tiết khí hậu	4
4. Xu hướng thiên tai, khí hậu	Error! Bookmark not defined.
5. Phân bố dân cư, dân số	5
6. Hiện trạng sử dụng đất đai	6
7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế	7
B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã	7
1. Lịch sử thiên tai	7
2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH	8
3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH	10
4. Đối tượng dễ bị tổn thương	10
5. Hạ tầng công cộng	10
a) Điện 10	
b) Đường và cầu cống	11
c) Trường	14
d) Cơ sở Y tế	14
e) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa	14
f) Chợ	15
6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè)	15
7. Nhà ở	17
8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường	18
9. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến	18
10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý	18
11. Hoạt động sản xuất kinh doanh	19
12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	22
13. Phòng chống thiên tai/TU'BĐKH	22
14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác	23
15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TU'BĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)	23
C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã	24
1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng	25
2. Hạ tầng công cộng	31
3. Công trình thủy lợi	35
4. Nhà ở	38
5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường	41
6. Y tế và quản lý dịch bệnh	46

7. Giáo dục	47
8. Rừng	Error! Bookmark not defined.
9. Trồng trọt.....	49
10. Chăn nuôi	53
11. Thủy Sản.....	56
12. Du lịch	59
13. Buôn bán và dịch vụ khác	59
14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Error! Bookmark not defined.
15. Phòng chống thiên tai/TU'BDKH	Error! Bookmark not defined.
16. Giới trong PCTT và BDKH.....	68
17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác.....	70
D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp	70
1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BDKH.....	70
2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BDKH	76
3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã	83
4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã.....	83
E. Phụ lục	84
1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá	Error! Bookmark not defined.
2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn.....	Error! Bookmark not defined.
3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá.....	Error! Bookmark not defined.
Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai	Error! Bookmark not defined.

A. Giới thiệu chung

Báo cáo được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của Luật Phòng chống thiên tai (Luật PCTT) và yêu cầu thực tiễn của Đề án 1002 về Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trong bối cảnh các tác động của biến đổi khí hậu đang ngày càng gia tăng tại Việt Nam, đòi hỏi cộng đồng dân cư cần cùng cố kịp thời các giải pháp giảm rủi ro thiên tai và thích ứng theo hướng bền vững và lâu dài hơn.

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội của xã.

Các thông tin đánh giá rủi ro thiên tai được thu thập dựa trên các thông tin cơ bản của một số bản đồ thiên tai hiện có của Tỉnh do Tổng cục PCTT và các sở ban ngành tỉnh cung cấp, cũng như kết quả dự báo kịch bản biến đổi khí hậu của Bộ TNMT, là một trong các cơ sở quan trọng để hỗ trợ xã Xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai; theo dõi, giám sát thiên tai (Theo điều 17 Luật PCTT).

Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai (Điều 15, Luật PCTT) và lồng ghép nội dung Phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (Điều 16, Luật PCTT)

1. Vị trí địa lý:

Nga Mỹ cách trung tâm huyện Nga Sơn về phía nam khoảng 0,5 km, là cửa ngõ của thị trấn Nga Sơn, vị trí tiếp giáp các vùng lân cận như sau:

Phía bắc giáp với thị trấn Nga Sơn và Nga Yên; Phía Nam giáp xã Nga Trung; Phía Tây giáp với xã Nga Văn; Phía Đông giáp xã Nga Hưng. Có đường quốc lộ 10 và đường tỉnh lộ 508 chạy qua, đường liên xã Ngã 5 đi Núi Sến nối quốc lộ 10, vị trí thuận lợi cho việc phát triển kinh tế- xã hội của địa phương;

2. Đặc điểm địa hình:

Địa hình nhìn chung khá bằng phẳng được hình thành 3 loại đất rõ rệt, gồm vùng trũng thuộc đất 2 vụ lúa, vùng đất vàng thuộc loại đất lúa màu và vùng đất cao thuộc loại đất chuyên màu. Thuận lợi cho việc thâm canh các loại cây trồng, vật nuôi và nuôi trồng thủy sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển công nghiệp, bố trí các khu dân cư...

3. Đặc điểm thời tiết khí hậu:

TT	Chỉ số về thời tiết khí hậu	ĐVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của tỉnh Thanh Hóa năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
1	Nhiệt độ trung bình	Độ C	35°C		Tăng 2,1°C (giai đoạn khoảng 1,4-2,°C(Trang 49 kịch bản BĐKH)
2	Nhiệt độ cao nhất	Độ C	40°C	Tháng 6 đến tháng 8	Tăng thêm khoảng 2.0-2,4°C (trang 51 kịch bản BĐKH);
3	Nhiệt độ thấp nhất	Độ C	13°C	Tháng 11 đến tháng 12 và tháng 1 năm sau	Tăng thêm khoảng 2-2,4°C (trang 52 kịch bản BĐKH);
4	Lượng mưa Trung bình	mm	1500mm	Phân bố không đều trong năm (bắt đầu từ tháng 7 kéo dài đến tháng 12, nhưng chủ yếu tập trung vào tháng 7-8)	Tăng thêm khoảng 18,6 mm (giai đoạn trong khoảng 13.0-24.5mm (Trang 55 kịch bản BĐKH);

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	Xu hướng hạn tăng			-Tháng 5-6; -Nắng nóng kéo dài nhiệt độ tăng cao	
	Xu hướng bão			Xảy ra bất ngờ ngày càng mạnh; 15-16 cơn bão trong năm;	
	Xu hướng lũ			Xảy ra bất ngờ, nước lên nhanh vào ban đêm, ngày càng mạnh Tháng 7 đến tháng 9	

4. Xu hướng thiên tai, khí hậu:

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của tỉnh. Thanh Hóa năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			X	
2	Xu hướng bão			X	
3	Xu hướng lũ, lụt			X	
4	Số ngày rét đậm			X	
5	Mức nước biển tại các trạm hải văn		X		Tăng 25cm
6	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			<input checked="" type="checkbox"/>	?????

Commented [BVH1]:

Commented [BVH2]: Bổ sung theo kịch bản BĐKH nước dâng 100m hoặc ban do siêu bão

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

5. Phân bố dân cư, dân số

TT	Thôn	Số hộ	Số hộ phụ nữ làm chủ hộ	Số khẩu			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo
				Tổng	Nam	Nữ		
1	Thôn 1	265	21	1128	519	609	7	18
2	Thôn 2	228	15	821	383	438	3	13
3	Thôn 3	260	7	1041	504	537	9	24
4	Thôn 4	150	17	608	300	308	2	5
5	Thôn 5	283	11	1106	540	566	10	27

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

6	Thôn 6	188	14	763	361	402	6	17
Tổng số		1374	85	5467	2607	2860	37	104

6. Hiện trạng sử dụng đất đai:

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
I	Tổng diện tích đất tự nhiên	365.9
1	Nhóm đất Nông nghiệp	228,43
1.1	Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp	203,99
1.1.1	Đất lúa nước	153,42
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)	193.1
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	39,68
1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	10,88
1.2	Diện tích Đất lâm nghiệp	0
1.2.1	Đất rừng sản xuất	
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	
1.3	Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản	24,44
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	24,44
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	
1.4	Đất làm muối	
1.5	Diện tích Đất nông nghiệp khác (Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ương tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)	
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	135,92
3	Diện tích Đất chưa Sử dụng	1.59
	Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng	60%
	Đất nông nghiệp	10%
	Đất ở	

7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế:

TT	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Năng suất lao động bình quân/hộ	Tỉ lệ phụ nữ tham gia chính
-	Nông nghiệp	23,7%			
1	Trồng trọt :	18,16%	397	203,99(ha)	100%
2	Chăn nuôi	5,0%			70%
3	Nuôi trồng thủy sản	0,55%	16	14,35(ha)	2%
4	Đánh bắt hải sản			(tấn)	
-	Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp – Xây dựng)	38,8%		57,200(triệu VND/năm)	60%
-	Dịch vụ thương mại	37,5%		55,400 (triệu VND/năm)	80%
5	Buôn bán	19,5%	210	28,800(triệu VND/năm)	95%
6	Du lịch	0	0	(triệu VND/năm)	0
7	Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v	18,0%	219	26,600(triệu VND/năm)	12%

B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã

1. Lịch sử thiên tai ;

Tháng/năm xảy ra	Loại thiên tai	Số thôn bị ảnh hưởng	Tên thôn	Thiệt hại chính	Số lượng	
10/2017	Lụt, bão	03	Thôn 4,5,6	Số người chết/mất tích:	Nam	Nữ
				Số người bị thương:	0	0
				Số nhà bị thiệt hại:	4	
				Số trường học bị thiệt hại:	0	
				Số trạm y tế bị thiệt hại:	0	
				Số km đường bị thiệt hại:	0	

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

				Số ha rừng bị thiệt hại:	0	
				Số ha ruộng bị thiệt hại:	5,6ha	
				Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	0	
				Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	70%	
				Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	0	
				Các thiệt hại khác...:		
				Ước tính thiệt hại kinh tế:	48.175.000đ	
12/2016 đến tháng 2/2017	Rét hại	6	1,2,3,4,5,6	Số người chết/mất tích:	Nam	Nữ
				Số người bị thương:	0	0
				Số nhà bị thiệt hại:	0	
				Số trường học bị thiệt hại:	0	
				Số trạm y tế bị thiệt hại:	0	
				Số km đường bị thiệt hại:	0	
				Số ha rừng bị thiệt hại:	0	
				Số ha ruộng bị thiệt hại:	70%	
				Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:		
				Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:		
				Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:		
				Các thiệt hại khác...:		
				Ước tính thiệt hại kinh tế:	161.780.000	

2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH :

ST T	Loại Thiên tai/BĐKH phổ biến ¹	Liệt kê các thôn thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai	Mức độ thiên tai hiện tại (Cao/Trung Bình/Thấp)	Xu hướng thiên tai theo kịch bản BĐKH 8.5 vào năm 2050 (Tăng, Giảm, Giữ nguyên)	Mức độ thiên tai theo kịch bản (Cao/Trung Bình/Thấp)

¹ Theo Quy định của các loại hình thiên tai được quy định trong luật PCTT

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

1	Lụt	Thôn 1	Trung bình	Tăng	Trung bình
		Thôn 1	Trung bình	Tăng	Trung bình
		Thôn 4	Trung bình	Tăng	Trung bình
		Thôn 5	Trung bình	Tăng	Trung bình
		Thôn 6	Trung bình	Tăng	Trung bình
2	Bão	Thôn 1	Thấp	Tăng	Thấp
		Thôn 2	Thấp	Tăng	Thấp
		Thôn 3	Thấp	Tăng	Thấp
		Thôn 4	Trung bình	Tăng	Trung bình
		Thôn 5	Trung bình	Tăng	Trung bình
		Thôn 6	Trung bình	Tăng	Trung bình
3	Rét hại	Thôn 1	Thấp	Giảm	Thấp
		Thôn 2	Thấp	Giảm	Thấp
		Thôn 3	Thấp	Giảm	Thấp
		Thôn 4	Thấp	Giảm	Thấp
		Thôn 5	Thấp	Giảm	Thấp
		Thôn 6	Thấp	Giảm	Thấp

3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH :



Commented [BVH3]: Bỏ dung bản đồ theo comment của Minh Loc

4. Đối tượng dễ bị tổn thương :

T	T	Đối tượng dễ bị tổn thương														
		Trẻ em dưới 5 tuổi		Trẻ em từ 5-18 tuổi		Phụ nữ có thai*	Người cao tuổi		Người khuyết tật		Người bị bệnh hiểm nghèo		Người nghèo		Người dân tộc thiểu số	
		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng
1	Thôn 1	28	61	59	112	8	51	77	8	16	2	3	4	5	1	1
2	Thôn 2	23	38	48	96	14	18	53	8	14	0	0	4	6	1	1
3	Thôn 3	44	84	31	83	8	29	54	5	8	0	0	5	6	1	1
4	Thôn 4	29	61	45	88	7	2	11	5	11	0	0	2	2	2	2
5	Thôn 5	19	44	43	83	15	23	73	6	11	0	0	6	7	0	0
6	Thôn 6	30	49	33	75	7	22	53	4	7	0	0	2	5	1	1
	Tổng	173	337	259	537	59	145	321	36	67	2	3	23	31	6	6

(* Phụ nữ mang thai và nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi)

5. Hạ tầng công cộng

a) Điện

TT	Hệ thống điện	Đơn vị tính	Năm xây	Số lượng	Hiện trạng
----	---------------	-------------	---------	----------	------------

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			dựng		Kiên cố	Chưa kiên cố
Thôn : 1						
	Cột điện	Cột	1990	54	x	
	Dây điện	Km	2003	1,2	x	
	Trạm điện	Trạm	2017	0	x	
Thôn : 2						
	Cột điện	Cột		64	x	
	Dây điện	Km		1,310	x	
	Trạm điện	Trạm	2018	1	x	
Thôn 3						
	Cột điện	Cột		46	x	
	Dây điện	Km		2,9	x	
	Trạm điện	Trạm		0	x	
Thôn 4						
	Cột điện	Cột		24	x	
	Dây điện	Km		3,19	x	
	Trạm điện	Trạm		0		
Thôn 5						
	Cột điện	Cột		41	x	
	Dây điện	Km		3.5	x	
	Trạm điện	Trạm		1	x	
Thôn 6						
	Cột điện	Cột	37	37	x	
	Dây điện	Km	0, 351	0,351	x	
	Trạm điện	Trạm			x	
Ghi chú khác Tổng số toàn xã có 271 cột điện đã kiên cố 271 cây; đường dây điện 9,666/9,666km đường dây điện an toàn (chỉ còn 1 số ít đường dây điện vào các hộ dân chưa được kiên cố)						

b) Đường và cầu cống

TT	Đường, Cầu cống	Thôn	Năm	Đơn vị	Hiện trạng
----	-----------------	------	-----	--------	------------

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			xây dựng		Nhựa	Bê Tông	Đất
I	Đường						
Thôn: 1							
	Đường quốc lộ 10		1998	Km	0.4		
	Đường tỉnh/huyện			Km			
	Đường xã		2002	Km	1.2		
	Đường thôn		2010	Km		1,37	0,045
	Đường nội đồng		2012	km		1,49	0,25
Thôn: 2							
	Đường quốc lộ 10		1998	Km	1.2		
	Đường tỉnh/huyện		2002	Km	0.6		
	Đường xã		2002	Km			
	Đường thôn		2010	Km		2.1	
	Đường nội đồng		2012	km		1.9	
Thôn: 3							
	Đường quốc lộ		1998	Km			
	Đường tỉnh/huyện		2002	Km	0.6		
	Đường xã		2001	Km	0.8		
	Đường thôn		2010	Km		2,0.3	
	Đường nội đồng		2012	km		2,83	0,5
Thôn: 4							
	Đường tỉnh lộ			Km			
	Đường tỉnh/huyện		2002	Km	0,8		
	Đường xã			Km			
	Đường thôn		2010	Km		1,03	
	Đường nội đồng		2012	km		2,26	0,15
Thôn: 5							
	Đường quốc lộ			Km			
	Đường tỉnh/huyện			Km			

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	Đường xã		2001	Km	1,9		
	Đường thôn		2010	Km		3,18	
	Đường nội đồng		2012	km		4,58	0,54
Thôn 6:							
	Đường quốc lộ	6		Km			
	Đường tỉnh/huyện	6		Km			
	Đường xã	6	2001	Km	0,8		
	Đường thôn	6	2010	Km		1,23	0,7
	Đường nội đồng	6	2012	km		2,4	0,42
II	Cầu, Công				Kiên cố	Yếu/không đảm bảo tiêu thoát	Tạm
Thôn 1							
	Cầu giao thông	1		cái	0		
	Cống giao thông	1		cái	6		
Thôn 2							
	Cầu giao thông	2		cái	0		
	Cống giao thông	2		cái	6		
Thôn 3							
	Cầu giao thông	3		cái	0		
	Cống giao thông	3		cái	4		
Thôn 4							
	Cầu giao thông	4		cái	1		
	Cống giao thông	4		cái	3		
Thôn 5							
	Cầu giao thông			cái	3	1	
	Cống giao thông			cái	5		
Thôn 6							
	Cầu giao thông	6		cái	1		
	Cống giao thông	6		cái	4		

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Ghi chú khác: Đường quốc lộ 10 qua xã là 1,6km; đường tỉnh huyện 2km; đường xã 4,7km; Đường liên thôn 7,76km; Đường nội đồng 15,46 km đã được kiên cố; Hiện còn 0,745 km đường giao thông liên thôn, 1,9 km đường giao thông nội đồng chưa được bê tông đi lại khó khăn; **2,8km đường giao thông quốc lộ 10, đường xã qua thôn 2, 3 đã được rải nhựa nhưng hiện nay đã xuống cấp**
 - Cầu giao thông: có 5/6 cầu kiên cố; Có 1 cầu giao thông tại thôn 5 chưa được kiên cố; Có 26/26 Cống giao thông đã được kiên cố; Ngoài ra hệ thống cống phục vụ sản xuất nông nghiệp ở các đơn vị thôn được lắp đặt trên các hệ thống mương tưới, tiêu đã được kiên cố và mương đất để phục vụ sản xuất nông nghiệp được thuận lợi.

c) Trường

TT	Trường	Thôn ²	Năm xây dựng	Số phòng	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
	Mầm non ³	3	2015 2018	12 12	x	x	
	Trường PTCS	3	1998	24	x		
	Trường THCS	4	1997	24	x		
Ghi chú khác: Trường mầm non có 12 phòng xây dựng đã lâu, hiện nay đã xuống cấp, xã đang xây dựng 1 dãy nhà 2 tầng hiện đang hoàn thiện dự kiến đưa bàn giao đưa vào sử dụng năm 2019;							

d) Cơ sở Y tế :

TT	Cơ sở Y tế	Thôn	Năm xây dựng	Số Giường	Số phòng	Hiện trạng		
						Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
	Bệnh viện ⁴							
	Trạm y tế	3	2015	12	12	x		
	Cơ sở khám							
Ghi chú khác:								

e) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa

TT	Trụ sở	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
	Trụ Sở UBND	3	2014	26 Phòng	x		

²Nếu trường thuộc quản lý của huyện nhưng nằm tại thôn/xã này thì vẫn phải thống kê

³Nếu có nhiều điểm trường thì phải thống kê từng điểm trường

⁴Bệnh viện tỉnh, huyện nhưng nằm trên địa bàn xã thì vẫn phải thống kê

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Nhà văn hóa thôn	1	2007	1 phòng		x	
Nhà văn hóa thôn	2	2008	1		x	
Nhà văn hóa thôn	3	2008	1		x	
Nhà văn hóa thôn	4	2009	1		x	
Nhà văn hóa thôn	5	2010	1		x	
Nhà văn hóa thôn	6	2009	1		x	

Ghi chú khác: Nhà văn hóa 4/6 thôn đều là nhà cấp bán kiên cố; diện tích sử dụng 120-150m² có khuôn viên sân rộng rãi để nhân dân trong thôn sinh hoạt và trực Phòng chống thiên tai; Hiện có 2 nhà văn hóa: thôn 3, thôn 5 chưa đảm bảo sinh hoạt cho nhân dân;

f) Chợ

TT	Chợ	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
	Chợ huyện/xã			Cái			
	Chợ tạm/chợ cóc	2	1990	Cái			x
<i>Ghi chú khác</i>							

6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè) :

TT	Hạng mục	Đơn vị	Năm xây dựng	Số lượng		
				Kiên cố	Bán kiên cố	Chưa kiên cố (không an toàn)
Thôn 1						
	Đê	km	0	0	0	0
	Kè	Km	0	0	0	0
	Kênh mương	Km	2002, 2018	3,09	0	0
	Cống thủy lợi	Cái	1990,2012	25	6	0
	Đập thủy lợi	Cái	0	0	0	0
	Trạm bơm	Cái	0	0	0	0
Thôn 2						

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	Đê	km	0	0	0	0
	Kè	Km	0	0	0	0
	Kênh mương	Km	2002, 2018	1,34	0	0
	Cổng thủy lợi	Cái	0	17	5	0
	Đập thủy lợi	Cái	0	0	0	0
	Trạm bơm	Cái	0	1	0	0
Thôn 3						
	Đê	km	0	0	0	0
	Kè	Km	0	0	0	0
	Kênh mương	Km	2002, 2018	2,36	0	0,64
	Cổng thủy lợi	Cái	0	9	3	0
	Đập thủy lợi	Cái	0	0	0	0
	Trạm bơm	Cái	0	0	0	0
Thôn 4						
	Đê	km	0	0	0	0
	Kè	Km	0	0	0	0
	Kênh mương	Km	2002, 2018	1,69	0	1,36
	Cổng thủy lợi	Cái	0	15	4	0
	Đập thủy lợi	Cái	0	0	0	0
	Trạm bơm	Cái	0	0	0	0
Thôn 5						
	Đê	km	0	0	0	0
	Kè	Km	0	0	0	0

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Kênh mương	Km	2002, 2018	3,02	0	1,77
Cổng thủy lợi	Cái	0	23	8	0
Đập thủy lợi	Cái	0	0	0	0
Trạm bơm	Cái	0	0	0	0
Thôn 6					
Đê	km	0	0	0	0
Kè	Km	0	0	0	0
Kênh mương	Km	2002, 2018	3,1	0	0,72
Cổng thủy lợi	Cái	0	17	6	0
Đập thủy lợi	Cái	0	0	0	0
Trạm bơm	Cái	0	0	0	0
Ghi chú khác: Xã có 14,6/19,07km kênh mương thủy lợi kiên cố; 4,49/19,07km kênh mương là mương đất; 89/121 công thủy lợi kiên cố, 32/121 công bán kiên cố xuống cấp; Có 01 trạm bơm tiêu cục bộ tại thôn 2; Nguồn nước tưới của xã phụ thuộc vào trạm bơm Xa Loan tại xã Nga Văn do Công ty Thủy Nông của huyện Nga Sơn điều tiết; Về nguồn nước tưới cơ bản đã đáp ứng được nước tưới cho trồng trọt.					

7. Nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố	Nhà thiếu kiên cố	Nhà đơn sơ
1	Thôn 1:	265	237	13	0	0
2	Thôn 2	228	182	17	0	0
3	Thôn 3	260	218	22	0	0
4	Thôn 4	150	129	15	0	0
5	Thôn 5	283	248	19	0	0
6	Thôn 6	188	159	9	0	0
Tổng		1374	1173	95	0	0

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Ghi chú khác: Tổng số nóc nhà 1.268 nóc nhà/1.374 hộ ; Có nhà 2-3 hộ chung 1 nóc nhà.

8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường :

TT	Tên thôn	Số hộ	Số hộ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt					Số hộ sử dụng nhà vệ sinh		
			Giếng (khơi/khoan)	Nước máy	Trạm cấp nước công cộng	Tự chảy	Bể chứa nước	Hộp vệ sinh (tự hoại, bán tự hoại)	Tạm	Không có
	Thôn 1	265	91	221	0	0	221	265	0	0
	Thôn 2	228	72	192	0	0	192	228	0	0
	Thôn 3	260	65	161	0	0	161	260	0	0
	Thôn 4	150	69	112	0	0	112	150	0	0
	Thôn 5	283	94	169	0	0	169	283	0	0
	Thôn 6	188	78	175	0	0	175	188	0	0
	Tổng	1374	469	1030	0	0	1030	1374	0	0
<i>Ghi chú khác</i>										

9. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến :

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Trong đó Người cao tuổi	Trong đó Người khuyết tật
1	Sốt rét	0	0	0	0	0
2	Sốt xuất huyết	0	0	0	0	0
3	Viêm đường hô hấp	21	13	3	6	0
4	Tay chân miệng	0	0	0	0	0
5	Số ca bệnh phụ khoa (thường do đk nước sạch và vệ sinh không đảm bảo)	0	52	0	0	0
<i>Ghi chú khác</i>						

10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý : Không có rừng

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

T T	Loại rừng	Năm trồng rừng	Thôn	Tổng diện tích (ha)	Tỷ lệ thành rừng	Các loại cây được trồng bản địa	Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng	Diện tích do dân làm chủ rừng
	Rừng ngập mặn							
	Rừng trên cát							
	Tổng							
<i>Ghi chú khác:</i> Các lưu ý về chủ rừng khác: doanh nghiệp, lâm trường, v.v.								

11. Hoạt động sản xuất kinh doanh :

T T	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Đơn vị tính	Số lượng	Số hộ tham gia	Tỷ lệ nữ	Đặc điểm sản xuất kinh doanh	
						Tiềm năng phát triển (*)	Tỷ lệ (%) thiệt hại (**)
1	Trồng trọt Lúa Hoa màu Cây lâu năm Cây hàng năm Cây ăn quả	Ha		704			
Thôn 1							
	Lúa	ha	20	65	80%	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, xây dựng mô hình sản xuất hàng hóa	30%
	Hoa màu	ha	2.4	65	80%		
						
Thôn 2							
	Lúa	ha	17	41	80%	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, xây dựng mô hình sản xuất hàng hóa	20%
	Hoa màu	ha	1.4	41	80%		
Thôn 3							
	Lúa	ha	32	182	80%	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, xây dựng mô hình sản xuất hàng hóa	20%
	Hoa màu	ha	6.7	182	80%		
Thôn:4							
	Lúa	ha	19	97	80%	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, xây dựng mô hình sản xuất hàng hóa	40%
	Hoa màu	ha	2.8	97	80%		

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Thôn: 5							
	Lúa	ha	35.6	204	80%	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, xây dựng mô hình sản xuất hàng hóa	40%
	Hoa màu	ha	6.1	204	80%		
Thôn: 6							
	Lúa	ha	19.3	115	80%	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, xây dựng mô hình sản xuất hàng hóa	40%
	Hoa màu	ha	3.3	115	80%		
II Chăn nuôi:							
Thôn 1							
	Gia súc	Con	27	30	60%	Đưa chuồng trại chăn nuôi xa khu dân cư, phát triển mô hình trang trại, gia trại	30%
	Gia cầm	Con	320	21	60%		
Thôn; 2							
	Gia súc	Con	320	5	60%	Đưa chuồng trại chăn nuôi xa khu dân cư, phát triển mô hình trang trại, gia trại	30%
	Gia cầm	Con	5410	23	60%		
Thôn: 3							
	Gia súc	Con	465	151	60%	Đưa chuồng trại chăn nuôi xa khu dân cư, phát triển mô hình trang trại, gia trại	30%
	Gia cầm	Con	2.631	173	60%		
Thôn: 4							
	Gia súc	Con	120	15	60%	Đưa chuồng trại chăn nuôi xa khu dân cư, phát triển mô hình trang trại, gia trại	30%
	Gia cầm	Con	1.700	61	60%		
Thôn: 5							
	Gia súc	Con	70	65	60%	Đưa chuồng trại chăn nuôi xa khu dân cư, phát triển mô hình trang trại, gia trại	30%
	Gia cầm	Con	1.321	120	60%		
Thôn 6							

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	Gia súc	Con	135	60	60%	Đưa chuồng trại chăn nuôi xa khu dân cư, phát triển mô hình trang trại, gia trại	30%
	Gia cầm	Con	725	43	60%		
III	Thủy Hải Sản Đánh bắt Người dân đi biển Tàu thuyền gần bờ Tàu thuyền gần bờ	Hộ Tàu Tàu					
IV	Nuôi trồng thủy sản Ao, hồ nuôi	Ha	26	91			
1	Thôn 1	ha	2,4	14	50%	Kiên cố hóa bờ bao nuôi; đầu tư máy móc phục vụ cho nuôi trồng thủy sản; Nuôi trồng các loại thủy sản có giá trị kinh tế;	60%
2	Thôn 2	ha	5,4	13	50%		
3	Thôn 3	ha	11,5	35	50%		
4	Thôn 4	ha	4,5	17	50%		
5	Thôn 5	ha	1	7	50%		
6	Thôn 6	ha	1,2	5	50%		
V	Du lịch Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn (Thôn 1: 3; Thôn 2: 02)	Thôn	5	5			
	Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống						
VI	Buôn bán và dịch vụ khác						
1	Thôn 1	Hộ		90	80%	Cơ cấu ngành nghề của địa phương hiện nay đang được chuyển dịch sang buôn bán, dịch vụ và địa làm tại các công ty	20%
2	Thôn 2	Hộ		120	80%		
3	Thôn 3	Hộ		12	80%		
4	Thôn 4	Hộ		16	80%		
5	Thôn 5	Hộ		22	80%		
6	Thôn 6	Hộ		25	80%		
Ghi chú khác: Tổng số hộ trồng lúa, hoa màu 704 hộ . Trong đó số diện tích trồng lúa: 142,9ha , trồng màu							

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

22,7ha; Chăn nuôi: Số hộ chăn nuôi gia súc: **266 hộ** với 1.137 con; Chăn nuôi gia cầm **441 hộ** với 12.107 con gia cầm (Thôn 02 có 01 trang trại gia cầm, thôn 5 có 2 trang trại gia súc; Buôn bán dịch vụ, thương mại toàn xã : **285 hộ**. Trong đó có 05 nhà nghỉ, khách sạn; Nuôi trồng thủy sản **26ha/ 91 hộ**;
Chăn nuôi: Trong xã có: 2 trang trại gia súc và 01 trang trại gia cầm (Thôn 4:2); 01 trang gia cầm, còn lại là chăn nuôi trong khu dân cư;

12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

T	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Địa bàn Thôn
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	99,5%	6/6 thôn
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	100	6/6 thôn
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới): Thôn 1 có 1 cụm với 4 loa, thôn 2 có 2 cụm 4 loa; thôn 3 có 3 cụm với 5 loa, thôn 4 1 cụm 3 loa; thôn 5 có 3 cụm 5 loa, thôn 6 có 1 cụm 3 loa;	Loa	24 Loa	6/6 thôn
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn	%	100%	6/6 thôn
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	Trạm	0
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Hộ	1374 Hộ	6/6 thôn
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ 1374	1374	6/6 thôn
<i>Ghi chú khác</i>				

13. Phòng chống thiên tai/TU'BDKH

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm	Thôn	6	Thôn 1,2, 3,4,5,6.
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	3	PTCS, THCS, mầm non
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua tại xã	Lần	02	

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	22	
	Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	06	Hậu cần
	Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCD hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu	Người	0	
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã	Người		
	Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	5	
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TU'BDKH dựa vào cộng đồng	Người	Tuyên truyền	
	Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	35	
7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:			
	Ghe, thuyền:	Chiếc	0	
	Áo phao	Chiếc	5	
	Loa	Chiếc	01	
	Đèn pin	Chiếc	20	
3	Máy phát điện dự phòng	Chiếc	01	
	Lều bạt	Chiếc	0	
	Xe vận tải (xã hợp đồng với các hộ)	Chiếc	15	
8	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng			
	Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	Đơn vị	3kg	
9	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Đơn vị	Đủ 10 loại	
10	Khác....			
<i>Ghi chú khác</i>				

14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác

15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TU'BDKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)

TT	Liệt kê các loại Kiến thức, Kinh nghiệm & Công nghệ	Thôn 1	Thôn 2	Thôn 3	Thôn 4	Thôn 5	Thôn 6	Khả năng của xã (Cao, Trung)

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

								<i>Bình, Thấp)</i>
1	Kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục)	80%	80%	80%	80%	80%	80%	Cao
2	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng							
	Điện	90%	90%	90%	90%	90%	90%	cao
	Đường và cầu cống	90%	90%	90%	90%	90%	90%	cao
	Trường			80%				cao
	Trạm			80%				cao
	Trụ sở UBND, Nhà Văn hóa				70%			cao
	Chợ		40%					Thấp
3	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi	80%	80%	80%	80%	80%	80%	cao
4	Kỹ năng và kiến thức chằng chống nhà cửa	80%	80%	80%	80%	80%	80%	cao
5	Kiến thức giữ gìn vệ sinh và môi trường	90% hộ dân	90,2% hộ dân	90% hộ dân	90% hộ dân	90% hộ dân	90% hộ dân	cao
6	Khả năng kiểm soát dịch bệnh của đơn vị y tế Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân	90% 70%	90% 70%	90% 70%	90% 70%	90% 60%	90% 60%	cao
7	Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý							
8	Hoạt động sản xuất kinh doanh	80%	80%	80%	80%	80%	80%	cao
9	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	80%	80%	80%	80%	80%	80%	cao
	Khả năng của thôn <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>	cao	cao	cao	cao	cao	cao	cao

C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng;

Loại hình Thiên tai/ BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT (Tình trạng dễ bị tổn thương)	Năng lực PCTT, TU' BĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BĐKH	Mức độ (Cao, Trung, Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, lụt	Thôn 1, 2,3	265 228 260	<p>1. Vật chất:</p> <p>Thôn 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà bán kiên cố: 13/237 cái; - Số đối tượng dễ bị tổn thương: + Người cao tuổi 77 (nữ 51); + Trẻ em dưới 5 tuổi: 61(Nữ 28); + Trẻ em từ 5-18: 112 (Nữ 59); + Phụ nữ mang thai, nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi: 8 + Dân tộc thiểu số: 4 người + Người khuyết tật: 16 (nữ 8); + Người bị bệnh hiểm nghèo: 3 (nữ 2) + Người nghèo: 5(nữ 4) + Phụ nữ đơn thân : 4 + Trẻ em không biết bơi 70% + Phụ nữ không biết bơi: 80% + Dân tộc thiểu số: 1 (nữ) <p>Những đối tượng này có nguy cơ mất an toàn cao khi thiên tai xảy ra;</p> <ul style="list-style-type: none"> -Không có các phương tiện cứu hộ cứu nạn: áo phao,phao bơi, xuồng... -Hệ thống loa truyền thanh có khoảng 20-30% hộ dân không tiếp cận được các thông tin. <p>Thôn 2:</p> <p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà bán kiên cố: 17/199 cái - Số đối tượng dễ bị tổn thương: + Người cao tuổi 53 (nữ 18); + Trẻ em dưới 5 tuổi: 38(Nữ 23); + Trẻ em từ 5-18: 96 (Nữ 48); + Phụ nữ mang thai và nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi 14. + Người khuyết tật: 14 (nữ 8); + Người bị bệnh hiểm nghèo: 0 + Người nghèo: 6 (nữ 4) + Phụ nữ đơn thân : 4 	<p>1.Vật chất:</p> <p>Thôn 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà kiên cố: 237/250 cái, là điểm đi dời sơ tán cho các hộ dân; - Có nhà văn hóa thôn là nơi để trực PCTT và sinh hoạt cộng đồng; - Có 1 bến xe khách của huyện đứng chân trên địa bàn thôn; - Khách sạn, nhà nghỉ: 4 nhà - Điện: Có 54 cây cột điện hạ thế;Đường dây điện 1,2km hạ thế; Có 01 trạm điện an toàn; - Đường giao thông đi lại an toàn khi sơ tán: 4,756km; (trong đó đường quốc lộ 0,4 km, đường xã 1,2 km, đường thôn 1,416 km, đường nội đồng 1,740 km). + Công giao thông 06 - Hệ thống cảnh báo sớm: Có loa truyền thanh (1 cụm 4 loa) đảm bảo 100% hộ dân tiếp cận được với thông tin cảnh báo sớm; 100% hộ dân có thiết bị nghe nhìn; 80% hộ dân sử dụng dịch vụ internet để cập nhật tin tức. -70-80% hộ dân tiếp cận được hệ thống truyền thanh của xã, thôn; - Vật tư: 250 bao bì, 150 cọc tre, 40 bó rơm, 6 sọt sắt, 2 dao rựa, 5 vồ.. Các vật tư này được Trường thôn quản lý tại nhà văn hóa thôn. - Phương tiện: Ô tô có: 60 cái. Trong đó ô tô con: 40 cái; 100% hộ có xe máy. Rất thuận lợi cho việc huy động đi dời sơ tán dân và vận chuyển phục vụ cho PCTT& cứu hộ cứu nạn - Hậu cần: Trong thôn có các đại lý buôn bán hàng tạp hóa (mỳ tôm, hoặc lương thực): 7 hộ. <p>Thôn 2:</p>	-Người có nguy cơ bị thương, chết khi thiên tai, tác động của BĐKH; -Nhà ở có nguy cơ bị hư hỏng, đổ khi thiên tai xảy ra.	Thấp

	<p>+ Trẻ em không biết bơi 85% + Phụ nữ không biết bơi 80% + Dân tộc thiểu số: 1 (nữ) -Không có các phương tiện cứu hộ cứu nạn: áo phao,phao bơi, xuồng... -Hệ thống loa truyền thanh có khoảng 20-30% hộ dân không tiếp cận được các thông tin.</p> <p>Thôn 3: * Vật chất: - Nhà bán kiên cố: 22/240 cái - Đường giao thông chưa kiên cố +Nội đồng: 0.5/2.83km chưa được bê tông; + Số đối tượng dễ bị tổn thương: người, trong đó: + Người cao tuổi: 105 người + Trẻ em dưới 5 tuổi: 84 + Trẻ em từ 5-18: 83 người + Phụ nữ mang thai và nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi :8 người; + Người khuyết tật: 8 người + Người bị bệnh hiểm nghèo: 5 người (1 nữ) + Hộ nghèo: 08; Cận nghèo 21 + Phụ nữ đơn thân : 4 người + Trẻ em không biết bơi 70% + Phụ nữ không biết bơi 80% -Không có các phương tiện cứu hộ cứu nạn: áo phao,phao bơi, xuồng... -Hệ thống loa truyền thanh có khoảng 20-30% hộ dân không tiếp cận được các thông tin.</p> <p>* Tổ chức xã hội: - Đội xung kích mỗi thôn có 15 người hàng năm chưa được tập huấn về cứu hộ cứu nạn, sơ cấp cứu, kiến thức PCTT, BDKH; - Lực lượng lao động trẻ thường đi làm ăn xa, khi thiên tai xảy ra việc huy động lực lượng tại chỗ gặp khó khăn nhất định; - Thiếu trang thiết bị PCTT, bảo hộ lao động, phương tiện cứu hộ cứu nạn cho lực lượng tham gia PCTT& TKCHCN; - Công tác tuyên truyền PCTT còn</p>	<p>* Vật chất: - Nhà kiên cố: 182 /199 cái, là điểm di dời sơ tán cho các hộ dân; - Có 64 cây cột điện: Trong đó cột điện cao thế: 10; Hạ thế 54;; Đường dây điện:1,3km. Trong đó đường dây cao thế 0.4km; hạ thế 0,9km; Trạm điện: Có 01 trạm điện kiên cố. - Có nhà văn hóa thôn là nơi để trực PCTT và sinh hoạt cộng đồng; - Đường giao thông đi lại an toàn khi sơ tán: 5,8km; Trong đó: Quốc lộ 10: 1,2km, đường tỉnh 0,6km, đường thôn 2,1km; Đường nội đồng 1,9km; +Cổng giao thông: 06 -Phương tiện cảnh báo sớm: Có phương tiện cảnh báo: như loa truyền thanh (2 cụm 4 loa) đảm bảo 100% hộ dân tiếp cận được với thông tin cảnh báo sớm; 90% hộ dân có thiết bị nghe nhìn; 85% hộ dân sử dụng dịch vụ internet để cập nhật tin tức. Trong thôn có tăng âm loa đài đầy đủ hoạt động có hiệu quả; - Vật tư: 280 bao bì, 140 cọc tre, 45 bó rơm, 8 sọt sắt, 5 dao rựa, 6 vò các vật tư này được để tại nhà văn hóa thôn do trưởng thôn quản lý thuận tiện cho việc sử dụng khi có thiên tai.Tại thôn có 01 cây xăng dầu thuận lợi cho các hộ dân trong thôn; - Trong thôn có 70 ô tô (gồm 50 ô tô con và 20 ô tô tải); thôn có hơn 600 xe máy thuận lợi cho việc di dời sơ tán dân;</p> <p>Thôn 3: * Vật chất: - Nhà ở:Nhà kiên cố: 182/240 cái, là điểm di dời sơ tán cho các hộ dân; Điện: - Có 46/46 cây cột điện kiên cố, an toàn; Cao thế: 05, hạ thế 41 -Đường dây điện an toàn 2.9/2.9.km; Cao thế: 0,6km hạ thế 2,3km; -Đường giao thông: + Đường tỉnh lộ: 0.6 km0.6/km nhựa; Đường xã: 0,8km + Đường Thôn: 2,03/2,03 km đường bê</p>	
--	--	---	--

	<p>nhiều hạn chế, không được làm thường xuyên; Địa phương chỉ thực hiện tuyên truyền khi có diễn biến về thiên tai, hoặc thực hiện tuyên truyền khi có sự chỉ đạo của Ban chỉ huy PCTT & TKCHCN của huyện;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa tổ chức diễn tập về PCTT thường xuyên; 10 năm trở lại đây địa phương đã tổ chức diễn tập được 2 lần; - Kế hoạch PCTT hàng năm có triển khai nhưng số hộ tham gia chưa đầy đủ, chưa có biện pháp kịp thời; - Sự phối kết hợp vào cuộc của các đoàn thể chưa thường xuyên; Các đoàn thể chưa đưa nội dung tuyên truyền PCTT, BDKH vào sinh hoạt định kỳ; - Nguồn kinh phí cho hoạt động phòng chống thiên tai tại các thôn không có; Khi trực PCTT mỗi ngày đêm được xã hỗ trợ 30.000đ. - Không có kinh phí nên hậu cần tại chỗ chủ yếu là vận động các hộ dân chuẩn bị; - Xã, thôn chưa hướng dẫn tuyên truyền các hộ sử dụng các kênh truyền thông để cập nhật thông tin về kinh tế-xã hội và các thông tin kiến thức về PCTT, BDKH; <p>* Nhận thức kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 20-30% người dân còn thiếu kiến thức về PCTT, BDKH; - 90% người dân không có kiến thức về sơ cấp cứu ban đầu; - 70-80% người dân không biết bơi. - 20% người dân không có kiến thức và kỹ năng chằng chống nhà cửa; - Đa số các hộ không có kế hoạch PCTT chỉ thực hiện theo kế hoạch của thôn, xã; - Đa số người dân chưa chủ động tìm hiểu quan tâm đến kiến thức về PCTT và BDKH; - 40% người dân thiếu kiến thức kỹ năng chằng chống nhà cửa; - 20% hộ dân không biết sử dụng 	<p>tông;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đường giao thông nội đồng: 2.33/2.83km được bê tông; + Công giao thông: 04 - Có phương tiện cảnh báo: như loa truyền thanh đảm bảo 98% hộ dân tiếp cận được với thông tin cảnh báo sớm. - Trong thôn có 6 ô tô (gồm 4 ô tô con và 2 ô tô tải) có thể vận chuyển tài sản và các đối tượng dễ bị tổn thương di dời sơ tán khi cần thiết; - 100% hộ gia đình có xe máy; - Có 300 bao bì tại nhà văn hóa thôn do trưởng thôn quản lý. <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội xung kích mỗi thôn có: 15 người có kinh nghiệm trong PCTT (nữ 6) - Hàng năm thôn đã xây dựng kế hoạch PCTT; Kế hoạch phòng chống thiên tai được triển khai đến các hộ dân thông qua hội nghị thôn; - Thôn có đội xung kích gồm 15 người; đa số lực lượng tham gia PCTT có kinh nghiệm, nhiệt tình; - Khi có diễn biến thiên tai thôn đã phân công lực lượng trực PCTT 24/24; huy động lực lượng xung kích hỗ trợ các hộ khó khăn thu hoạch, chằng chống nhà cửa, sơ tán; - Có hoạt động tuyên truyền về PCTT trong các cuộc họp thôn (khi xảy ra bão lụt và có tình huống xấu xảy ra theo chỉ đạo của xã). - Trước thiên tai đã chuẩn bị các phương án khi thiên tai xảy ra; tuyên truyền vận động các hộ dân chặt tỉa cành cây. Khơi thông cống rãnh, chằng - Sau thiên tai Ban Mặt trận thôn rà soát tình hình thiệt hại và báo cáo kịp thời với xã; có những đề xuất và hỗ trợ các hộ bị thiệt hại. <p>* Nhận thức và kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 70-80% người dân có kiến thức về PCTT, thực hiện tốt kế hoạch phòng chống thiên tai của xã, thôn. - Có 80% hộ dân chủ động dự trữ lương thực, nước uống khi có thiên tai bão, 	
--	--	--	--

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			<p>mạng để cập nhật thông tin; Đa số các hộ biết sử dụng các trang mạng XH nhưng lại không quan tâm đến cảnh báo thiên tai, kiến thức PCTT, BDKH;</p> <p>-40% người dân thiếu kiến thức chằng chống nhà cửa (chủ yếu là phụ nữ và người trẻ tuổi);</p>	<p>lụt.</p> <p>- 60% người dân có kiến thức và kỹ năng chằng chống nhà cửa;</p> <p>-80% hộ dân biết sử dụng mạng Internet để cập nhật các thông tin.</p>		
Bão, lụt, rét hại	Thôn 4,5,6	150 283 188	<p>* Vật chất:</p> <p>Thôn 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà bán kiên cố: 4/133 cái - Số đối tượng dễ bị tổn thương: người, trong đó: + Người cao tuổi: 54 người (nữ...) 2 + Trẻ em dưới 5 tuổi: 61 + Trẻ em từ 5-18: 88 người (nữ 45.) + Phụ nữ mang thai và nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi 7 người; + Người khuyết tật: 11 người (nữ 5) + Hộ nghèo: 02 ; Cận nghèo 5 + Phụ nữ đơn thân : 01 người + Trẻ em không biết bơi: 60% + Phụ nữ không biết bơi : -Đường giao thông nội đồng chưa được kiên cố 0,08km -Phương tiện cứu hộ cứu nạn: Không có áo phao cho lực lượng xung kích -Không có loa cầm tay để sử dụng khi cần thiết; -Không có các phương tiện cứu hộ cứu nạn, áo phao sử dụng khi cần thiết; Chưa trang cấp được các phương tiện bảo hộ cá nhân cho các thành viên làm công tác PCTT; -20-30% hộ dân không tiếp cận được hệ thống loa truyền thanh của xã. <p>Thôn 5:</p> <p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Cầu giao thông 01 cái xuống cấp, cầu yếu; - Nhà bán kiên cố: 19/267 cái - Số đối tượng dễ bị tổn thương: 522 người, trong đó: + Người cao tuổi 73 (nữ 23); + Trẻ em dưới 5 tuổi: 83 (Nữ 43); + Trẻ em từ 5-18: 135 (Nữ 64); + Phụ nữ mang thai, nuôi con nhỏ 	<p>*Vật chất:</p> <p>Thôn 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà kiên cố:129/133 cái, là điểm di dời sơ tán cho các hộ dân; - Có nhà văn hóa thôn là nơi để trực PCTT và sinh hoạt cộng đồng; - Điện : Cột điện: 24; Trong đó: cao thế 6/6 kiên cố, Hạ thế 18/18 cột kiên cố; -Đường dây điện: Có tổng số 3,19km. Trong đó cao thế: 1km, 2.19 km hạ thế kiên cố; Đường thôn vào các hộ gia đình 2.5km. + Đường tỉnh lộ: 0,5km/0.5km nhựa + Đường Thôn: 1.03km/1.03km đường bê tông; + Đường giao thông nội đồng: 2,26km/2,41km được bê tông; + công giao thông: 1 + Cầu giao thông: 3 cái đã được kiên cố; - Có phương tiện cảnh báo:01 cụm loa với 03 loa hoạt động tốt; Có âm ly, loa đài. như loa truyền thanh đám hoạt động tốt; -70-80% hộ dân tiếp cận được với hệ thống truyền thanh của xã một cách đầy đủ. bảo - Phương tiện PCTT: Trong thôn có 2 ô tô (gồm 2 ô tô tải). có thể huy động khi có thiên tai xảy ra. - Bao bì 150 bao bì tạt kết tại nhà văn hóa. - 100% hộ gia đình có xe máy; + Đền pin: 175; Có đầy đủ các trang thiết bị phòng chống thiên tai (Từ các cá nhân) +Dây thùng 500m -Vật tư tại thôn: bao bì 150, rơm rạ 1500kg, tre 100 cây, cọc 50, xô chậu 150 cái, sọt sắt 30 cái bó rỗng 50 bó;Hiện tại đang được để tại nhà văn 	<p>-Người có nguy cơ bị thương, chết khi thiên tai, tác động của BDKH;</p> <p>-Nhà ở có nguy cơ bị hư hỏng, đổ khi thiên tai, BDKH xảy ra.</p> <p>-Đường dây điện sau công tơ có nguy cơ mất an toàn khi thiên tai xảy ra</p>	Trung bình

	<p>dưới 12 tháng tuổi: 15 + Người khuyết tật: 11 (nữ 6); + Người bị bệnh hiểm nghèo: 0 (nữ 0); + Người dân tộc thiểu số: 01 + Người nghèo: 7 (nữ 6) + Phụ nữ trụ cột gia đình + Trẻ em không biết bơi 70%; + Tỷ lệ phụ nữ không biết bơi: chiếm khoảng 80%; -Phương tiện cứu hộ cứu nạn: Không có áo phao cho lực lượng xung kích -Không có loa cầm tay để sử dụng khi cần thiết; -Không có áo phao sử dụng khi cần thiết; Chưa trang cấp được các phương tiện bảo hộ cá nhân cho các thành viên làm công tác PCTT; Thôn 6: * Vật chất: - Nhà bán kiên cố: 9/168cái - Đường giao thông thôn có 1,12 km bị ngập khi có lụt khi thiên tai xảy ra; -Đường dây điện vào các hộ 0, 230 chưa được kiên cố - Số đối tượng dễ bị tổn thương: trong đó: + Người cao tuổi 53 (nữ 22); + Trẻ em dưới 5 tuổi: 49(Nữ 30); + Trẻ em từ 5-18: 75 (Nữ 33); + Phụ nữ mang thai: 7 + Người khuyết tật: 7 (nữ 4); + Người bị bệnh hiểm nghèo:0 + Người nghèo: 5(nữ 2) -Số hộ cần phải di dời : 0 -Phương tiện cứu hộ cứu nạn: Không có áo phao cho lực lượng xung kích -Không có loa cầm tay để sử dụng khi cần thiết; -Không có áo phao sử dụng khi cần thiết; Chưa trang cấp được các phương tiện bảo hộ cá nhân cho các thành viên làm công tác PCTT; -20-30% hộ dân không tiếp cận được hệ thống loa truyền thanh của xã. *Tổ chức xã hội:</p>	<p>hóa, Trưởng thôn trực tiếp quản lý. Thuận lợi cho việc sử dụng khi có thiên tai; . -70-80% hộ dân tiếp cận được với hệ thống truyền thanh của xã một cách đầy đủ. Thôn 5: - Nhà kiên cố: 248/267 cái, là điểm di dời sơ tán cho các hộ dân; - Cột điện: 46 cây . Trong đó Có 5/5 cột điện cao thế kiên cố, hạ thế 41/41 kiên cố cây cột điện kiên cố, an toàn; - Đường dây điện: 0,715km. Trong đó cao thế 0, 3km, hạ thế 0,415km Có trạm điện an toàn 1/1 - Có 2 nhà văn hóa thôn tổng 210m2, được xây dựng năm 2010 là nơi để trực PCTT và sinh hoạt cộng đồng; - Đội xung kích: 36 người có kinh nghiệm trong PCTT (nữ 12) - Đường giao thông đi lại an toàn khi sơ tán: + Đường xã: 1,9km + Đường liên thôn 3,18km + Đường giao thông nội đồng 5,12km; + Cầu giao thông: 03 cái kiên cố; Cổng giao thông; 05 cái đã được kiên cố. - Có phương tiện cảnh báo: có 3 cụm loa = 5 loa hoạt động tốt như loa truyền thanh đảm bảo 95% hộ dân tiếp cận được với thông tin cảnh báo sớm của xã và các kênh truyền hình của tỉnh và của Trung ương; - Số hộ có ti vi: 100% - Số hộ có điện thoại: 100% -70-80% hộ dân tiếp cận được với hệ thống truyền thanh của xã một cách đầy đủ. - Trong thôn có 8 ô tô (gồm 5 ô tô con và 3 ô tô tải); thôn có hơn 500 xe máy có thể điều động khi thiên tai bão lũ xảy ra. - Có 530 bao bì đựng cát ứng phó với thiên tai. Thôn 6: * Vật chất: - Nhà kiên cố: 159/168 cái, là điểm di dời sơ tán cho các hộ dân; - Có 37 cây cột điện: Trong đó</p>	
--	--	---	--

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	<p>- Có đội xung kích của thôn 4 và tổ PCTT tại thôn: 10 người (02 nữ) ; Đội xung kích thôn 5: 36 người; Đội xung kích thôn 6: 22 người hàng năm chưa được tập huấn về cứu hộ cứu nạn, sơ cấp cứu, kiến thức PCTT, BDKH; - Thiếu trang thiết bị PCTT, bảo hộ lao động, phương tiện cứu hộ cứu nạn còn thiếu; - Ở thôn không có kinh phí hoạt động cho công tác PCTT& TKCHCN; - Tổng kết, sơ kết công tác PCTT& TKCHCN, thi đua khen thưởng chưa được làm kịp thời; - Kế hoạch PCTT hàng năm có triển khai nhưng số hộ tham gia chưa đầy đủ, chưa có biện pháp kịp thời; - Các đoàn thể tham gia chưa đầy đủ, sự phối kết hợp giữa các ban ngành đoàn thể trong tuyên truyền PCTT còn hạn chế; Chi tuyên truyền khi có thông báo diễn biến thiên tai; - Thiếu nhân lực để huy động khi có các tình huống xảy ra do thiên tai. * Nhận thức kinh nghiệm: - 40% người dân còn thiếu kiến thức về PCTT, BDKH; - 30% hộ dân còn chủ quan, không chịu di dời khi có thông báo về thiên tai; không chủ động dự trữ lương thực, thực phẩm, nước uống. - Đa số người dân không có kiến thức về sơ cấp cứu ban đầu; 40-50% người dân không biết bơi. - 15% người dân không có kiến thức và kỹ năng chằng chống nhà cửa</p>	<p>cột điện hạ thế 37 cột + Đường dây điện: 3.2km đường đường dây điện hạ thế - Có nhà văn hóa thôn là nơi để trực PCTT và sinh hoạt cộng đồng; - Đội xung kích: 7/22 người có kinh nghiệm trong PCTT (nữ 01) - Đường giao thông đi lại an toàn khi sơ tán: 5,55km; + Đường xã: 0.8km + Đường liên thôn: 1,23km + Đường nội đồng: 1,93km + Cầu giao thông: 01 cái kiên cố; Cống giao thông; 4 cái đã được kiên cố. - Hệ thống điện: + Cột điện: 37/37 cột điện đã được kiên cố; + Đường dây điện: 0,351km đường dây điện an toàn; - Có phương tiện cảnh báo: Thôn có 01 cụm loa với 03 loa hoạt động tốt; Có 90% hộ dân tiếp cận được với thông tin cảnh báo sớm. + Số hộ có ti vi, điện thoại 100%. - Thôn có gần 400 xe máy và 05 cái xe ba gác. - Thôn đã chuẩn bị sẵn sàng 200 bao bì để phòng khi có thiên tai xảy ra * Tổ chức xã hội - Hàng năm thôn đã xây dựng kế hoạch PCTT; Năm 2018 xã tổ chức diễn tập PCTT với người tham gia trực tiếp 10; Số người dân tham gia 30 người; - Kế hoạch phòng chống thiên tai được triển khai đến các hộ dân thông qua hội nghị thôn; - Tổ phòng chống thiên tai tại các thôn đa số là những người có kinh nghiệm từ 5 năm trở lên; - Tập huấn 10 người (2017-2018); + Trước thiên tai: Thực hiện triển khai PCTT, diễn biến thiên tai đến người dân; Tuyên truyền chằng chống nhà cửa. + Trong thiên tai thôn huy động lực lượng ứng cứu kịp thời khi có các tình huống xảy ra; Theo dõi diễn biến thiên tai...Biên chế tiểu ban PCTT. Lực lượng Cứu hộ cứu nạn phân công trực 24/24, sẵn sàng ứng phó khi có các tình huống xảy ra;</p>	
--	---	--	--

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			<p>+ Sau thiên tai:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống kê thiệt hại và báo cáo cấp trên - Huy động nhân dân dọn vệ sinh môi trường, khơi thông cống rãnh xung quanh nhà và các khu vực bị ách tắc. - Tổ chức sửa chữa lại nhà ở cho các hộ khó khăn; <p>* Nhận thức kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 60% người dân có kiến thức về PCTT, thực hiện tốt kế hoạch phòng chống thiên tai của xã, thôn. - Có 70% hộ dân chủ động dự trữ lương thực, nước uống khi có thiên tai bão, lụt. -50% người dân có kiến thức và kỹ năng chằng chống nhà cửa; -Đa số các hộ gia đình đã phân công người trông trẻ em và người già; di dời sơ tán trẻ em và người già khi có lệnh của chính quyền địa phương; - 100% hộ dân đóng góp quỹ ANQP, quỹ PCTT hàng năm (Mỗi hộ 20.000đ) 		
--	--	--	--	--	--

Ghi chú khác: Xã có thôn 1,2,3 về điều kiện cơ sở vật chất kiên cố hơn, ở vùng cao, gần trung tâm huyện ít bị ảnh hưởng thiên tai hơn; Thôn 4,5,6 vùng thấp khi mưa to nước ứ đọng gây ngập úng cục bộ;

2. Hạ tầng công cộng:

Loại hình Thiên tai/ BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt, bão	Thôn 1,2,3	265 228 260	<p>* Vật chất:</p> <p>Thôn 1:</p> <p>- Đường: Có 0,295 km đường giao thông bị xuống cấp, đi lại khó khăn.(trong đó có 0,045 km/1,415km đường nội đồng; 0,25 km/1,49km đường thôn).</p> <p>Thôn 2: -Đường Quốc lộ 10 quan thôn 2 là 1,2km hiện nay đã xuống cấp;</p>	<p>* Vật chất:</p> <p>Thôn 1:</p> <p>- Đường giao thông đi lại an toàn khi sơ tán: 4,756km; (trong đó đường quốc lộ 0,4 km, đường xã 1,2 km, đường thôn 1,37 km/1,415km, đường nội đồng 1,24km1,49 km).</p> <p>+ Cống giao thông 06/6 cống giao thông kiên cố ;</p> <p>- Điện: Có 54 cây cột điện hạ thế;Đường dây điện 1,2km hạ thế; Có 01 trạm điện an toàn;</p>	-Đường giao thông liên thôn, giao thông nội đồng bị sạt lở, hư hỏng khi thiên tai, BĐKH xảy ra; -Trường mầm non có nguy cơ sập đổ khi thiên tai xảy ra	Thấp

	<p>Thôn 3: * Vật chất: - Giao thông: + Đường giao liên xã 0,8km đã được kiên cố nhưng hiện nay đã xuống cấp; + Đường giao thông nội đồng chưa kiên cố : 0.5 km/2.83km; -Trạm y tế đã xây dựng, việc khám và điều trị được thực hiện thường xuyên, các trang thiết bị được cung cấp nhưng chưa sử dụng có hiệu quả; -Trường học là nhà cao tầng tuy nhiên hệ thống thoát nước, công trình vệ sinh đã được xây dựng từ năm 1994 đã xuống cấp và cách ly ra ngoài vị trí nhà chính không thuận lợi cho các đối tượng người già, người khuyết tật. + Trường mầm non: có 01 dãy nhà bán kiên cố 12 phòng xây dựng đã lâu hiện nay đã xuống cấp; * Tổ chức xã hội: - Nguồn kinh phí làm đường giao thông liên thôn do nhân dân đóng góp 70 %.; -Hệ thống cống rãnh thoát nước trong khu dân cư còn nhỏ, hẹp không đảm bảo cho thoát nước. - 35% cán bộ làm công tác vận hành các công trình công cộng còn thiếu kiến thức, kỹ thuật công nghệ; trình độ chuyên môn thấp việc áp dụng các công nghệ cao còn hạn chế;</p>	<p>Thôn 2: * Vật chất: - Đường giao thông đi lại an toàn khi sơ tán: 5,8km; Trong đó: Quốc lộ 10: 1,2km, đường huyện 0,6km, đường thôn 2,1km; Đường nội đồng 1,9km; - Đường giao thông đã kiên cố đi lại của người dân rất thuận lợi; - Thôn có 06 công giao thông kiên cố, thuận lợi cho việc đi lại, di dời sơ tán dân khi thiên tai xảy ra. -Điện: Có 64 cây cột điện kiên cố. Trong đó + Cột điện cao thế:= 10 cây +Cột điện hạ thế: 54 cây - Đường dây điện= 5.8m - Có 01 trạm điện kiên cố, cung cấp đủ điện cho người dân trong thôn sử dụng; Thôn 3: * Vật chất: - Đường tỉnh lộ: 0.6 km/0.6km nhựa; Đường xã: 0,8km /0.8km. + Đường Thôn: 2,03/2,03 km đường bê tông; + Đường giao thông nội đồng: 2.33/2.83km được bê tông; + Cống giao thông; 04 -Điện: Có 46/46 cây cột điện kiên cố; Đường dây điện an toàn 2,9 km (100%) ; Có 01 trạm điện kiên cố, cung cấp đủ điện cho người dân trong thôn sử dụng; - Có nhà văn hóa thôn là nơi để nhân dân sinh hoạt mới được xây dựng. -Thôn có 4 /4 cái cống giao thông đã được kiên cố; + THCS: 1 nhà 02 tầng, 10 phòng + Tiểu học: 01 nhà 02 tầng với 12 phòng học và 01 nhà 1 tầng 6 phòng , Nhà bán kiên cố 3 phòng. là nơi an toàn để sơ tán các hộ dân ở vùng có nguy cơ cao khi thiên tai xảy ra; -Trạm Y tế xã: Có 12 phòng kiên cố phục vụ cho khám và điều trị</p>		
--	--	---	--	--

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			<ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyên truyền hành lang bảo vệ lưới điện, sử dụng điện an toàn chưa được quan tâm đúng mức. * Nhận thức kinh nghiệm: - Một số hộ dân không tham gia đóng góp làm đường giao thông liên thôn; - 60% hộ dân thiếu kiến thức sử dụng điện an toàn và tiết kiệm điện. - Đa số các hộ dân chưa chú trọng đến việc sử dụng điện năng lượng mặt trời trong sinh hoạt; - 15% hộ dân còn chưa làm tốt bảo vệ đường giao thông trong thôn; - Còn một số hộ dân đóng góp tiền điện sáng còn chậm, phải đôn đốc nhiều lần; 	<ul style="list-style-type: none"> bệnh cho nhân dân; * Tổ chức xã hội: - Kinh phí làm đường giao thông liên thôn được Nhà nước hỗ trợ 30%; - Có cơ chế hỗ trợ để nâng cấp một số đoạn đường bị xuống cấp (0,8km): hỗ trợ 100% xi măng, còn lại nhân dân đóng góp. - Trước thiên tai tại các thôn đã tuyên truyền vận động các hộ dân khơi thông cống rãnh thoát nước. - Sau thiên tai: tổ chức dọn dẹp vệ sinh đường làng ngõ xóm, khơi thông cống rãnh. - 65% cán bộ làm công tác vận hành các công trình công cộng có kiến thức, kỹ thuật công nghệ, áp dụng khoa học công nghệ vào việc vận hành, kiểm tra, giám sát * Nhận thức kinh nghiệm: - Đa số các hộ dân tích cực tham gia đóng góp làm đường giao thông; nộp tiền điện hàng tháng đầy đủ; - 90% hộ dân không lấn chiếm lòng lề đường để sử dụng cá nhân. - 85% hộ dân có ý thức bảo vệ hệ thống giao thông, các công trình công cộng; - 40% hộ dân có kiến thức sử dụng điện tiết kiệm, an toàn; 		
Lụt, bão	Thôn 4,5,6	150 283 188	<ul style="list-style-type: none"> * Vật chất: Thôn 4: - Giao thông: Đường giao thông nội đồng chưa kiên cố : 0.15km/2,41km đi lại khó khăn. Thôn 5: -Thôn có 0,54 km/5,12km đường giao thông nội đồng chưa được kiên cố. -Đường liên xã 1,9km đã được kiên cố nhưng hiện 	<ul style="list-style-type: none"> * Vật chất: Thôn 4: +Đường tỉnh lộ: 0.8km/0.8km nhựa . + Đường Thôn: 1.03km/1.03km đường bê tông; + Đường giao thông nội đồng: 2,26km/2,41km được bê tông; + Cống giao thông: 1/1 kiên cố + Cầu giao thông: 3/3 cái đã được kiên cố; Đường dây điện an toàn 3,19 km (100%) ; Có 01 trạm điện kiên cố, cung cấp đủ điện cho người dân trong thôn sử dụng; 	0,745 km Đường giao thông liên thôn, 1,9 km đường giao thông nội đồng bị hư hỏng, sạt lở, ngập khi thiên tai, BDKH; Cầu giao thông thôn 5 bị hư hỏng có	Trung bình

		<p>nay xuống cấp;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thôn có 01/4 cầu giao thông (Cầu khu vực xóm đôn) giao thông đã xuống cấp chưa được đầu tư sửa chữa và làm mới đi lại khó khăn khi thiên tai xảy ra; - Một số đoạn đường dây điện vào hộ gia đình cnf thấp, chưa an toàn; <p>Thôn 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thôn có 1.5 km đường cấp phối và 3.2 km đường đất dễ bị ngập lụt khi mưa bão; - Một số đoạn đường dây điện sau công tơ còn chưa được kiên cố; <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng còn chưa được đầu tư đồng bộ; - Công tác quản lý, phối hợp xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm vi phạm về hành lang an toàn giao thông; - 01 cán bộ làm công tác vận hành các công trình công cộng còn thiếu kiến thức, kỹ thuật công nghệ thông tin; việc áp dụng các công nghệ cao còn hạn chế; - Khả năng vận động nguồn lực từ bên ngoài để xây dựng hạ tầng công cộng còn hạn chế chủ yếu vận động nhân dân và của nhà nước hỗ trợ; - Công tác tuyên truyền kiến thức sử dụng điện an toàn chưa được quan tâm đúng mức; - Còn 35% công trình chưa đảm bảo kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng 	<p>Thôn 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường giao thông đi lại an toàn khi sơ tán: + Đường xã: 1,9km + Đường liên thôn 3,18km + Đường giao thông nội đồng 4,58km/5,12km; + Cầu giao thông: 03/4 cái kiên cố; Cổng giao thông; 05/05 cái đã được kiên cố - Điện: Có 01 trạm điện kiên cố, cung cấp đủ điện cho người dân trong thôn sử dụng - Có 5/5 cột điện cao thế kiên cố, hạ thế 41/41 kiên cố cây cột điện kiên cố, an toàn; Đường dây điện: có 3.5 km đường dây điện an toàn. Trong đó cao thế 0.3km, hạ thế 3.2km. <p>Thôn 6:</p> <p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thôn có 37 cột điện bê tông hóa, có 3,2 km đường dây điện bọc an toàn. - Đường giao thông đi lại an toàn khi sơ tán: 6.6km; + Đường xã: 0.8km + Đường liên thôn: 1.93km + Đường nội đồng: 2.82km + Cầu giao thông: 01/01 cái kiên cố; Cổng giao thông; 4/4 cái đã được kiên cố. - Cơ sở vật chất nhà văn hóa thôn gồm 1 nhà văn hóa kiên cố 150m vuông, 1 sân chơi thể thao 1500m, có sân nhà văn hóa 1000m2, để nhân dân làm nơi sinh hoạt Hệ thống âm thanh, trang thiết bị phục vụ hoạt động nhà văn hóa cơ bản đầy đủ; <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh phí làm đường giao thông liên thôn được Nhà nước hỗ trợ 30%; - Có ban giám sát cộng đồng về công trình công cộng tổ chức tham gia giám sát các công trình do ngân sách nhà nước đầu tư 	<p>nguy cơ mất an toàn khi thiên tai, BĐKH;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường dây điện vào các hộ gia đình, thôn 5, thôn 6 mất an toàn khi thiên tai xảy ra
--	--	--	---	---

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<p>và duy tu công trình công cộng;</p> <p>-Toàn xã có 01 cán bộ có chuyên môn về giao thông, thủy lợi; các thôn không có chủ yếu là kiêm nhiệm;</p> <p>-Ban giám sát cộng đồng về công trình công cộng còn nhiều hạn chế.</p> <p>* Nhận thức kinh nghiệm:</p> <p>-15% hộ dân còn chưa làm tốt bảo vệ đường giao thông trong thôn;</p> <p>- Còn 1,5% hộ dân chưa nộp tiền điện sáng hàng tháng đầy đủ;</p> <p>-Đa số các hộ dân thiếu kiến thức về sử dụng điện tiết kiệm, sử dụng điện an toàn;</p> <p>-100% hộ gia đình chưa sử dụng điện năng lượng mặt trời;</p> <p>-70% hộ gia đình chưa chủ động cắt điện khi thiên tai xảy ra;</p>	<p>xây dựng .</p> <p>- Có quy định không cho xe quá tải vào thôn (vượt quá 2,5 tấn);</p> <p>-Vận động nhân dân đóng góp đường điện sáng trong thôn lắp các bóng điện đường đi lại trong thôn;</p> <p>- 01 cán bộ làm công tác vận hành, bảo quản các công trình công cộng trong thôn;</p> <p>- Ngành điện đã chủ động cắt điện khi có thiên tai</p> <p>*Nhận thức kinh nghiệm:</p> <p>- Đa số các hộ dân tích cực tham gia đóng góp làm đường giao thông; nộp tiền điện đầy đủ;</p> <p>- 85% hộ dân không lấn chiếm lòng lề đường để sử dụng cá nhân.</p> <p>- 90% hộ dân có ý thức bảo vệ hệ thống giao thông, các công trình công cộng;</p>		
<p>Ghi chú khác: Cơ sở hạ tầng của toàn xã cơ bản đã được kiên cố hóa, tuy nhiên hiện nay còn 1 cầu giao thông tại thôn 5 đã xuống cấp, 745km đường giao thông liên thôn, 1,9km đường giao thông nội đồng là đường đất đi lại khó khăn, nguy cơ mất an toàn khi thiên tai xảy ra;</p>					

3. Công trình thủy lợi:

Loại hình Thiên tai/ BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
Lụt, bão, hạn hán	Thôn 1, 2,3.	265 228 260	<p>* Vật chất</p> <p>Thôn 1:</p> <p>-6/31 công thủy lợi chưa kiên cố;</p> <p>Thôn 2:</p> <p>- Có 5/22 công thủy lợi chưa kiên cố;</p>	<p>* Vật chất</p> <p>Thôn 1:</p> <p>- Có 25/31 công thủy lợi đã kiên cố;</p> <p>- Thôn có 3,09km hệ thống kênh mương tưới, tiêu.</p>	Kênh mương, công bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra	Trung bình

		<p>- Có 0,4km kênh mương xuống cấp, ảnh hưởng đến việc thoát nước khi thiên tai xảy;</p> <p>Thôn 3:</p> <p>- Có 0,64/3,0km kênh mương chưa được kiên cố;</p> <p>- Có 3/12 chưa kiên cố</p> <p>- Có 234/260 hộ chưa có máy bơm, phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt;</p> <p>*Tổ chức xã hội</p> <p>- Chưa có nguồn kinh phí tu sửa, tu bổ hàng năm;</p> <p>- Tổ bảo nông kiêm nhiệm, kinh phí hỗ trợ thấp.</p> <p>- Điều tiết nước chưa kịp thời ảnh hưởng đến mùa vụ ở những vùng đất cao</p> <p>- 20% chưa áp dụng kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi;</p> <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <p>- Một số hộ dân chưa có ý thức bảo vệ hệ thống kênh mương, còn tự ý lấy nước; Chưa tuân thủ điều tiết nước của HTXNN;</p> <p>- Việc đóng góp thủy lợi phí còn một số hộ còn chậm chưa kịp thời .</p> <p>- Một số hộ dân còn lấn chiếm bờ kênh dẫn đến sạt lở bờ và bỏ rác thải ra kênh mương.</p> <p>- Chưa có kế hoạch duy tu bảo dưỡng bờ kênh.</p> <p>- Chưa tiết kiệm trong việc sử dụng nước tưới, một số hộ dân còn vứt rác thải nông nghiệp xuống kênh mương gây ách tắc dòng chảy;</p>	<p>Thôn 2:</p> <p>- Có 17/22 cống thủy lợi đã kiên cố;</p> <p>- Thôn có 1,34km hệ thống mương tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp</p> <p>Thôn 3:</p> <p>- Kênh mương 2,36km/3,0km kênh mương đã được kiên cố;</p> <p>- Có 9/ 12 cống kiên cố</p> <p>- Có 04/04 cống thủy lợi đã được kiên cố</p> <p>- Hệ thống thoát nước thải khu dân cư không có.</p> <p>- Có khoảng 9 hộ dân đã trang bị máy bơm nước dùng để tưới tiêu;</p> <p>- Máy bơm nước hộ gia đình phục vụ sản xuất: 9 cái.</p> <p>*Tổ chức xã hội:</p> <p>- Nhà nước đầu tư xây dựng 100% kè kênh mương.</p> <p>- 70% đã áp dụng kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi;</p> <p>- Hợp tác xã NN của xã thực hiện tốt việc điều tiết nước cho sản xuất NN;</p> <p>- Thôn có tổ 3 người trong tổ bảo nông, được HTX hỗ trợ 6 tháng được 1,2tr.</p> <p>*Nhận thức kinh nghiệm:</p> <p>- Đa số người dân có ý thức tham gia nạo vét kênh mương, đóng góp thủy lợi phí;</p> <p>- Hàng năm nhân dân thường xuyên khơi thông dòng chảy, nạo vét kênh mương.</p> <p>- Các cống thường xuyên được kiểm tra và xử lý kịp thời khi có vật cản.</p> <p>- Một số ít hộ đã chủ động đầu tư máy bơm để phục vụ cho sản xuất, giảm bớt chi phí nhân công lao động;</p>		
Thôn 4,5,6	150 283 188	<p>*Vật chất:</p> <p>Thôn 4:</p> <p>- Có 1,34km/3,05km kênh mương chưa được kiên cố;</p>	<p>*Vật chất:</p> <p>Thôn 4:</p> <p>- Kênh mương 1,69km/3,05km kênh mương đã được kiên cố;</p>	-Kênh mương, cống thủy lợi hư hỏng	Cao

		<p>-Có 4/19 cống thủy lợi chưa kiên cố;</p> <p>Thôn 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 1,77 km kênh mương xuống cấp và chưa kiên cố; -Có 8/31 cống thủy lợi chưa kiên cố; <p>Thôn 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 0,72km kênh mương xuống cấp chưa kiên cố; -Có 6/24 cống thủy lợi chưa kiên cố; <p>*Tổ chức – xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn kinh phí tu sửa, tu bổ hàng năm còn ít; - Chưa vận động được nguồn kinh phí cho việc duy tu, bảo dưỡng; - Cán bộ làm công tác thủy nông của xã có 01 công chức; Thôn có tổ bảo nông 2-3 người - Chưa chủ động được nguồn nước tưới, tiêu cho việc trồng trọt. - 20% chưa áp dụng kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi; -800mét đoạn kênh mương tại thôn 4 giáp xã Nga Trung chưa được kiên cố không được nạo vét, khơi thông bèo tây làm cản trở dòng chảy gây ngập úng cục bộ; <p>*Nhận thức, kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cá biệt có một vài hộ còn bỏ rác ra kênh mương; Việc lấy nước không tuân thủ điều tiết của cán bộ bảo nông; - Một số hộ chưa chủ động đóng góp kinh phí nạo vét, hệ thống kênh mương 	<p>-Có 15/19 cống thủy lợi đã kiên cố</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 01 cầu giao thông đã kiên cố; - Có khoảng 7 hộ dân đã trang bị máy bơm nước dùng để tưới tiêu; <p>Thôn 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Kênh mương có 4,79km trong đó có 3,02 km kiên cố. - Có 23/31 cống thủy lợi kiên cố - Có 03 cầu giao thông và 05 cống giao thông - Thôn có 3km hệ thống thoát nước đã được kiên cố <p>Thôn 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Hệ thống kênh mương có 3,82 km, trong đó có 3,1 km kiên cố. -Có 18/24 cống thủy lợi kiên cố - Có 1 cầu giao thông và 4 cống giao thông chính; -Thôn có 3.2km hệ thống thoát nước <p>*Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà nước đầu tư xây dựng 90% kè kênh mương; hàng năm có bổ sung kinh phí duy tu bảo dưỡng; - Có HTXNN: Số người 5 Có 1 tổ bảo nông gồm 3 người. - Hệ thống nước tưới, tiêu được sử dụng từ kênh 19 trạm bơm Xã Loan xã Nga Văn; - 80% đã áp dụng kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi; <p>*Nhận thức kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân có ý thức tham gia nạo vét kênh mương, phục vụ tưới tiêu nội đồng, nhân đóng góp thu dịch vụ của HTXNN; - Hàng năm nhân dân thường xuyên khơi thông dòng chảy, nạo vét kênh mương. - Một số cống thủy lợi thường xuyên được kiểm tra và xử lý kịp thời khi có vật cản. - Một số ít hộ đã chủ động đầu tư máy bơm để phục vụ cho sản xuất, giảm bớt chi phí nhân công lao động; 	<p>khí thiên tai, BĐKH</p>	
--	--	---	--	----------------------------	--

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

<p>Ghi chú khác: Xã hiện còn 4,49/19,07km kênh mương là mương đất; 32/121 công bán kiên cố xuống cấp; có 800 mét kênh mương tại thôn 4 giáp xã Nga Trung. Hiện nay do xã Nga Trung chặn dòng chảy nên gây ngập úng cục bộ tại thôn 4, thôn 5.</p>							

4. Nhà ở:

Loại hình Thiên tai/ BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, lụt	Thôn 1, 2, 3	265 228 260	<p>*Vật chất;</p> <p>Thôn 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nhà bán kiên cố: 13 cái; Số nhà đề xuất dự án GCF hỗ trợ năm 2019: 04 hộ. - Phụ nữ đơn thân: có 04 phụ nữ cao tuổi cô neo đơn - Phụ nữ là trụ cột gia đình là 21 người - Đa số các hộ có nhà đều có mái che lợp hè, chống nóng bằng tôn nguy cơ mất an toàn khi có bão; <p>Thôn 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nhà bán kiên cố: 17/ 199 cái; +Số nhà đề xuất dự án GCF hỗ trợ năm 2019: 15 hộ - Phụ nữ đơn thân: có 08 phụ nữ cao tuổi cô neo đơn - Phụ nữ là trụ cột gia đình là 20 người - Đa số các hộ có nhà đều có mái che lợp bằng tôn nguy cơ mất an toàn khi có bão; <p>Thôn 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nhà bán kiên cố: 22/240 cái; Trong đó số nhà được dự án hỗ trợ: 03 hộ (hiện nay đang làm 02 hộ, còn 01 hộ chưa được phê duyệt); 	<p>*Vật chất:</p> <p>Thôn 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà kiên cố có 237 nhà làm nơi sơ tán cho các hộ trong thôn; - Có nhà văn hóa thôn để trực PCTT, sinh hoạt cộng đồng. <p>Thôn 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà kiên cố có 182 / 199 nhà -Thôn có 01 khách sạn, 02 nhà nghỉ: (Khách sạn Hoàng Anh, Nhà nghỉ Thanh Lài); làm nơi tránh trú cho các hộ dân xung quanh; - Có nhà văn hóa thôn để trực PCTT, sinh hoạt cộng đồng; Nhà văn hóa thôn 490 được xây dựng năm 2002 là nhà cấp 4 <p>Thôn 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nhà kiên cố 218/240 nhà làm nơi trú ẩn tại chỗ cho các hộ trong thôn; -Có 01 nhà văn hóa thôn để trực PCTT, sinh hoạt cộng đồng - Nhà văn hóa được xây dựng kiên cố bảo là nơi trực PCTT. <p>*Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các đoàn thể vận động làm nhà cho các hộ nghèo; các chương trình: nhà tình thương, 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà ở bán kiên cố có nguy cơ bị tốc mái hư hỏng khi thiên tai xảy ra 	Thấp

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			<p>+Số nhà đề xuất dự án hỗ trợ năm 2019:05 hộ</p> <p>-Phụ nữ đơn thân: có 6 phụ nữ cao tuổi cô neo đơn và 1 phụ nữ đơn thân nuôi con nhỏ.</p> <p>-Phụ nữ là trụ cột gia đình là 89 người;</p> <p>-Hộ nghèo:8; Cận nghèo: 21</p> <p>*Tổ chức xã hội:</p> <p>-Cả 3 thôn có hơn 300 lao động đi làm tại công ty huyện Nga Sơn, đi ăn xa thường xuyên không có mặt ở nhà ;các hộ này thường thiếu nhân lực khi thiên tai xảy ra;</p> <p>- Đội xung kích có các thôn được tập huấn kiến thức chằng chống nhà cửa và kiến thức XD nhà ở an toàn;</p> <p>- Công tác tuyên truyền PCTT, BDKH còn chưa được làm thường xuyên;</p> <p>-Khuyến cáo, hướng dẫn các hộ dân xây dựng nhà an toàn, tu sửa, nâng cấp, chằng chống nhà cửa chưa được quan tâm đúng mức; các đoàn thể chưa thụ sự vào cuộc để hướng dẫn các hộ dân;</p> <p>*Nhận thức kinh nghiệm:</p> <p>- Đa số người dân chưa có kiến thức về BDKH: Nguyên nhân, tác hại của BDKH.</p> <p>-20% hộ dân chưa chủ động về phòng chống thiên tai, chủ quan.</p> <p>-10% hộ dân chưa chủ động, không có khả năng xây dựng nhà an toàn;</p> <p>-90% hộ dân khi làm nhà không quan tâm đến việc xây dựng nhà tránh lũ (gác lững, lối thoát hiểm);</p>	<p>nhà tình nghĩa, mái ấm tình thương...;</p> <p>- Địa phương vận động các nhà hảo tâm các doanh nghiệp hỗ trợ các hộ nghèo làm nhà ở;</p> <p>- Các hộ được hỗ trợ vay vốn sửa chữa nâng cấp nhà ở;</p> <p>- Sau khi thiên tai xảy ra Ban mặt trận thôn kiểm tra báo cáo số liệu về BCH PCTT xã; vận động các hộ dân ủng hộ ngày công, vật liệu giúp đỡ các hộ bị thiệt hại.</p> <p>- Huy động lực lượng xung kích hỗ trợ các hộ khó khăn để gia cố nhà cửa, chặt tía cành cây to xung quanh nhà trước khi thiên tai xảy ra;</p> <p>- Huy động lực lượng ứng trực 24/24;</p> <p>- Cán bộ, lực lượng xung kích có khả năng ứng dụng công nghệ cao: điện thoại thông minh, hệ thống mạng để cập nhật các thông tin KT-XH</p> <p>*Nhận thức kinh nghiệm</p> <p>- 80% người dân chủ động chằng chống nhà cửa trước khi có thiên tai;</p> <p>-90% hộ dân chủ động xây dựng nhà an toàn.</p>		
Bão,lụt, hạn hán	Thôn 4,5,6	150 283 188	<p>*Vật chất;</p> <p>Thôn 4:</p> <p>-Nhà bán kiên cố: 15/144 cái;</p> <p>-Số nhà đề xuất dự án GCF hỗ</p>	<p>*Vật chất;</p> <p>Thôn 4:</p> <p>-Nhà kiên cố 129/144 nhà làm nơi trú ẩn tại chỗ cho các hộ</p>	- Nhà ở bán kiên cố có nguy cơ bị	Trung bình

		<p>trợ năm 2019: 15 hộ</p> <ul style="list-style-type: none"> -Phụ nữ đơn thân: có 63 phụ nữ cao tuổi cô neo đơn và 12 phụ nữ đơn thân nuôi con nhỏ. -Phụ nữ là trụ cột gia đình là 63 người; -Hộ nghèo: 2; Cận nghèo: 5 - Nhà văn hóa chưa có phòng sinh hoạt riêng chon nam nữ khi sơ tán PCTT chưa đủ công trình vệ sinh và nước sạch. <p>Thôn 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nhà bán kiến cổ: 19/267 cái; + Số nhà đề xuất dự án GCF hỗ trợ năm 2019: 9 nhà - Phụ nữ đơn thân: có 11 phụ nữ cao tuổi cô neo đơn và 3 phụ nữ đơn thân nuôi con nhỏ. - Phụ nữ là trụ cột gia đình là 65 người; <p>Thôn 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nhà bán kiến cổ: 9/168 nhà Số nhà đề xuất dự án hỗ trợ năm 2019: 09 nhà - 06 Phụ nữ đơn thân: có 02 phụ nữ cao tuổi cô neo đơn và 02 phụ nữ đơn thân nuôi con nhỏ. - Phụ nữ là trụ cột gia đình là 16 người; - Hộ nghèo 06; Cận ghèo 17 các hộ này có tu nhập thấp khó khăn việc tu sửa, nâng cấp. Chẳng chống khi thiên tai; <p>*Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thôn có gần 300 lao động đi làm ăn xa thường xuyên không có mặt ở nhà (90% nam giới); các hộ này thường thiếu nhân lực khi thiên tai xảy ra - Có hơn 300 lao động làm ở công ty may MS Vina, công ty may Winner Vina, Công ty Gấu bông đóng trên địa bàn xã và huyện và đi làm ăn xa; Khi huy động nhân lực gặp khó khăn; - Đội xung kích các thôn chưa được tập huấn kiến thức chẳng 	<p>trong thôn;</p> <ul style="list-style-type: none"> -Có 01 nhà văn hóa thôn xây dựng năm 2009 tổng số 200 met vuông để trực PCTT, sinh hoạt cộng đồng - Nhà văn hóa có 01 phòng sinh hoạt chung cho nhân dân sơ tán PCTT. <p>Thôn 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà kiên cố có 248/267 nhà - Có nhà văn hóa thôn để trực PCTT, sinh hoạt cộng đồng. - Có 01 nhà đang làm do dự án GCF <p>Thôn 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà kiên cố có 159/168 nhà - Có nhà văn hóa thôn xây dựng năm 1996 (nhà cấp 4); để trực PCTT, sinh hoạt cộng đồng là nơi cho nhân dân trú ẩn khi có rủi ro thiên tai xảy ra. Diện tích nhà văn hóa thôn 150m vuông, 1 sân chơi thể thao 1500m, có sân nhà văn hóa 1000m, để nhân dân làm nơi sinh hoạt <p>*Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các đoàn thể vận động làm nhà cho các hộ nghèo; các chương trình: nhà tình thương, nhà tình nghĩa, mái ấm tình thương; - Địa phương vận động các nhà hảo tâm các doanh nghiệp hỗ trợ các hộ nghèo làm nhà ở - Các hộ được các đoàn thể Hội cấp trên tín chấp với Ngân hàng CSXH, NHNN huyện Nga Sơn hỗ trợ vay vốn sửa chữa nâng cấp nhà ở như hộ gia đình chị Nụ, gia đình chị Khuyên, gia đình chị Chài. - Sau khi thiên tai xảy ra Ban chỉ huy thôn kiểm tra báo cáo số liệu về BCH PCTT xã đề có cơ chế hỗ trợ các gia đình có thiệt hại về tài sản, vật nuôi, cây trồng.... - Huy động lực lượng xung kích 	<p>tóc mái hư hỏng khi thiên tai xảy ra</p>	
--	--	---	---	---	--

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<p>chống nhà cửa và kiến thức XD nhà ở an toàn;</p> <p>- Công tác tuyên truyền PCTT, BĐKH còn chưa được làm thường xuyên, chỉ tuyên truyền khi có thiên tai, bão lụt sắp xảy ra;</p> <p>*Nhận thức kinh nghiệm:</p> <p>- 4% hộ có nhà mái tôn nhưng không được chằng chống trước thiên tai;</p> <p>- 40% người dân còn thiếu kiến thức về PCTT, BĐKH;</p> <p>- 30% hộ dân còn chủ quan, không chịu di dời khi có thông báo về thiên tai; không chủ động dự trữ lương thực, thực phẩm, nước uống.</p> <p>- Đa số người dân không có kiến thức về sơ cấp cứu ban đầu; 40-50% người dân không biết bơi.</p> <p>-15% người dân không có kiến thức và kỹ năng chằng chống nhà cửa;</p> <p>- 85% hộ dân khi làm nhà không quan tâm đến việc xây dựng nhà tránh lụt, bão (gác lững, lối thoát hiểm, phòng tránh trú);</p>	<p>chặt tía cành cây to xung quanh nhà trước khi thiên tai xảy ra;</p> <p>- Huy động lực lượng dân quân ứng trực 24/24 tại nhà văn hóa thôn.</p> <p>- Cán bộ, lực lượng xung kích thường xuyên cập nhật tin tức thời tiết, tình hình bão lũ, thiên tai để xử lý, ứng phó kịp thời.</p> <p>- Hỗ trợ kịp thời các hộ bị thiệt hại ổn định cuộc sống</p> <p>*Nhận thức kinh nghiệm</p> <p>- Có 80% người dân có kiến thức về PCTT, thực hiện tốt kế hoạch phòng chống thiên tai của xã, thôn.</p> <p>- Có 95% hộ dân chủ động dự trữ lương thực, nước uống khi có thiên tai bão, lụt.</p> <p>-85% người dân có kiến thức và kỹ năng chằng chống nhà cửa;</p> <p>-60% người dân có kiến thức hiểu biết về PCTT, BĐKH;</p>		
<p>Ghi chú khác: Xã có tổng số hộ 1.257 nóc nhà/1.374 hộ ; Có nhà 2-3 hộ chung 1 nóc nhà. Trong đó 95 nhà bán kiên cố, đa số là các hộ nghèo, cận nghèo, các hộ có chủ hộ là trụ cột gia đình; các thôn 4,5,6 ở vùng trũng nhà ở có nguy cơ rủi ro cao hơn;</p>					

5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường:

Loại hình Thiên tai/ BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt, Bão, hạn hán	Thôn 1,2,3	265 228 260	*Vật chất: Thôn 1: - Số hộ dùng giếng khoan/ khơi 91 hộ (theo nóc nhà);	*Vật chất: Thôn 1: - Số hộ sử dụng nước máy 221 hộ; số hộ có bể chứa	Nguồn nước sinh hoạt bị ô nhiễm ;	Thấp

		<p>- Số hộ có bể dự trữ nước mưa: 200 hộ, 34% các hộ lấy nước trực tiếp từ giếng khoan; - Còn 1 số hộ chưa sử dụng nước sạch do còn thói quen sử dụng nước mưa thay cho nước sạch. - Hệ thống thoát nước sinh hoạt chưa đảm bảo, ô nhiễm môi trường; - Không có các dụng cụ chứa rác thải tại các khu công cộng; - Có 90% hộ không có máy lọc nước. - Thuốc khử trùng,tiêu độc xử lý môi trường còn hạn chế, hướng dẫn cấp phát cho các hộ dân chưa kịp thời; Thôn 2: - Số hộ dùng giếng khoan/ khơi 72 hộ. Trong đó có 36 hộ chưa được sử dụng máy do các hộ chưa đóng góp kinh phí để sử dụng nước máy; -34% các hộ lấy nước trực tiếp từ giếng khoan; -Hệ thống thoát nước ở thôn 2 không thoát được nước - Không có các dụng cụ chứa rác thải tại các khu công cộng; - Có 90% hộ không có máy lọc nước. - Thuốc khử trùng,tiêu độc xử lý môi trường còn hạn chế, hướng dẫn cấp phát cho các hộ dân chưa kịp thời, hạn chế Thôn 3: - Có 38% với 99 hộ sử dụng giếng khoan, giếng khơi; - Còn 99 hộ dùng nước giếng khoan; Nguồn nước sinh hoạt bị nhiễm đá vôi; -Có 60% hộ không có máy lọc nước gia đình. - 25% các hộ lấy nước trực tiếp từ giếng khoan; - Cục bộ còn có khu vực trong thôn chưa có hệ thống rãnh thoát nước sinh hoạt, tình trạng ô</p>	<p>nước là 221 hộ để lọc, 10% các hộ sử dụng máy lọc nước; -Số hộ sử dụng nhà vệ sinh tự hoại 265; - Có 90% số hộ sử dụng nước sạch. - Có hơn 100 hộ trong thôn có hệ thống cống thoát nước đảm bảo. -Số hộ được sử dụng nước máy: 192 hộ; - Số hộ có bể chứa nước là 192/228 hộ để lọc và dự trữ; - Thôn có 5 hộ sử dụng bình nóng lạnh năng lượng mặt trời; nước mưa; Thôn 2: - 10% các hộ sử dụng máy lọc nước; - Có hơn 100 hộ trong thôn có hệ thống cống thoát nước đảm bảo. - Tất cả các hộ có nhà vệ sinh đảm bảo; -Hệ thống thoát nước đã được quy hoạch đảm bảo tiêu thoát nước khi mưa to dài ngày; -Thôn có 5 hộ sử dụng bình nóng lạnh năng lượng mặt trời; Thôn 3: - Có 161 hộ/260 hộ sử dụng nước máy đạt 62%; - Có 260/260 hộ có bể dự trữ nước mưa; -Có 104 hộ /260 hộ có sử dụng máy lọc nước; - Có 225/260 hộ trong thôn có hệ thống cống thoát nước đảm bảo. - Có 234 hộ/260 hộ có nhà vệ sinh đảm bảo; Số hộ có bể chứa nước 104/260 hộ dùng nước mưa,</p>	<p>Thiếu nước sinh hoạt khi thiên tai và tác động của BĐKH;</p>
--	--	---	---	---

		<p>nhiệm vẫn còn ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có các dụng cụ chứa rác thải tại các khu công cộng; - Thuốc khử trùng,tiêu độc xử lý môi trường còn hạn chế, hướng dẫn cấp phát cho các hộ dân chưa kịp thời; - Có 41 hộ hệ thống thoát nước sinh hoạt chưa đảm bảo; Có 145/156 hộ chăn nuôi không có biogas; -Thuốc khử trùng,tiêu độc xử lý môi trường còn hạn chế không đủ để xử lý khi thiên tai xảy ra; <p>*Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyên truyền vệ sinh môi trường đã làm nhưng công tác kiểm tra giám sát chưa được làm thường xuyên; Chưa có biện pháp xử lý các hộ vi phạm quy ước - Sau khi thiên tai xảy ra công tác khử độc tiêu trùng chưa được làm kịp thời; - Cán bộ y tế, cán bộ thôn còn một số đồng chí chưa nhiệt tình. - Các hộ gia đình chưa thường xuyên phun thuốc diệt muỗi, thuốc tiêu độc khử trùng; - Tuyên truyền, vận động các hộ dân khơi thông cống rãnh trước khi thiên tai xảy ra còn hạn chế; - Công tác kiểm tra, đôn đốc chưa được thường xuyên; - Chưa hướng dẫn các hộ dân phân loại rác thải, sử dụng rác thải làm phân bón hữu cơ bảo vệ môi trường; -Công ty vệ sinh môi trường chưa thu gom rác ở trục đường mới tại thôn 2; <p>*Nhận thức kinh nghiệm :</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40% hộ dân chưa chấp hành quy ước về bảo vệ môi trường của thôn; - 15% người dân thiếu kiến thức về bảo vệ môi trường chưa biết được tác hại của việc ô nhiễm 	<p>đạt 40%.</p> <p>Có 234.hộ có nhà vệ sinh đảm bảo (100%);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 11/156 hộ chăn nuôi có bể biogas; Có dụng cụ thu gom bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, rác thải tại các cánh đồng canh tác; -Thôn có 3 hộ sử dụng bình nóng lạnh năng lượng mặt trời; <p>*Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đội thu gom rác thải mỗi tuần 02 lần (thứ 3,6); - Công tác tuyên truyền cho nhân dân kiến thức VSMT đã được làm hàng năm, mỗi tháng 1 lần vào chủ nhật cuối tháng, nhất là trước, trong và sau dịp tết. - Hàng tháng các thôn phối hợp với chi hội phụ nữ thôn làm vệ sinh môi trường vào ngày chủ nhật cuối tháng (Chi hội phụ nữ làm nòng cốt) ; - Các chi hội đều có các đoạn đường do các tổ chức tự quản (Hội CCB, Đoàn TN, Phụ nữ); Trong thôn có nhiều đoạn đường đã được chi hội phụ nữ trồng hoa hai bên đường tạo cảnh quan xanh sạch đẹp. - Nhà nước hỗ trợ các hộ chăn nuôi xây dựng hầm biogas (05tr/hộ); - Hội phụ nữ các thôn có tổ tự quản về An toàn thực phẩm; <p>*Nhận thức kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số các hộ thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường - 100% các hộ gia đình chủ động bỏ rác thải vào các bao bì để ra đúng nơi quy định cho công ty thu gom ra thải về thu gom (vào các ngày thứ 3, thứ 6 hàng tuần). 		
--	--	---	---	--	--

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			<p>môi trường sẽ làm gia tăng BĐKH;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ dân còn để rác thải ra trước thời gian quy định gây ô nhiễm môi trường; - Vẫn còn tình trạng một số hộ dân sau khi thu hoạch xong đốt rơm rạ ngoài đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia đóng góp kinh phí vệ sinh môi trường đầy đủ - 85% người dân có kiến thức giữ gìn vệ sinh môi trường. 		
Lũ, lụt , hạn hán	Thôn 4,5,6	150 283 188	<p>*Vật chất:</p> <p>Thôn 4: Có 38 hộ chưa sử dụng nước máy; Có 3 hộ sử dụng giếng khơi . 69 giếng khoan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 80% hộ không có máy lọc nước. - Không có các dụng cụ chứa rác thải tại các khu công cộng; <p>Thôn 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số hộ dùng giếng khoan 94/ khơi 250 hộ (theo nóc nhà); - 210 hộ có bể dự trữ nước mưa: 20% các hộ lấy nước trực tiếp từ giếng khoan; - Không có các dụng cụ chứa rác thải tại các khu công cộng; - Có 80% hộ không có máy lọc nước. - Còn một số nhóm khu dân cư chưa có cống rãnh thoát nước. <p>Thôn 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 78/188 hộ đang dùng giếng khoan, giếng khơi. Trong đó có 175 hộ đã đăng ký sử dụng nước máy - Số hộ dùng giếng khoan/ khơi 13 hộ (theo nóc nhà); - Số 20 hộ có bể dự trữ nước mưa. 63% các hộ lấy nước trực tiếp từ giếng khoan để sinh hoạt cá nhân; - Có 73% hộ không có máy lọc nước. <p>*Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyên truyền vệ sinh môi trường đã làm nhưng công tác kiểm tra giám sát chưa được làm thường xuyên; Chưa có biện 	<p>*Vật chất:</p> <p>Thôn 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 112 hộ sử dụng nước máy; - Có 87 hộ bể đựng nước mưa; 6 hộ có máy lọc nước cá nhân. - Có 4 thùng to đựng rác thải của hội cựu chiến binh. - 100% hộ sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh (150 hộ); - Có 6 hộ chăn nuôi có bioga - 100% các hộ gia đình chủ động bỏ rác thải vào các bao bì để ra đúng nơi quy định cho công ty thu gom ra thải về thu gom (vào các ngày thứ 3, thứ 6 hàng tuần). - Có 04 hộ gia đình sử dụng bình nóng lạnh năng lượng mặt trời; <p>Thôn 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số hộ sử dụng nước máy: 169 hộ; - Số hộ có bể chứa nước là 219 hộ để lọc, 20% các hộ sử dụng máy lọc nước; - Có 220 hộ trong thôn có hệ thống cống thoát nước đảm bảo. - Có 250 hộ có nhà vệ sinh đảm bảo; <p>Thôn 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số hộ sử dụng nước máy: 175 hộ; - Số hộ có bể chứa nước là 175 hộ để lọc, 27% các hộ sử dụng máy lọc nước; có 175 hộ đã đăng ký sử dụng nước sạch. 	<p>Nguồn nước sinh hoạt bị ô nhiễm ;</p> <p>Thiếu nước sinh hoạt khi thiên tai và tác động của BĐKH;</p>	<p>Trung bình</p>

Commented [BVH4]: Can tách loại hình thiên tai

		<p>pháp xử lý các hộ vi phạm quy ước;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi thiên tai xảy ra công tác khử độc tiêu trùng chưa được làm kịp thời; - Cán bộ y tế, cán bộ thôn còn một số đồng chí chưa nhiệt tình. - Các hộ gia đình chưa thường xuyên phun thuốc diệt muỗi, thuốc tiêu độc khử trùng; - Chưa có thuốc khử trùng, tiêu độc xử lý môi trường, hướng dẫn cấp phát cho các hộ dân chưa kịp thời; - Tuyên truyền, vận động các hộ dân khơi thông cống rãnh trước khi thiên tai xảy ra còn hạn chế; - Chưa hướng dẫn các hộ dân phân loại rác thải, sử dụng rác thải làm phân bón hữu cơ bảo vệ môi trường; - Chưa có biện pháp xử lý các hộ vi phạm quy ước - Sau khi thiên tai xảy ra công tác khử độc tiêu trùng chưa được làm kịp thời; <p>*Nhận thức kinh nghiệm :</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10% hộ dân chưa chấp hành quy ước về bảo vệ môi trường của thôn và thiếu kiến thức về bảo vệ môi trường chưa biết được tác hại của việc ô nhiễm môi trường sẽ làm gia tăng BDKH; còn để rác thải ra trước thời gian quy định gây ô nhiễm môi trường; - Vẫn còn tình trạng một số hộ dân sau khi thu hoạch xong đốt rơm rạ ngoài đồng. - Một số hộ gia đình chưa thường xuyên phun thuốc diệt muỗi, thuốc tiêu độc khử trùng khi có dịch bệnh xảy ra; - 20% người dân thiếu kiến thức, ý thức về bảo vệ môi trường còn bỏ rác không đúng nơi quy định; 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 188 hộ trong thôn có hệ thống cống thoát nước và nhà vệ sinh đảm bảo; <p>*Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân dân tập kết rác thải vào bao bì đưa ra trực đường chính để công ty môi trường thu gom xử lý vào thứ 3 và thứ 6 hàng tuần. - Công tác tuyên truyền cho nhân dân kiến thức VSMT đã được làm hàng năm và hàng tháng tuyên truyền trên loa phát thanh của thôn để nhân dân chủ động tổng dọn vệ sinh tại khu ở và nơi công cộng. tuyên truyền, vận động các hộ dân khơi thông cống rãnh trước khi thiên tai xảy ra; - Thôn đã tổ chức tổng dọn vệ sinh trong khu dân cư do hội Nông dân và Hội phụ nữ phát động vào ngày 15 và 29 hàng tháng.; - Hàng quý thú ý xã tuyên truyền, tổ chức phun thuốc khử trùng, tiêu độc xử lý môi trường, hướng dẫn cấp phát cho các hộ dân kịp thời để nhân dân chủ động khi có dịch bệnh xảy ra; - Nhân dân tập kết rác thải vào bao bì để công ty môi trường thu gom xử lý vào thứ 3 và thứ 6 hàng tuần - Các chi hội đều có các đoạn đường do các tổ chức tự quản (Hội Nông dân làm nòng cốt); - Nhà nước hỗ trợ các hộ chăn nuôi xây dựng hầm biogas để đảm bảo vệ sinh môi trường khu dân cư; - Hội phụ nữ các thôn có tổ tự quản về An toàn thực phẩm 	
--	--	---	--	--

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<ul style="list-style-type: none"> - Phụ cấp cho cán bộ y tế thôn thấp. - Công tác kiểm tra an toàn thực phẩm chưa được quan tâm; - Công tác quản lý chất lượng thuốc chưa được làm thường xuyên; Các đại lý thuốc bán thuốc không có đơn của bác sỹ; - Trạm y tế thiếu các trang thiết bị khám chữa bệnh công nghệ cao; - Công tác tuyên truyền mua bảo hiểm y tế tự nguyện chưa được quan tâm đúng mức, còn 20% người dân chưa mua BHYT; * Nhận thức kinh nghiệm: - Người dân thiếu kiến thức bảo vệ sức khỏe; có thói quen khám chữa bệnh đến thầy lang, hoặc tự ý điều trị theo kinh nghiệm ; - 05% người dân chưa mua bảo hiểm y tế tự nguyện, tiếc tiền khi mua bảo hiểm y tế, không tin tưởng vào khám chữa bệnh theo bảo hiểm; - Khi ốm đau thường người dân ở nhà tự mua thuốc điều trị. - Đa số chị em phụ nữ thiếu kiến thức về các bệnh phụ khoa, chưa chủ động đi khám và điều trị khi mắc các bệnh phụ khoa, chủ yếu tự điều trị tại nhà; - Đa số các hộ gia đình còn chủ quan không đi khám sức khỏe định kỳ hàng năm chỉ khi ốm đau mới đi khám bệnh; - Kiến thức an toàn thực phẩm người dân còn hạn chế, còn tình trạng ham mua các loại thực phẩm rẻ; Một số hộ dân còn sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật không đảm bảo an toàn thực phẩm; 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 6 y tá thôn và 6 cộng tác viên dân số; Ngoài ra thôn 2 còn có đội ngũ y bác sỹ đã nghỉ hưu hoặc đang công tác tại các bệnh viện ngoài địa phương là 8 người. - Cán bộ y tế, phối hợp với các lực lượng tiến hành tiêu độc khử trùng khi có thiên tai; - Các đoàn thể, thôn tổ chức các hội nghị tuyên truyền kiến thức về an toàn thực phẩm cho hội viên, đoàn viên; - Tiến hành thực hiện các chương trình tiêm chủng mở rộng, uống thuốc vitamin A. -Hàng năm tổ chức 03 lần mở hội hạnh phúc cho chị em phụ nữ khám và điều trị các bệnh phụ khoa cho 100% chị em; *Nhận thức kinh nghiệm: - 95% người dân tham gia đóng bảo hiểm tự nguyện; - 98% người dân có ý thức đi khám bảo hiểm y tế định kỳ; - Số hộ dân biết biết sử dụng các loại cây thuốc lá nam thông thường 100%; -100% hộ dân có tủ thuốc gia đình; 		
--	--	---	---	--	--

7. Giáo dục

Loại hình Thiên tai/ BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BĐKH	Mức độ Rủi ro (Cao, Trung bình, thấp)

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	thấp)
	6 thôn	1.374	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Trường mầm non thôn 3 bán kiên cố do xây dựng đã lâu hiện nay đã xuống cấp; - Trường Tiểu học còn có 3/18 phòng chức năng bán kiên cố; -Trường THCS còn có 01/14 phòng bán kiên cố (là phòng thư viện). -Trong các trường không có trang thiết bị sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn; Không có loa cầm tay, bộ tăng âm loa di động; <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên và học sinh chưa được tập huấn kiến thức, kỹ năng phòng, chống thiên tai, BDKH; - Các nhà trường thiếu trang thiết bị như: áo phao, dụng cụ sơ cấp cứu ban đầu. - Không có nơi để cho học sinh tập bơi; - Công tác tuyên truyền kiến thức PCTT, BDKH chưa được các nhà trường đưa vào các tiết học ngoại khóa; - Xã chưa có khu vui chơi cho các em học sinh; <p>*Nhận thức kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> -70% hộ dân chưa quan tâm đến việc tập bơi cho các em học sinh; - 40% hộ gia đình chưa quan tâm nhiều đến giáo dục kỹ năng sống cho các em HS; Chủ yếu là giao phó cho nhà trường; -70% học sinh không biết bơi 	<p>* Vật Chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường học đứng chân trên địa bàn thôn 3: + Trường mầm non được xây dựng năm 2005, với 12 phòng bán kiên cố, có đầy đủ nhà vệ sinh cho nam và nữ; Hiện nay đang xây dựng 12 phòng với 2 tầng kiên cố dự kiến bàn giao đưa vào sử dụng năm 2019; +Trường tiểu học xây dựng năm 1994 và năm 2008, có 15/18 phòng kiên cố. +Trường THCS được xây dựng năm 1998, có 13/14 phòng kiên cố. - Đường giao thông từ các thôn đến trường học được kiên cố hóa đi lại thuận lợi; <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận động nhân dân đóng góp quỹ khuyến học là 20.000đ/hộ để làm công tác khuyến học, khuyến tài .Hội khuyến học hoạt động tốt, cổ vũ, động viên cấp quà cho các cháu học giỏi; - Vận động các hộ đưa con em đến trường, quản lý tốt các em HS trong mùa thiên tai; - Nhà trường, hội cha mẹ học sinh luôn quan tâm đến học tập của các em; Động viên thăm hỏi, chia sẻ kịp thời với các em có hoàn cảnh khó khăn; -Các đoàn thể tích cực tổ chức các hoạt động vui chơi cho các em nhân tết trung thu, trại hè, ngày 1/6 cho các em; - Các hộ trong thôn đều chuẩn bị tốt trang thiết bị cho học sinh. <p>* Nhận thức kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ gia đình có ý thức quản lý các, một số hộ chủ động trang bị kỹ năng PCTT cho các em; 	<p>Các công trình nhà bán kiên cố, thiếu trang thiết bị khi có thiên tai xảy ra mức độ nguy cơ rủi ro cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thiếu kiến thức, trang thiết bị, đối tượng dễ bị tổn thương là trẻ em và người già. 	Thấp

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

				- Có 30% HS biết bơi - 30% hộ gia đình chủ động tập bơi cho các em		
Ghi chú khác:						

8. Rừng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>Ghi chú khác</i>						

9. Trồng trọt

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Thôn 1, 2, 3	165 41 195	<p>*Vật chất:</p> <p>Thôn 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 0,38km đường giao thông nội đồng còn là đường đất; - Nguồn nước tưới phụ thuộc hoàn toàn vào nước trời. - Chưa có máy làm đất, còn phải thuê ngoài. - Chưa có trang thiết bị máy móc phục vụ sản xuất. - Có 3,9 km kênh mương chưa kiên cố. - Có 10/22 ha lúa 2 vụ bị ngập úng. - Các loại cây trồng chưa được quy hoạch tập trung thành vùng, còn trồng quy mô nhỏ lẻ. <p>Thôn 2:</p>	<p>*Vật chất:</p> <p>Thôn 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 22 ha lúa trồng 2 vụ có năng suất, đảm bảo lượng thực cho các hộ gia đình. Với số hộ tham gia 165 hộ, với 80% là nữ tham gia. - Trồng màu 2,4 ha, với số hộ tham gia 65 hộ, với 80% là nữ tham gia. - Máy gặt: 01 máy gặt đập liên hoàn. - HTX NN đứng ra hợp đồng thuê máy cày phục vụ kịp thời cho mùa vụ. - HTX NN cung cấp đủ phân bón, giống, thuốc BVTV. - Tổ chức chuyển đổi mô hình trồng cây màu có hiệu 	<ul style="list-style-type: none"> - Mát mùa, giảm năng suất lúa, hoa màu khi thiên tai và tác động của BĐKH - Hệ thống. Thủy lợi, hư hỏng khi thiên tai xảy ra 	Trung bình

		<p>- 0,38km đường giao thông nội đồng còn là đường đất; -Có 0,4km kênh mương xuống cấp, ảnh hưởng đến việc thoát nước khi thiên tai xảy;</p> <p>- Có 10ha lúa 02 vụ có khoảng 7/10ha bị ngập úng khi thiên tai xảy ra;</p> <p>Thôn 3</p> <p>- Có 39.5 ha lúa, trong đó có 2.5 ha diện tích lúa có nằm trong vùng ngập úng; 3,7% diện tích trồng trọt chưa có nước tưới ;</p> <p>- 2.33 km giao thông nội đồng đã được kiên cố ;</p> <p>- 0.5 km đường giao thông nội đồng còn là đường đất;</p> <p>-Nguồn nước tưới phụ thuộc vào trạm bơm xa loan được dân nước trên kênh 19 và lấy nước trực tiếp vào ruộng qua hệ thống mương tưới.</p> <p>- Thôn thiếu máy móc máy cày, bừa, gặt; thường các hộ phụ thuộc máy móc từ các thôn bên cạnh; Dụng cụ sản xuất thủ công tốn nhiều nhân công lao động;</p> <p>*Tổ chức – xã hội</p> <p>- Công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng, giống chưa được nhân dân ủng hộ.</p> <p>-Xã chưa có các mô hình trồng trọt mang tính sản xuất hàng hóa, quy mô lớn thích ứng với BĐKH;</p> <p>-Tập huấn kỹ thuật trồng lúa, hoa màu chưa được làm thường xuyên;</p> <p>-Diện tích trồng lúa, hoa màu còn nhỏ lẻ, manh mún (mặc dù đã có quy hoạch);</p> <p>- Chưa liên doanh,liên kết về sản xuất nông nghiệp đảm bảo an toàn thực phẩm;</p> <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <p>- Sản xuất còn mang tính kinh nghiệm, truyền thống, chưa áp dụng khoa học kỹ thuật vào trồng trọt; tỷ lệ nữ tham gia sản xuất</p>	<p>quả kinh tế cao;</p> <p>- Có 165 hộ tham gia HTX NN. Thường xuyên được khuyến cáo chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh.</p> <p>Thôn 2:</p> <p>- Có 17 ha trồng lúa và 1,4ha trồng màu với 41 hộ tham gia; Nữ tham gia trồng trọt 80%;</p> <p>- Tổ chức chuyển đổi mô hình trồng cây màu có hiệu quả kinh tế cao;</p> <p>Thôn 3:</p> <p>- Có 37.0 ha đất trồng màu và đất 2 lúa thường xuyên được nhân dân tổ chức sản xuất đảm bảo năng xuất, đem lại giá trị thu nhập cho nhân dân. Với số hộ tham gia 195 hộ ;</p> <p>- Diện tích sản xuất nông nghiệp được áp dụng cơ giới hóa đạt 100%.</p> <p>- Đất nông nghiệp trong thôn được HTX nông nghiệp làm dịch vụ đảm bảo chất lượng, đúng lịch thời vụ sản xuất.</p> <p>- 1,2 km kênh mương kiên cố; Có 4 cống thủy lợi kiên cố;</p> <p>- 2.5 km giao thông nội đồng đã được kiên cố; - Máy bơm nước: 9 cái;</p> <p>*Tổ chức – xã hội</p> <p>- Đã tổ chức tập huấn hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt cho bà con nhân dân Năm 02 lần tổ chức tập huấn kỹ thuật trồng trọt cho các hộ (tỷ lệ nữ tham gia chiếm 70%); Năm 2018 tập huấn 2 lần 140 người (nữ 130 người);</p> <p>-Tuyên truyền hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại cho cây trồng diễn ra thường xuyên.</p> <p>-Xã có HTX NN quản lý hệ thống kênh mương việc điều tiết nước, cung ứng giống phân bón;</p>		
--	--	--	--	--	--

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			<p>nông nghiệp chiếm 80%.</p> <p>- Một số hộ dân sử dụng thuốc BVTV còn chưa đúng kỹ thuật, sử dụng tràn lan, ý thức vệ sinh môi trường kém.</p>	<p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <p>- 80% người dân đã biết áp dụng khoa học kỹ thuật, thay đổi cơ cấu cây trồng như các loại giống ngắn ngày để tránh lũ lụt.</p> <p>- 95 % hộ dân thực hiện gieo trồng, thu hoạch theo khuyến cáo của chính quyền địa phương;</p>		
Lụt, Bão, hạn hán	Thôn 4,5,6	122 227 115	<p>*Vật chất:</p> <p>Thôn 4:</p> <p>- Có 3 ha diện tích trồng trọt chưa có nước tưới ; 2/3 diện tích trồng lúa nước thường xuyên bị ngập khi thiên tai xảy ra;</p> <p>- 80m đường giao thông nội đồng còn là đường đất;</p> <p>- Nguồn nước tưới phụ thuộc Công ty thủy nông huyện và trạm bơm Nga Vịnh, Nga Văn);</p> <p>- Thôn thiếu máy móc máy cày, bừa, gặt; thường các hộ phụ thuộc máy móc từ nơi khác đến; Dụng cụ sản xuất thủ công tốn nhiều nhân công lao động;</p> <p>Còn 400m kênh mương chưa được kiên cố;</p> <p>Thôn 5:</p> <p>- Có 35 ha lúa, có 6ha diện tích hoa màu có khả năng ngập úng, và hạn hán.</p> <p>- Thôn thiếu máy móc máy cày, bừa, gặt; thường các hộ phụ thuộc máy móc từ nơi khác đến</p> <p>- Nguồn nước tưới phụ thuộc Công ty thủy nông huyện (Do trạm bơm Xa Loan cung cấp).</p> <p>Thôn 6:</p> <p>- Đường giao thông có 82 mét bị ngập khi có lụt, bị chia cắt khi có thiên tai;</p> <p>- Có 100% diện tích lúa nằm trong vùng trũng, ngập khi thiên tai xảy ra;</p> <p>- Có 0,8km kênh mương xuống cấp</p>	<p>*Vật chất:</p> <p>Thôn 4:</p> <p>- Có 19 ha trồng lúa có năng suất, đảm bảo lượng thực cho các hộ gia đình</p> <p>- Có 2,8 ha hoa màu</p> <p>Với số hộ tham gia 122 hộ .- 2,1 đường giao thông nội đồng được kiên cố.</p> <p>Thôn 5:</p> <p>- Có 35ha lúa trồng 2 vụ có năng suất, đảm bảo lượng thực cho các hộ gia đình. Với số hộ tham gia 227 hộ;</p> <p>- Trồng màu 4,6ha, với số hộ tham gia 180 hộ</p> <p>- Trang thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp tương đối đầy đủ, đảm bảo sản xuất.</p> <p>- Máy làm đất: 04 máy;</p> <p>- Tổ chức chuyển đổi mô hình trồng cây màu có hiệu quả kinh tế cao; có 7 hộ kết hợp VAC và cây trồng có giá trị kinh tế cao như gia đình chị Phạm Thị Thảo, gđ anh Nguyễn Văn Nghi, gđ anh Mai Văn Sắc, gđ anh Phạm Văn Bính, gđ anh Phạm Văn Linh....</p> <p>Thôn 6:</p> <p>- Số hộ tham gia làm nông nghiệp là 115/188 hộ với tổng 19.3 ha lúa trồng 2 vụ đạt năng suất 3 tạ/sào, đảm bảo lượng thực cho các hộ gia đình, đất trồng màu là 3,3 ha.</p> <p>- Trang thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp tương đối đầy đủ, đảm bảo sản xuất</p>	-Mát mùa, giảm năng suất lúa, hoa màu khi thiên tai và tác động của BĐKH	Cao

		<p>và 2,7 km chưa kiên cố; - 17 cống chưa kiên cố; - Thôn thiếu máy móc máy cày, bừa, gặt; thường các hộ phụ thuộc máy móc từ nơi khác đến</p> <p>*Tổ chức xã hội: - Hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp còn số kênh mương, cống thủy lợi chưa đảm bảo . - Một bộ phận nhân dân chưa lấy giống đồng bộ qua HTX gây khó khăn trong chi đạo. - Các thôn chưa có các mô hình trồng trọt mang tính sản xuất hàng hóa, quy mô lớn thích ứng với BĐKH; - Công tác tuyên truyền trong chi đạo sản xuất đôi lúc chưa kịp thời, nhất là công tác tuyên truyền trong phòng trừ sâu bệnh chuyên đổi số diện tích lúa hoa màu kém năng suất sang mô hình đa canh; - Thiếu nhân lực để huy động khi thiên tai xảy ra; - Công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng đã làm nhưng chưa có các mô hình trồng trọt sản xuất hàng hóa; - Khi thiên tai xảy ra các đoàn thể chưa có hỗ trợ cho các hộ thiếu nhân lực, hộ khó khăn; - Có khuyến cáo cho các hộ gieo trồng đúng thời vụ, thu hoạch sớm có thể trước khi thiên tai xảy ra; - Việc quản lý chất lượng phân bón thuốc bảo vệ thực vật còn hạn chế;</p> <p>*Nhận thức, kinh nghiệm - Sản xuất còn mang tính kinh nghiệm, truyền thống, chưa áp dụng khoa học kỹ thuật vào trồng trọt; 80% là nữ; - Đa số chị em phụ nữ ngại tham gia tập huấn . - Đa số các hộ trồng trọt chưa mạnh dạn đầu tư sản xuất hàng hóa; - Tâm lý người dân thích mua thuốc bảo vệ thực vật giống cây trồng các loại giống rẻ tiền;</p>	<p>trong đó máy làm đất: 01 máy; - Hệ thống kênh mương có 6,7 km, trong đó có 3,2 km kiên cố. - Có 33 cống trong đó có 16 công kiên cố; - Có tổ bảo nông - Thôn có 3.2km hệ thống thoát nước; *Tổ chức xã hội: - Đã tổ chức tập huấn hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt cho bà con nhân dân - Tuyên truyền hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại cho cây trồng; - Xã có HTX NN quản lý hệ thống kênh mương việc điều tiết nước, cung ứng giống phân bón; - Tuyên truyền hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại cho cây trồng; - Tổ chức đôn điền đổi thửa thành cánh đồng mẫu lớn thuận lợi cho sản xuất; - UBND xã luôn quan tâm chỉ đạo trong công tác sản xuất, động viên nhân dân chăm sóc cây trồng, theo dõi sự phát sinh phát triển của sâu bệnh để có biện pháp xử lý. - Cán bộ nông nghiệp, cán bộ khuyến nông thường xuyên được tập huấn trao đổi kinh nghiệm, tham quan các mô hình thí điểm; - Thôn đã thực hiện đôn điền đổi thửa thành cánh đồng mẫu lớn theo Nghị quyết của BCH đảng bộ xã; - Đưa một số giống lúa mới vào sản xuất - Phòng NN huyện đã đưa giống lúa lai, giống thuần chủng về cho các hộ gieo trồng; - Trên cánh đồng có các cống bi để dựng các bao bì các loại thuốc bảo vệ thực vật (Hội cựu chiến binh chủ trì);</p>		
--	--	---	---	--	--

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<p>- Chưa có kiến thức về sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật; ít quan tâm đến việc cần phải bảo hộ lao động; Nhiều hộ sử dụng không đúng hướng dẫn;</p> <p>-Đa số người dân chưa chủ động xử lý rác thải nông nghiệp sau thu hoạch.</p> <p>-Một số hộ dân gieo trồng không thực hiện theo khuyến cáo của chính quyền địa phương;</p>	<p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <p>- 80% số người dân đã biết áp dụng khoa học kỹ thuật, thay đổi cơ cấu cây trồng như các loại giống ngắn ngày để tránh lũ lụt.</p> <p>- Nhân dân có kinh nghiệm trong việc trồng cây rau xuất khẩu mang lại hiệu quả giá trị kinh tế cao.</p> <p>-Có 6 hộ chuyển đổi diện tích trồng hoa màu, trồng lúa sang mô hình lúa cá.</p> <p>- Đa số các hộ đã biết trang bị bảo hộ lao động khi thực hiện phun thuốc bảo vệ cây trồng; Mua các loại thuốc bảo vệ thực vật tại HTXNN.</p>		
Ghi chú khác:					

10. Chăn nuôi

Loại hình Thiên tai/ BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt, bão, rết hại	Thôn 1, 2,3	51 23 173	<p>*Vật chất</p> <p>Thôn 1:</p> <p>- Các chuồng trại chăn nuôi gia súc gia cầm chủ yếu nuôi trong khu dân cư, các chuồng nuôi tạm bợ, gây ô nhiễm vệ sinh môi trường.</p> <p>- Các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ nhiều, chủ yếu là chăn nuôi theo hình thức hộ gia đình.</p> <p>- Trên địa bàn thôn chưa có nơi cung cấp con giống gia súc, gia cầm;</p> <p>Thôn 2:</p> <p>- Các chuồng trại chăn nuôi gia súc gia cầm chủ yếu nuôi trong khu dân cư, các chuồng nuôi tạm bợ, gây ô nhiễm vệ sinh môi trường.</p>	<p>*Vật chất</p> <p>Thôn 1:</p> <p>- Toàn thôn có 320 con gia cầm, với số hộ tham gia 21 hộ; Chăn nuôi gia súc 30 con, với số hộ tham gia 27 hộ, có đàn chó 60 - 80 con với số hộ nuôi là 60 hộ.</p> <p>Thôn 2:</p> <p>- Toàn thôn có 5.410 con gia cầm, với số hộ tham gia 23 hộ; Chăn nuôi gia súc 320 con, với số hộ tham gia 5 hộ ; Thôn có 01 gia trại, 01 trang trại gà;</p> <p>- Có 02 điểm kinh doanh thuốc thú y; Có 02 điểm bán thức ăn gia súc;</p> <p>-Có 02 hộ cung cấp giống</p>	<p>- Gia súc cầm bị chết bị dịch bệnh khi có thiên tai/ BĐKH</p> <p>-Chuồng trại bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra</p>	Thấp

		<p>- Các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ nhiều, chủ yếu là chăn nuôi theo hình thức hộ gia đình.</p> <p>- Trên địa bàn thôn chưa có nơi cung cấp con giống gia cầm;</p> <p>Thôn 3:</p> <p>- Các hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm trong khu dân cư chuồng trại chăn nuôi còn tạm bợ, gây ô nhiễm vệ sinh môi trường. Công tác xử lý môi trường trong chăn nuôi còn hạn chế.</p> <p>- Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, mang tính hộ gia đình, tự phát trong khu dân cư</p> <p>*Tổ chức – xã hội</p> <p>- Chưa có nơi cung cấp giống gia súc, gia cầm đảm bảo chất lượng con giống;</p> <p>- Cả xã có 1 cán bộ thú y, các thôn chưa có thú y viên nên công tác tiêm phòng cho gia súc, gia cầm khi bị bệnh các hộ dân chủ yếu tự làm.</p> <p>- Thị trường giá cả không ổn định chủ yếu là tự cung, tự cấp;</p> <p>- Kiểm định chất lượng thuốc thú y chưa được thực hiện;</p> <p>- Xã chưa kiểm dịch được gia súc, gia cầm ra vào địa bàn;</p> <p>- Chưa có nơi giết mổ tập trung;</p> <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <p>- Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, một số hộ chăn nuôi thiếu ý thức vệ sinh chuồng trại, vệ sinh môi trường, chưa làm hầm biogas gây ô nhiễm môi trường;</p> <p>- Ý thức người chăn nuôi trong việc tiêm phòng cho gia súc, gia cầm chưa cao.</p> <p>- Các hộ chăn nuôi gia súc gia cầm mua chọn giống theo kinh nghiệm là chính, thiếu kiến thức khoa học kỹ thuật;</p> <p>- Đa số các hộ chăn nuôi chưa quan tâm đến đầu tư chăn nuôi tránh mùa thiên tai để giảm thiệt hại.</p>	<p>chăn nuôi gia súc;</p> <p>Thôn 3:</p> <p>-- Toàn thôn có 2631 con gia cầm với số hộ tham gia 173 hộ; Gia súc 465con với số hộ tham gia 151 hộ</p> <p>- Chăn nuôi gia cầm 173hộ, với 2631 con</p> <p>*Tổ chức – xã hội</p> <p>- Có tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi mỗi năm 1 lần.</p> <p>- Tổ chức tiêm phòng cho đàn gia súc gia cầm 2 lần/năm theo kế hoạch của xã và tiêm phòng bổ sung năm số gia súc gia cầm phát sinh.</p> <p>- Tuyên truyền vệ sinh phòng bệnh cho các hộ chăn nuôi gia súc gia cầm.</p> <p>- Nhà nước, xã hỗ trợ vốn vay cho các hộ có nhu cầu mở rộng chăn nuôi;</p> <p>- Hỗ trợ các hộ chăn nuôi đã làm hầm Biogas để tránh ô nhiễm môi trường.</p> <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <p>- Một số hộ chăn nuôi đầu tư các trang thiết bị phục vụ chăn nuôi; đầu tư mua con giống mở rộng chăn nuôi theo mô hình trang trại, gia trại;</p> <p>- Đa số các hộ thực hiện chăn nuôi theo khuyến cáo của địa phương; thực hiện tiêm phòng đầy đủ cho gia súc, gia cầm mỗi năm 2 lần theo kế hoạch của xã.</p>		
Thôn	15	*Vật chất:	*Vật chất:	- Gia súc	Thấp

4,5,6	120 43	<p>Thôn 4</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các chuồng trại chăn nuôi gia súc gia cầm chủ yếu nuôi trong khu dân cư, các chuồng nuôi tạm bợ, gây ô nhiễm vệ sinh môi trường. - Các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ nhiều, chủ yếu là chăn nuôi theo hình thức hộ gia đình. - Thôn chưa có đại lý cung cấp con giống; - Các hộ gia đình chăn nuôi theo hình thức tự cung tự cấp <p>Thôn 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 25 hộ chuồng trại chăn nuôi gia súc gia cầm chủ yếu nuôi trong khu dân cư, các chuồng nuôi tạm bợ, gây ô nhiễm vệ sinh môi trường. - Các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ nhiều, chủ yếu là chăn nuôi theo hình thức hộ gia đình 70 hộ. <p>Thôn 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các chuồng trại chăn nuôi gia súc gia cầm chủ yếu nuôi trong khu dân cư, các chuồng nuôi tạm bợ, gây ô nhiễm vệ sinh môi trường. - Các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ nhiều, chủ yếu là chăn nuôi theo hình thức hộ gia đình. <p>*Tổ chức – xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực cán bộ thú ý còn hạn chế,kiêm nhiệm. Các thôn không có thú y viên; - Thị trường giá cả không ổn định chủ yếu là tự cung, tự cấp; - Kiểm định chất lượng thuốc thú y chưa được thực hiện; - Xã chưa kiểm dịch được gia súc, gia cầm ra vào địa bàn; - Các trang trại còn hạn chế, chăn nuôi chưa được đầu tư mở rộng; <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ chăn nuôi thiếu ý thức vệ sinh chuồng trại, vệ sinh môi trường, chưa làm hầm biogas gây ô nhiễm môi trường; - Ý thức người chăn nuôi trong việc tiêm phòng cho gia súc, gia cầm chưa cao. - Các hộ chăn nuôi gia súc gia 	<p>Thôn 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thôn có 15 hộ chăn nuôi gia súc; 61 hộ chăn nuôi gia cầm: - Toàn thôn có 500 con gia cầm . -Trang trại gia súc 1200 con với số hộ tham gia 1 hộ -Các hộ nhỏ lẻ 11 hộ với 120 con gia súc; - Trang trại được kiểm dịch tiêm phòng thường xuyên. Được các công ty thu mua và cung cấp giống con. <p>Thôn 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Toàn thôn có 1.321 con gia cầm, với số hộ tham gia 120 hộ; Chăn nuôi gia súc 70 con, với số hộ tham gia 65 hộ . <p>Thôn 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Toàn thôn có 725 con gia cầm, với số hộ tham gia 43 hộ; Chăn nuôi gia súc 135 con trong đó có 120 con bò và 15 con lợn nái, với số hộ tham gia 60 hộ . <p>*Tổ chức – xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thôn 5 Có 02 hộ cung cấp con giống gia cầm (hộ gia đình anh Quang, gđ anh Phương). - Hàng năm xã tổ chức tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi. - Tổ chức tiêm phòng cho đàn gia súc gia cầm 2 lần/năm; - Liên tục tuyên truyền vệ sinh phòng bệnh cho các hộ chăn nuôi gia súc gia cầm. - Nhà nước, xã hỗ trợ vốn vay cho các hộ có nhu cầu mở rộng chăn nuôi; - Hỗ trợ 7 hộ chăn nuôi đã làm hầm Biogas để tránh ô nhiễm môi trường. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ chăn nuôi đầu tư các trang thiết bị phục vụ chăn nuôi; đầu tư mua con giống mở rộng chăn nuôi; - Đa số các hộ thực hiện chăn nuôi theo khuyến cáo của địa phương; thực hiện tiêm 	cảm bị chết bị dịch bệnh khi có thiên tai/ BĐKH -Chuồng trại bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra
-------	-----------	--	---	--

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			cầm mua chọn giống theo kinh nghiệm là chính, thiếu kiến thức khoa học kỹ thuật; - Đa số các hộ chăn nuôi chưa quan tâm đến đầu tư chăn nuôi tránh mùa thiên tai để giảm thiệt hại.	phòng đầy đủ cho gia súc, gia cầm; - Chủ động phòng dịch bệnh cho đàn gia súc gia cầm nhà mình.		
Ghi chú khác:						

11. Thủy Sản:

Loại hình Thiên tai/ BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt, bão, hạn hán	Thôn 1, 2,3	14 13 35	<p>*Vật chất:</p> <p>Thôn 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bờ bao chưa kiên cố dễ bị vỡ bờ khi nước lớn trong mùa mưa bão. <p>Thôn 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bờ bao chưa kiên cố; một số ao nuôi không có nước ra vào, thiếu các trang thiết bị máy móc cho nuôi trồng thủy sản; - Còn các hộ nuôi nhỏ lẻ chưa mang tính hàng hóa, chủ yếu tự cung, tự cấp; <p>Thôn 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bờ bao chưa kiên cố - Các hộ nuôi trồng thủy sản mang tính hàng hóa, chủ yếu tự cung, tự cấp; - Diện tích nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ quy mô chưa lớn, giá trị thu nhập chưa cao. - Chưa có hệ thống xử lý nước thải nuôi trồng thủy sản, nước ra vào chưa đảm bảo <p>*Tổ chức – xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa định hướng, tìm đầu ra cho các hộ nuôi trồng thủy sản; - Chưa có hướng dẫn cho người dân sử dụng công nghệ thông tin để học tập kinh nghiệm trồng trọt, chăn nuôi, và nuôi trồng thủy sản; - Chưa quản lý tốt thuốc bảo vệ 	<p>*Vật chất:</p> <p>Thôn 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Diện tích nuôi trồng thủy sản: 2,4 ha với 14 hộ gia đình thực hiện theo mô hình trang trại tổng hợp. <p>Thôn 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> Diện tích nuôi trồng thủy sản: 5,4 ha với 13 hộ gia đình thực hiện nuôi trong vườn nhà; <p>Thôn 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Diện tích nuôi trồng thủy sản: 11.5 ha với 35 hộ gia đình thực hiện theo mô hình trang trại, gia trại. - Có 15 hộ nuôi cá, diện tích nuôi cá kết hợp với chăn nuôi gia súc, gia cầm: 11.5 ha <p>Tổ chức – xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được UBND xã tập huấn kiến thức chuyên giao khoa học kỹ thuật nuôi trồng thủy sản; - Khuyến cáo các hộ dân nuôi trồng theo đúng lịch thời vụ tránh những rủi ro.. - Tuyên truyền vận động nuôi trồng thủy sản theo thời vụ, chủ động bảo vệ tài sản khi có thiên tai xảy ra. - Tuyên truyền cho dân chọn giống tốt có địa chỉ tin cậy. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm năng suất, mất sản lượng khi có thiên tai/ BĐKH -Bờ bao nuôi trồng thủy sản bị tràn vỡ khi thiên tai xảy ra; 	Cao

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<p>nuôi trồng thủy sản nên hộ nuôi sử dụng thuốc bảo vệ nuôi trồng thủy sản chưa đúng liều lượng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Con giống trôi nổi, chưa qua kiểm dịch. - Chưa có hướng dẫn các hộ xử lý cá bị chết, gây ô nhiễm môi trường - Chưa tạo đầu ra ổn định, giá cả bấp bênh, phụ thuộc vào thương lái ép giá. - Chính quyền địa phương chưa có định hướng cho các hộ chăn nuôi thủy sản theo hàng hóa; - Chưa tổ chức được các lớp tập huấn kiến thức nuôi trồng thủy sản cho các hộ dân; <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu ý thức vệ sinh chuồng trại, vệ sinh môi trường - Người dân còn chủ quan trong việc phòng dịch bệnh cho thủy sản - Đa số các hộ nuôi trồng chưa biết sử dụng công nghệ thông tin để tìm hiểu kiến thức về nuôi trồng thủy sản, tìm kiếm thị trường tiêu thụ; - Diện tích nuôi trồng thủy sản chưa theo quy hoạch nên thiếu kinh nghiệm chăm sóc. - Chưa áp dụng được tiến bộ KHKT vào nuôi trồng thủy sản. - Đôi lúc các hộ còn chủ quan trong việc phòng trừ dịch bệnh. - Đa số các hộ nuôi trồng thiếu kiến thức về KHKT; 	<ul style="list-style-type: none"> - Khuyến cáo các hộ nuôi trồng thủy sản thu hoạch trước mùa mưa lũ. - Các hộ được vay vốn ngân hàng qua các tổ chức xã hội để đầu tư sản xuất vào chăn nuôi. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ dân chủ động trong sản xuất, chăn nuôi kết hợp nuôi trồng thủy sản. - Thường xuyên nghiên cứu, tìm hiểu trên các kênh thông tin, qua thực tế sản xuất để nâng cao năng suất và sản lượng. - Một số hộ trực tiếp liên kết sản xuất với các trung tâm cung cấp giống, chuyên giao KHKT trong sản xuất. - Các hộ tự tìm tòi kiến thức, kinh nghiệm cho nuôi trồng thủy sản; - Kết hợp mô hình vườn, ao, chuồng để nâng cao thu nhập trên 1 đơn vị diện tích. 		
Lụt bão, rét hại	Thôn 4,5,6	<p>*Vật chất:</p> <p>Thôn 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bờ bao chưa kiên cố - Đa số các hộ nuôi trồng nhỏ lẻ chưa mang tính hàng hóa, chủ yếu tự cung, tự cấp; - Diện tích nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ quy mô chưa lớn. - Cơ sở vật chất dùng cho nuôi trồng thủy sản còn hạn chế: chưa áp dụng KHKT. <p>Thôn 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bờ bao chưa kiên cố - Còn các hộ nuôi trồng nhỏ lẻ chưa mang tính hàng hóa, chủ yếu tự cung, tự cấp; 	<p>*Vật chất:</p> <p>Thôn 4:</p> <p>Diện tích nuôi trồng thủy sản: 4;5 ha với 17 hộ gia đình thực hiện theo mô hình trang trại, gia trại.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 1 hộ đầu tư máy quạt nước để tạo khí ô xi cho vật nuôi. - Một số hộ xây, kê xung quanh đầm nuôi rất tốt hạn chế việc thất thoát khí thiên tai xảy ra - Có 6 hộ nuôi cá, diện tích nuôi cá: ha; 6 hộ nuôi tôm (4,5 ha); Nuôi tôm nước ngọt, xen lẫn trong khu dân cư và khu trồng trọt; 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm năng suất, mất sản lượng khi có thiên tai/BĐKH - Bờ bao nuôi trồng thủy sản bị tràn 	Cao

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<p>- Chưa có đầu tư máy móc;</p> <p>Thôn 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bờ bao chưa kiên cố - Còn các hộ nuôi trồng nhỏ lẻ chưa mang tính hàng hóa, chủ yếu tự cung, tự cấp; <p>*Tổ chức – xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa định hướng, tìm đầu ra cho các hộ nuôi trồng thủy sản; - Chưa có hướng dẫn cho người dân sử dụng công nghệ thông tin để học tập kinh nghiệm trồng trọt, chăn nuôi, và nuôi trồng thủy sản; - Chưa quản lý tốt thuốc bảo vệ nuôi trồng thủy sản nên hộ nuôi sử dụng thuốc bảo vệ nuôi trồng thủy sản chưa đúng liều lượng. - Chưa tạo đầu ra ổn định, giá cả bấp bênh, phụ thuộc vào thương lái ép giá. - Chưa có đại lý bán con giống, chưa qua kiểm định <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa chủ động vệ sinh chuồng trại, vệ sinh môi trường - Đa số các hộ chưa chủ động trong việc phòng dịch bệnh cho thủy sản - Đa số các hộ nuôi trồng chưa biết sử dụng công nghệ thông tin để tìm hiểu kiến thức về nuôi trồng thủy sản, tìm kiếm thị trường tiêu thụ; - Do nuôi tự phát chưa theo quy hoạch nên thiếu kinh nghiệm chăm sóc. - Chưa áp dụng được tiến bộ KHKT vào nuôi trồng thủy sản. - Chưa áp dụng được tiến bộ KHKT; 	<p>Thôn 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích nuôi trồng thủy sản: 1ha với 7 hộ gia đình thực hiện theo mô hình trang trại. <p>Thôn 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích nuôi trồng thủy sản: 1,2 ha với 5 hộ gia đình thực hiện theo mô hình cá nhân. <p>*Tổ chức – xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật nuôi trồng thủy sản thường xuyên - Khuyến cáo các hộ dân nuôi trồng theo đúng lịch thời vụ tránh những rủi ro. - Tuyên truyền vận động nuôi tôm, cá đúng lịch tránh bão, nước dâng cao và ngập lụt - Tuyên truyền cho dân chọn giống tốt có địa chỉ tin cậy. - Khuyến cáo các hộ nuôi trồng thủy sản thu hoạch trước mùa mưa lũ. - Các hộ được vay vốn ngân hàng qua các tổ chức xã hội để đầu tư sản xuất vào chăn nuôi. - Chính quyền địa phương khuyến khích người dân nuôi theo mô hình cá lúa .Trang trại tổng hợp hợp có 2 hộ nuôi cá lúa <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ dân có ý thức học hỏi đầu tư lồng ghép làm gia trại chăn nuôi. - Một số hộ đã liên kết với trung tâm khuyến nông huyện để lấy giống đảm bảo chất lượng nên con giống rất tốt, nuôi đảm bảo và cho năng suất cao. - Các hộ chủ động đầu tư và bán ra thị trường tại chỗ; - Các hộ tự tìm tòi kiến thức, kinh nghiệm cho nuôi trồng thủy sản; - Kết hợp mô hình vườn, ao, chuồng để nâng cao thu nhập trên 1 đơn vị diện tích. 	<p>vỡ khi thiên tai xảy ra;</p>	
<p>Ghi chú khác:</p>					

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

12. Du lịch

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

13. Buôn bán và dịch vụ khác:

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Thôn 1	90	<p>*Vật chất</p> <p>Thôn 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ gia đình chủ yếu là buôn bán nhỏ, lẻ tại nhà. - Một số Lều quán, cơ sở sản xuất còn chưa kiên cố <p>Thôn 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ gia đình chủ yếu là buôn bán nhỏ, lẻ. - Hàng quán nhỏ lẻ, chưa được làm kiên cố; <p>Thôn 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ gia đình chủ yếu là buôn bán nhỏ, lẻ. - Hàng quán nhỏ lẻ, chưa được làm kiên cố; - 41 hộ gia đình buôn bán nhỏ, lẻ; quán chưa kiên cố gồm 5 hộ - Hàng hóa hư hỏng do chưa có kho tích trữ nhất là khi có mưa kéo dài . - Không có kho chứa hàng; hàng hóa để không đảm bảo về an toàn thực phẩm: Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật để chung với các hàng hóa khác; 	<p>*Vật chất</p> <p>Thôn 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thôn có 90 hộ buôn kinh doanh. Trong đó: Bán tạp hóa: 7 hộ; Sửa chữa xe máy: 2; Bán hàng ăn: 2; Bán VLXD: 3; Sửa chữa điện tử - cơ khí: 10 hộ; May mặc: 4; Buôn bán quần áo: 5 hộ; Bán hàng điện tử - điện lạnh: 8; Buôn bán khác: 49 hộ). <p>Thôn 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thôn có 120 hộ buôn kinh doanh. Trong đó: Bán tạp hóa: 12 hộ; Sửa chữa xe máy: 2; Bán hàng ăn: 2; Bán VLXD: 1; Sửa chữa điện tử - cơ khí: 6 hộ; May mặc: 3; Buôn bán quần áo: 5 hộ; Bán hàng điện tử - điện lạnh: 4; Buôn bán khác: 85 hộ). -01 cây xăng trên địa bàn. - Tỷ lệ nữ tham gia buôn bán chiếm 75%. - Có 1 hộ gia đình làm nghề xay xát gạo. <p>Thôn 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thôn có 12 hộ buôn kinh doanh: bán hàng tạp hóa và các dịch vụ - Tỷ lệ nữ tham gia buôn bán chiếm 95%. - Có 1 hộ gia đình làm nghề xay 	<ul style="list-style-type: none"> -Lều quán bị tốc mái, hư hỏng khi thiên tai xảy ra; -Hàng hóa bị ẩm mốc, hư hỏng khi thiên tai xảy ra 	Thấp

		<p>*Tổ chức – xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng hóa kém chất lượng, thực phẩm chưa được kiểm dịch nguồn gốc hàng hóa xuất xứ chưa được kiểm định, các hộ thu mua thực phẩm từ các nơi khác về chưa đảm bảo VSAT thực phẩm và chưa được kiểm dịch. - Chưa quan tâm đến công tác phát triển dịch vụ buôn bán chủ yếu là người dân buôn bán tự phát. - Không có hỗ trợ của địa phương về tập huấn kiến thức kinh nghiệm; - Thiếu vốn đầu tư kinh doanh. - Chưa có điểm giết mổ tập trung - Công tác tuyên truyền kiến thức chăn nuôi chưa được làm thường xuyên; <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30% hộ dân thiếu kinh nghiệm trong việc dịch vụ buôn bán; - Hàng hóa mua trôi nổi trên thị trường không có xuất xứ hàng hóa; - 50 % hộ dân thiếu kiến thức về ATTP khi mua thực phẩm; có thói quen sử dụng hàng hóa rẻ tiền; - Đa số các hộ kinh doanh nhỏ, lẻ tại nhà nên không đầu tư kho; Hàng hóa hư hỏng, ẩm ướt, chưa có kho tích trữ nhất là khi có mưa lụt kéo dài; - Ý thức về ATTP của các hộ buôn bán kinh doanh còn hạn chế mang tính thương mại nhiều; 	<p>xát gạo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thôn có 12 hộ buôn bán nhỏ lẻ như: bán hàng tạp hóa, ăn uống. - Tỷ lệ nữ tham gia buôn bán chiếm 95%. -Thôn có 12 hộ buôn bán, dịch vụ kinh doanh; - Bán thức ăn gia súc: 2; Thợ mộc 5, Đồ điện 1, Vật liệu xây dựng 2; Hàn xì 2; Làm bánh cuốn 1. Cửa hàng ăn uống là 1. - 100% các hộ buôn bán tại nhà; - Thôn có 2 ô tô chở vật liệu và ô tô các loại thuận lợi cho việc huy động trong PCTT; <p>*Tổ chức – xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa phương tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhân dân trong sản xuất và kinh doanh; - Hỗ trợ vay vốn mở rộng sản xuất, kinh doanh khi có nhu cầu; <p>Trong thôn có 41 hộ buôn bán, kinh doanh nhỏ lẻ như: bán hàng tạp hóa, đồng y, thú y; phân bón bảo vệ thực vật; tiểu thủ công nghiệp;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 2 xưởng cơ khí kiên cố thu hút từ 3 đến 5 lao động thường xuyên làm việc. - Chủ yếu kinh doanh tại nhà nên thuận lợi cho sản xuất và kinh doanh. - Tỷ lệ nữ tham gia buôn bán chiếm 95%. - Có 2 hộ kinh doanh vật liệu xây dựng.. - 01 hộ xay xát gạo. - Hàng năm tổ chức kiểm tra về ATTP theo kế hoạch của cấp trên: mỗi năm 2 lần; <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% buôn bán có kế hoạch, kinh doanh rõ ràng nên được vay vốn theo chính sách ưu đãi của NH CS XH Huyện Nga Sơn và ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam. - Các hộ kinh doanh thực phẩm được UBND huyện kiểm tra cấp giấy đăng ký kinh doanh và giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, có trang thiết bị bảo hộ, gang tay, ủng trong sản xuất và kinh doanh; 		
--	--	---	---	--	--

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

				<ul style="list-style-type: none"> - 81% nhân dân có kiến thức về vệ sinh ATTP. - 80% hộ dân chấp hành tốt vệ sinh môi trường. 		
Bão, lụt	Thôn 4,5,6	16 22 25	<p>*Vật chất:</p> <p>Thôn 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng quán nhỏ lẻ, chưa được làm kiên cố - Người dân còn mua chịu, mua nợ, có khi mất vốn. - Không có kho chứa hàng; hàng hóa để không đảm bảo về an toàn thực phẩm: <p>Thôn 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ gia đình chủ yếu là buôn bán nhỏ, lẻ. - Hàng quán nhỏ lẻ, chưa được làm kiên cố; <p>Thôn 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ gia đình chủ yếu là buôn bán nhỏ, lẻ. - Hàng quán nhỏ lẻ, mô hình kinh doanh chưa lớn, chưa được làm kiên cố; <p>*Tổ chức – xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa quan tâm đến công tác phát triển dịch vụ buôn bán chủ yếu là người dân buôn bán tự phát. - Không có hỗ trợ của địa phương về tập huấn kiến thức, chủ yếu kinh doanh theo kinh nghiệm; - Thiếu vốn đầu tư kinh doanh. - Chưa có điểm giết mổ gia súc tập trung - Chưa được hỗ trợ kinh doanh vay vốn theo chính sách ưu đãi của NH CS XH Huyện Nga Sơn cho rộng rãi các hộ kinh doanh; <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10% hộ dân thiếu kinh nghiệm trong việc dịch vụ buôn bán, có nhiều trường hợp bị vỡ nợ phải bỏ nghề. - Hàng hóa mua trôi nổi trên 	<p>*Vật chất:</p> <p>Thôn 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thôn có 16 hộ buôn kinh doanh: bán hàng tạp hóa và các dịch vụ - Tỷ lệ nữ tham gia buôn bán chiếm 80%. - Có 3 hộ gia đình làm nghề xay xát gạo. -Thôn có 16 hộ buôn bán, dịch vụ kinh doanh; - Bán thức ăn gia súc: 1; Thợ mộc 1, có 4 xưởng cơ khí ; - 4 hộ buôn bán tại nhà; - Thôn có 2 ô tô chở vật liệu và ô tô các loại thuận lợi cho việc huy động trong PCTT; <p>Thôn 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thôn có 22 hộ buôn kinh doanh: bán hàng tạp hóa và các dịch vụ như: dịch vụ đám cưới 2 hộ; bán tạp hóa 6 hộ; 1 hộ sản xuất hàng chiếu cói; 1 hộ bán giải khát; 12 hộ buôn bán tại chợ. - Tỷ lệ nữ tham gia buôn bán chiếm 80%. - Có 2 hộ gia đình làm nghề xay xát gạo như gia đình anh Thắng, gia đình anh Ban. <p>Thôn 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thôn có 25 hộ buôn kinh doanh: bán hàng tạp hóa và các dịch vụ - Tỷ lệ nữ tham gia buôn bán chiếm 80%. - Nhân dân buôn bán đa dạng các ngành nghề như: bán hàng tạp hóa, chiếu, cơ khí, bán quần áo, giấy dép,.... -Trên địa bàn thôn có công ty may Hàn Quốc (Công ty: WINNER VINA) đứng chân trên địa bàn tạo công ăn việc làm cho địa phương; <p>*Tổ chức – xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền địa phương tạo mọi điều kiện hỗ trợ bà con nhân dân; - Hỗ trợ vay vốn mở rộng sản xuất, kinh doanh khi có nhu cầu; 	<ul style="list-style-type: none"> - Lều, quán có khả năng sập, đổ, hư hỏng, mất vốn có khi bị phá sản - Hàng hóa có thể bị ẩm mốc và mất vốn khi có thiên tai 	Trung bình

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<p>thị trường không có xuất xứ hàng hóa;</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10 % hộ dân thiếu kiến thức về ATTP khi mua thực phẩm không kiểm tra ngày sản xuất, hạn sử dụng; - Hàng hóa hư hỏng, ẩm ướt, chưa có kho tích trữ nhất là khi có mưa lụt kéo dài 	<p>Trong thôn có 16 hộ buôn bán, kinh doanh nhỏ lẻ như: bán hàng tạp hóa, đông y, thú y; phân bón bảo vệ thực vật; tiểu thủ công nghiệp;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 4 xưởng cơ khí lớn (1 hàn xì); Có xưởng kiên cố thu hút 3 lao động thường xuyên. - Chủ yếu kinh doanh tại nhà nên đảm bảo cơ sở vật chất - 1 hộ kinh doanh xe du lịch. - 3 hộ xay xát gạo. <p>Chính quyền địa phương tạo mọi điều kiện hỗ trợ bà con nhân dân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng năm tổ chức kiểm tra về ATTP: mỗi năm 2 lần; - Một số hộ có giấy phép về ATTP <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ kinh doanh thực phẩm có trang thiết bị bảo hộ, gang tay, ủng; -80% nhân dân có kiến thức về vệ sinh ATTP. 		
Ghi chú khác:					

14. Thông tin truyền thông cảnh báo sớm:

Loại hình Thiên tai/ BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTĐBTT	Năng lực PCTT TỰ BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, lụt, rét hại, hạn hán	Thôn 1, 2,3	265 228 260	<p>*Vật chất:</p> <p>Thôn 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - 95% hộ không có radio để tiếp cận thông tin cảnh báo sớm khi mất điện; <p>Thôn 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 95% hộ không có radio để tiếp cận thông tin cảnh báo sớm khi mất điện; -Không có áo phao, phao cứu sinh khi tham gia PCTT; -Trang thiết bị bảo hộ lao động cho lực lượng PCTT; <p>Thôn 3:</p>	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% sử dụng ti vi và 100% có điện thoại di động để liên lạc và nghe thông tin. 100% hộ dân có ti vi, điện thoại; - 100% người dân nghe đài truyền thanh của xã. - 80% hộ tiếp cận Internet. -100% người dân tiếp cận được thông tin dự báo thời tiết. - Trong thôn có 1 cụm 4 loa hoạt động tốt. - Nhà văn hóa thôn có ti vi, có đầu đĩa. 	Một số người dân không tiếp cận được các phương tiện cảnh báo có nguy cơ mất an toàn khi thiên tai xảy ra	Thấp

		<p>- 85% hộ không có radio để tiếp cận thông tin cảnh báo sớm khi mất điện;</p> <p>- 50% hộ chưa tiếp cận internet vì sử dụng thấy khó khăn, phức tạp, chủ yếu là trung tuổi và người già.</p> <p>- 10% hộ chưa tiếp cận thông tin dự báo thời tiết vì họ bận công việc mưu sinh kiếm sống.</p> <p>- Có 20% người dân chưa tiếp cận được thông tin PCTT do cụm loa truyền thanh xa khu dân cư, nên thông tin dự báo, cảnh báo chưa tiếp cận được.</p> <p>*Tổ chức – xã hội</p> <p>- Công tác tuyên truyền phòng chống thiên tai chưa được thường xuyên, liên tục trước khi có thiên tai.</p> <p>- Thôn đã xây dựng phương án PCTT hàng năm nhưng chưa triển khai sâu rộng đến các hộ gia đình;</p> <p>- Huy động lực lượng chạy bộ đến các hộ gia đình để thông báo những tình huống thiên tai khẩn cấp (khi mất điện gặp khó khăn);</p> <p>- Khả năng sử dụng công nghệ thông tin, điện thoại thông minh của cán bộ làm công tác PCTT còn hạn chế chưa ứng dụng thành thạo kỹ thuật công nghệ vào công việc chuyên môn.</p> <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <p>- 20% hộ dân thiếu kinh nghiệm trong việc PCTT.</p> <p>- 30% phụ nữ trong thôn lo toan việc gia đình nên rất ít quan tâm đến việc PCTT, biến đổi khí hậu.</p> <p>- Các cuộc họp về PCTT chủ yếu là nam giới tham gia.</p> <p>- Các đối tượng dễ bị tổn thương khả năng tiếp cận thông tin cảnh báo khó khăn phụ thuộc hoàn toàn vào các thành viên trong gia đình;</p>	<p>Thôn 2:</p> <p>- 100% sử dụng ti vi và 100% có điện thoại di động để liên lạc và nghe thông tin.</p> <p>- 100% người dân nghe đài truyền thanh của xã.</p> <p>- 80% hộ tiếp cận Internet.</p> <p>- 100% người dân tiếp cận được thông tin dự báo thời tiết.</p> <p>- Trong thôn có 1 cụm 4 loa hoạt động tốt.</p> <p>-15% hộ có đài ra đi ô để nghe cảnh báo thiên tai;</p> <p>- Nhà văn hóa thôn có ti vi, có đầu đĩa.</p> <p>Thôn 3:</p> <p>- 100% số hộ dân sử dụng ti vi và 95% có điện thoại di động để liên lạc và nghe thông tin.</p> <p>- Hệ thống truyền thanh xã được nâng cấp, hiện nay hoạt động hiệu quả tốt, có 98% người dân nghe đài truyền thanh của xã.</p> <p>- 50% hộ tiếp cận Internet để liên lạc.</p> <p>- 90% người dân tiếp cận được thông tin dự báo thời tiết.</p> <p>- Trong thôn có 3 cụm loa hoạt động tốt, thông tin kịp thời khi cần thiết.</p> <p>- Nhà văn hóa thôn có ti vi, có đầu đĩa.</p> <p>- Các lực lượng được huy động Thông tin kịp thời đến các hộ gia đình khi có tình huống xấu xảy ra</p> <p>*Tổ chức – xã hội</p> <p>- Có kế hoạch hàng năm sửa chữa, nâng cấp hệ thống loa truyền thanh.</p> <p>- UBND xã và thôn đã tổ chức thông báo, tuyên truyền về PCTT thông qua các hội nghị và trên hệ thống loa truyền thanh.</p> <p>- Có phân công lực lượng trực khi cần thiết có thể huy động lực</p>		
--	--	---	--	--	--

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			<ul style="list-style-type: none"> - 30% người dân chưa có ý thức tiếp cận, khai thác các thông tin cảnh báo sớm trên hệ thống thông tin truyền thông; - Các đối tượng dễ bị tổn thương: Người già, trẻ em khó khăn trong việc nắm bắt thông tin cảnh báo, dự báo thiên tai; 	<p>lượng khi lũ lụt xảy ra.</p> <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% người dân có ý thức cập nhật các thông tin về thời tiết, diễn biến thiên tai; - Các thông tin trên hệ thống loa truyền thanh của xã được đa số người dân quan tâm; 		
Bão, lụt, rét hại, hạn hán	Thôn 4,5,6	150 283 188	<p>*Vật chất:</p> <p>Thôn 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> -10% hộ không có radio để tiếp cận thông tin cảnh báo sớm khi mất điện; - 70% hộ gia đình không có radio; <p>Thôn 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% hộ không dùng radio (đã dùng phương tiện nghe nhìn khác) để tiếp cận thông tin cảnh báo sớm khi mất điện; -30% hộ không tiếp cận được Internet để liên lạc; <p>Thôn 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> -95% hộ không có radio để tiếp cận thông tin cảnh báo sớm khi mất điện; <p>*Tổ chức – xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyên truyền phòng chống thiên tai chưa được thường xuyên, liên tục trước khi có thiên tai. - Thôn đã xây dựng phương án PCTT hàng năm nhưng chưa triển khai sâu rộng đến các hộ gia đình; - Huy động lực lượng chạy bộ đến các hộ gia đình để thông báo những tình huống thiên tai khẩn cấp (khi mất điện gặp khó khăn); -Lực lượng làm công tác PCTT chưa được tập huấn kiến thức, kỹ năng về PCTT chủ yếu hoạt động theo chỉ đạo của trên và theo kinh nghiệm; - Khả năng sử dụng công nghệ thông tin, điện thoại thông 	<p>*Vật chất:</p> <p>Thôn 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% sử dụng ti vi và 100% có điện thoại di động để liên lạc và nghe thông tin - Có chính sách hỗ trợ cho lực lượng xung kích khi làm nhiệm vụ PCTT. -Hệ thống truyền thanh xã được nâng cấp năm 2017, hiện nay hoạt động hiệu quả tốt, có 100% người dân nghe đài truyền thanh của xã. - 70% hộ tiếp cận Internet để liên lạc. - 90% người dân tiếp cận được thông tin dự báo thời tiết. - Trong thôn có 1 cụm loa hoạt động tốt. -Nhà văn hóa thôn có tăng âm, loa đài, ti vi; <p>Thôn 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% sử dụng ti vi và 100% có điện thoại di động để liên lạc và nghe thông tin. - 95% người dân nghe thông tin trên đài truyền thanh của xã. - 80% hộ dân tiếp cận dịch vụ mạng Internet. - 95% người dân tiếp cận được thông tin dự báo thời tiết. - Trong thôn có 3 cụm loa gồm 5 loa hoạt động tốt. <p>Thôn 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% sử dụng ti vi và 98% có điện thoại di động để liên lạc và nghe thông tin. - 100% người dân nghe đài truyền thanh của xã. - 72% hộ được tiếp cận Internet. - 95% người dân tiếp cận được thông tin dự báo thời tiết. - Trong thôn có 2 cụm loa hoạt động tốt. 	Một số người dân không tiếp cận được các phương tiện cảnh báo có nguy cơ mất an toàn khi thiên tai xảy ra	Thấp

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<p>minh của cán bộ làm công tác PCTT còn hạn chế chưa ứng dụng thành thạo kỹ thuật công nghệ vào công việc chuyên môn.</p> <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30% hộ dân thiếu kinh nghiệm trong việc PCTT. - 20% phụ nữ trong thôn lo toan việc gia đình nên rất ít quan tâm đến việc PCTT, biến đổi khí hậu. - Các cuộc họp về PCTT chủ yếu là nam giới tham gia. - Các đối tượng dễ bị tổn thương khả năng tiếp cận thông tin cảnh báo khó khăn phụ thuộc hoàn toàn vào các thành viên trong gia đình; - 68% người dân chưa có ý thức tiếp cận, khai thác các thông tin cảnh báo sớm trên hệ thống thông tin truyền thông; - Một số người dân còn chủ quan trông chờ vào nhà nước. - Một số hộ dân chủ quan, sợ mất tài sản nên không chịu đi dời sơ tán khi có lệnh. - Các đối tượng dễ bị tổn thương: Người già, trẻ em khó khăn trong việc nắm bắt thông tin cảnh báo, dự báo thiên tai; 	<p>*Tổ chức – xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kế hoạch hàng năm sửa chữa, nâng cấp hệ thống loa truyền thanh. - UBND xã và thôn đã tổ chức thông báo, tuyên truyền về PCTT thông qua các hội nghị và trên hệ thống loa truyền thanh. - Lập kế hoạch PCTT hàng năm được phân công cụ thể với phương châm 4 tại chỗ. - Hàng năm Tiểu Ban PCTT của thôn được củng cố kiện toàn có 25 người. - Có phân công lực lượng trực khi cần thiết có thể huy động lực lượng khi lũ lụt xảy ra. <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - 95% người dân có ý thức quan tâm các thông tin về thời tiết, diễn biến thiên tai; - Các thông tin trên hệ thống loa truyền thanh của xã được đa số người dân quan tâm; - 80% chị em phụ nữ quan tâm đến dự báo thời tiết, diễn biến thiên tai; 		
Ghi chú khác:					

15. Phòng chống thiên tai, BDKH:

Loại hình Thiên tai/ BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, lụt, rét hại, hạn hán	Thôn 1, 2,3	265 228 260	<p>* Vật chất:</p> <p>Thôn 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trang thiết bị tìm kiếm cứu hộ cứu nạn còn thiếu, chưa đảm bảo cho công tác PCTT (Phao cứu sinh, áo 	<p>* Vật chất</p> <p>Thôn 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 197 nhà kiên cố có thể làm nơi sơ tán. - Có quy chế hoạt động của ban PCTT 	Thiếu phương tiện bảo hộ trong tìm kiếm cứu nạn	Trung Bình

		<p>phao, đèn pin), chủ yếu là các cá nhân tự trang bị.</p> <p>Thôn 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trang thiết bị tìm kiếm cứu hộ cứu nạn còn thiếu, chưa đảm bảo cho công tác PCTT (Phao cứu sinh, áo phao, đèn pin) <p>Thôn 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có trang thiết bị cứu hộ cứu nạn, sơ cấp cứu, bảo hộ lao động cho các thành viên tham gia PCTT; - Không có loa cầm tay, loa truyền thanh di động; - Tại xã/thôn không có truyền truyền bằng pa nô áp phích tại khu công cộng; <p>*Tổ chức – xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng xung kích hoạt động chưa hiệu quả - Đội XK thường xuyên thay đổi, một số chưa được đào tạo kiến thức kỹ năng PCTT, thiếu trang thiết bị bảo hộ lao động; - Lực lượng xung kích hoạt động chưa hiệu quả. - Kế hoạch PCTT thôn xây dựng chưa có sự tham gia của người dân. - Nguồn kinh phí bố trí cho PCTT không có; khi trực hỗ trợ cho các thành viên còn ít (30.000đ) - Công tác tuyên truyền kiến thức PCTT, BDKH còn hạn chế; Chủ yếu tuyên truyền khi có thông báo diễn biến thiên tai; - Các tổ đoàn thể chưa đưa nội dung tuyên truyền về PCTT vào sinh hoạt thường kỳ; <p>*Nhận thức kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số người dân còn chủ 	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thôn có 60 ô tô (gồm 40 ô tô con và 20 ô tô tải); thôn có hơn 300 xe máy. - Vật tư: 250 bao bì, 150 cọc tre, 40 bó rơm, 6 sọt sắt, 2 dao rựa, 5 vồ... <p>Thôn 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 182 nhà kiên cố có thể làm nơi sơ tán. - Có quy chế hoạt động của ban PCTT - Trong thôn có 70 ô tô (gồm 50 ô tô con và 20 ô tô tải); thôn có hơn 600 xe máy thuận lợi cho việc đi dời sơ tán dân; - Vật tư: 230 bao bì, 160 cọc tre, 50 bó rơm, 10 sọt sắt, 5 dao rựa, 10 vồ.. <p>Thôn 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 190 nhà kiên cố có thể làm nơi sơ tán. Có trường học, trạm y tế, công sở UBND để làm nơi sơ tán; - Trong thôn có 6 ô tô (gồm 4 ô tô con và 2 ô tô tải) có thể vận chuyển tài sản và các đối tượng dễ bị tổn thương đi dời sơ tán khi cần thiết; - Có 300 bao bì tại nhà văn hóa thôn do trưởng thôn quản lý. <p>*Tổ chức – xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu Ban PCTT thôn được củng cố kiện toàn có 10 người, có quy chế hoạt động của ban PCTT. - Có kế hoạch PCTT hàng năm được phân công cụ thể với phương châm 4 tại chỗ - Đội thanh niên xung kích phòng chống bão lụt có 26 thành viên (nữ 5); - Các thôn có Ban Mật trận thôn, có lực lượng xung kích để huy động khi cần thiết; -Hàng năm các thôn xây dựng kế hoạch PCTT theo hướng dẫn của UBND xã; -Hàng năm tổ chức tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm về PCTT trong các hội nghị của thôn; -Trước khi thiên tai xảy ra thôn đã thông báo tuyên truyền cho nhân dân chằng chống nhà cửa, bảo vệ tài sản, phân công trực chống bão, 	<p>dẫn đến người làm công tác phòng chống bão lụt dễ bị thương.</p>	
--	--	--	---	---	--

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			<p>quan trọng chờ vào chính quyền;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ gia đình chưa quan tâm đến công tác PCTT, dự báo, cảnh báo thiên tai. - Các hộ gia đình chưa biết sử dụng hệ thống cảnh báo sớm qua các phương tiện thông tin; 	<p>lụt 24/24h. kịp thời ứng cứu khi thiên tai xảy ra;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức rà soát, đánh giá thiệt hại sau thiên tai báo cáo đề xuất kịp thời; vận động các hỗ trợ những gia đình bị thiệt hại; - Chỉ đạo các tổ chức, đoàn thể, mặt trận thôn và người dân chủ động đầy đủ các điều kiện để ứng phó khi có thiên tai xảy ra <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân đã biết thực hiện theo phương châm 4 tại chỗ khi có thiên tai - Đùm bọc, giúp đỡ nhau trong lúc hoạn nạn. - Người dân biết được các điểm sơ tán di dời tại các nhà kiên cố vùng an toàn - Thường xuyên theo dõi tình hình thời tiết, diễn biến của bão lụt trên hệ thống thông tin để có biện pháp ứng phó; 		
Bão, lụt, rét hại, hạn hán	Thôn 4,5,6	150 283 188	<p>*Vật chất:</p> <p>Thôn 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trang thiết bị cứu hộ cứu nạn còn thiếu, chưa đảm bảo cho công tác PCTT (như phao cứu sinh, áo phao, cọc tre, đèn pin, ủng đi mưa, máy phát điện, máy cưa.) - Không có đất dự phòng khi xảy ra PCTT - Không có trang thiết bị cứu hộ cứu nạn, sơ cấp cứu, bảo hộ lao động cho các thành viên tham gia PCTT; - Không có loa cầm tay, loa truyền thanh di động; - Tại xã/thôn không có truyền truyền bằng pa nô áp phích tại khu công cộng; <p>Thôn 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trang thiết bị tìm kiếm cứu hộ cứu nạn còn thiếu, chưa đảm bảo cho công tác PCTT (Phao cứu sinh, áo phao, đèn pin); <p>Thôn 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trang thiết bị tìm kiếm cứu hộ cứu nạn còn thiếu: như áo phao, thuyền cứu hộ, 	<p>*Vật chất:</p> <p>Thôn 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 129 nhà kiên cố có thể làm nơi sơ tán. - Trong thôn có 2 ô tô (gồm 2 ô tô tải). - bao bì 150 bao bì tạp kết tại nhà văn hóa. - Có 2 ô tô các loại có thể huy động khi có thiên tai xảy ra. <p>Thôn 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có nhiều nhà kiên cố có thể làm nơi sơ tán. - Trong thôn có 8 ô tô (gồm 5 ô tô con và 3 ô tô tải); thôn có hơn 500 xe máy có thể điều động khi thiên tai bão lũ xảy ra. - Có 530 bao bì đựng cát ứng phó với thiên tai. <p>Thôn 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có nhiều nhà kiên cố có thể làm nơi sơ tán. - Có quy chế hoạt động của ban PCTT -Thôn có gần 400 xe máy và 05 cái xe ba gác. - Thôn đã chuẩn bị sẵn sàng 200 bao bì để phòng khi có thiên tai xảy 	Thiếu phương tiện bảo hộ trong tìm kiếm cứu nạn dẫn đến người làm công tác phòng chống bão lụt dễ bị thương.	Trung Bình

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<p>dây thừng... chưa đảm bảo cho công tác PCTT;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có trang thiết bị bảo hộ lao động cho lực lượng tham gia khi làm nhiệm vụ PCTT - Lực lượng xung kích hoạt động chưa hiệu quả . - Kế hoạch PCTT thôn xây dựng chưa có sự tham gia của người dân. - Nguồn kinh phí bố trí cho Công tác tuyên truyền kiến thức PCTT, BĐKH còn hạn chế; Chủ yếu tuyên truyền khi có thông báo diễn biến thiên tai; - Các tổ đoàn thể chưa đưa nội dung tuyên thông về PCTT vào sinh hoạt thường kỳ; - Có 150 người thiếu kinh nghiệm trong PCTT; Lực lượng đội xung kích thay đổi thường xuyên, địa phương thiếu nhân lực huy động cho PCTT; <p>*Nhận thức kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số người dân còn chủ quan trông chờ vào nhà nước - Một số hộ dân sợ mất tài sản nên không chịu di dời sơ tán khi có lệnh. - Một số hộ gia đình chưa quan tâm đến công tác PCTT; 	<p>ra;</p> <p>*Tổ chức – xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiểu Ban PCTT thôn được củng cố kiện toàn có 7 người, có quy chế hoạt động của ban PCTT. - Có kế hoạch PCTT hàng năm được phân công cụ thể với phương châm 4 tại chỗ - Đội thanh niên xung kích phòng chống bão lụt có 30 thành viên. - Có 7 thành viên thuộc các ban, ngành đoàn thể tham gia công tác PCTT (nữ 8); -Hàng năm thôn xây dựng kế hoạch PCTT theo hướng dẫn của UBND xã; -Tổ chức rà soát, đánh giá thiệt hại sau thiên tai báo cáo đề xuất kịp thời; vận động các hỗ trợ những gia đình bị thiệt hại; -Lực lượng xung kích hỗ trợ các hộ khó khăn, thiếu nhân lực chằng chống nhà cửa; - Chỉ đạo các tổ chức, đoàn thể, mặt trận thôn và người dân chủ động đầy đủ các điều kiện để ứng phó khi có thiên tai xảy ra <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân đã biết thực hiện theo phương châm 4 tại chỗ khi có thiên tai - Đùm bọc, giúp đỡ nhau trong lúc hoạn nạn. - Người dân biết được các điểm sơ tán di dời tại các nhà kiên cố vùng an toàn - Thường xuyên theo dõi tình hình thời tiết, diễn biến của bão lụt trên hệ thống thông tin để có biện pháp ứng phó 		
<p>Ghi chú khác:</p>					

16. Giới trong PCTT và BĐKH:

Loại hình Thiên	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ BĐKH	Mức độ (Cao,
-----------------	----------	------------	--------	--	------------------------	--------------

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

tai/ BĐKH						<i>Trung Bình, Thấp)</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão lụt hạn hán, rét hại	6 thôn	1. 374	<ul style="list-style-type: none"> - Toàn xã có 84 hộ phụ nữ làm chủ hộ nên khi có thiên tai phải tự chủ động chằng chống nhà cửa; Hộ nghèo 37 hộ, cận nghèo 104 hộ; - Có 337 trẻ em dưới 5 tuổi (nữ 137; Trẻ em từ 5-18 tuổi (nữ 259); Người cao tuổi 321 (nữ 145; Người khuyết tật 67 (nữ 36); Người bị bệnh hiểm nghèo 3 (nữ 2); Người nghèo 31 (nữ 23); Người dân tộc thiểu số 6 (nữ 6); -Trưởng tiểu học, trưởng mầm non là nữ nên khi thiên tai xảy ra thiếu nhân lực ứng phó khi thiên tai, thường là các cán bộ công chức xã hỗ trợ cho các trường; -Lực lượng nam giới đi làm ăn xa 228 người, khi thiên tai xảy ra không có nhân lực để huy động; - Nữ tham gia quản lý không có (01 chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã); - Ban chỉ huy PCTT& TKCHCN tỷ lệ nữ tham gia thấp; - 90% phụ nữ không biết bơi; đa số phụ nữ ngại tham gia các hội nghị, lớp tập huấn kiến thức PCTT, BĐKH; - 85% phụ nữ không được tập huấn về PCTT. - 70% nam giới đi làm ăn xa nên thiếu lực lượng PCTT, thiếu kỹ năng ứng phó. -Kiến thức, kỹ năng PCTT, thích ứng với BĐKH nữ giới ít được cập nhật , ít quan tâm. Giao phó trách nhiệm chon am giới; 	<ul style="list-style-type: none"> - 80% phụ nữ là chủ hộ tự khắc phục khó khăn, không ý lại vào người khác. - Nam giới thường giao tiền cho phụ nữ quản lý. - Nam giới đã chủ động trong công tác PCTT; -Nhóm hỗ trợ kỹ thuật, nhóm cộng đồng đều có cả nam và nữ tham gia; -Công chức xã 4/22 nữ tham gia; - Cả nam giới và nữ giới đều tham gia sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế gia đình. - Các đoạn đường giao thông được giao tự quản cho các hội, đoàn thể tự quản các tuyến đường giao thông trong thôn. - Đa số các hộ gia đình tạo cơ hội thuận lợi cho các cháu cả nam và nữ được học tập, tìm công ăn việc làm sau khi ra trường; - 90% số các hộ gia đình, người phụ nữ chịu trách nhiệm chuẩn bị lương thực, thực phẩm nhu yếu phẩm cần thiết trước khi thiên tai xảy ra; - Đa số chị em phụ nữ chịu thương, chịu khó biết tiết kiệm trong chi tiêu gia đình và trong PCTT; -Cán bộ phụ nữ xã, thôn có kinh nghiệm trong việc truyền thông và các hoạt động cộng đồng; 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ bị đuối nước và bị tai nạn khi thiên tai xảy ra đối với cả nam và nữ; 	Trung bình

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			-Nam giới chịu áp lực bởi gánh nặng trụ cột gia đình.			
--	--	--	---	--	--	--

17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác

Commented [BVH5]: ? Không có thì ghi là không có. Các thôn tin ở mục này cho xã Minh Lạc rất tốt, có thể tham khảo v abo sung

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung, Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Thôn ...					
....	<i>Ghi chú khác</i>					

D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp:

1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

Thứ tự ưu tiên(*)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Tình trạng dễ bị tổn thương	Nguyên nhân	Giải pháp (tách biệt giải pháp cho Nam/Nữ nếu được)
1	Mất mùa giảm năng suất lúa hoa màu khi thiên tai/BĐKH xảy ra	- Có ha 12,5 /179,55 ha trồng trọt nằm trong vùng trung, thấp; - Hệ thống mương tiêu chưa được kiên cố, nạo vét thường xuyên. - Chưa chủ động được việc điều tiết nước để phục vụ cho sản xuất NN	Vật chất: - Có 4,47/19,07km kênh mương là kênh mương đất chưa được kiên cố hóa. Trong đó có 800m kênh mương tại thôn 4 giáp Nga Trung chưa được kiên cố; Xã Nga Trung đắp chặn lại để giữ nước gây nên ngập úng cục bộ; -Kênh mương tiêu chưa được nạo vét (bèo, rác làm cản trở dòng chảy); - Nguồn nước tưới phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn cung cấp nước từ trạm bơm Xã Loan Nga Vãn; Khi nước mặn xâm nhập vào thì trạm bơm không có nước để cung cấp cho các xã; *Tổ chức xã hội: - Thiếu Nguồn lực lao động trẻ khỏe vì hiện nay cơ cấu lao động được chuyển sang làm các lĩnh vực khác, khi thiên tai không có nhân lực để huy động ;	- Đầu tư xây dựng hệ thống kênh mương, cống kiên cố; thường xuyên nạo vét, nâng cấp các hệ thống, kênh, mương nội đồng để đảm bảo nước tưới cho lúa, hoa màu. - Nạo vét, khơi thông 800 mét kênh mương, không cho xã Nga Trung đắp cục bộ; -Đầu tư máy bơm tiêu nước cục bộ tại thôn 4,5,6; - Tập huấn chuyển giao KHKT trồng trọt, đầu tư thâm canh tăng năng suất, chất lượng cây trồng có giá trị kinh tế cao, cây trồng có khả năng thích ứng với BĐKH; - Chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng phù hợp với diện tích đất trồng hiện có để tăng thu nhập. (Những diện tích đất sâu trung chuyển

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			<p>-Việc áp dụng khoa học kỹ thuật, chưa có nhiều mô hình trồng trọt, sản xuất hàng hóa, sản xuất theo tiêu chuẩn VIEGAP, chủ yếu sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, tự cung tự cấp;</p> <p>- Chuyên đổi cơ cấu cây trồng có năng suất cao, thích ứng với điều kiện khí hậu tại địa phương còn hạn chế;</p> <p>- Kiến thức, kỹ thuật trồng trọt của người dân còn hạn chế; tỷ lệ hộ dân tham gia tập huấn, chuyên giao KHKT sản xuất còn quá thấp khoảng 45%</p> <p>- Chưa có các mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng: kém hiệu quả sang trồng các loại cây trồng thích ứng với BĐKH có giá trị kinh tế cao;</p> <p>-Năng lực của HTXNN có lúc còn hạn chế, chưa được đào tạo bài bản;</p> <p>-Chưa chủ động được nguồn giống, phân bón, vật tư nông nghiệp để cung cấp cho các hộ dân; HTXNN hoạt động mang tính chất kinh doanh khi mất giống HTX cung ứng ra bên ngoài;</p> <p>*Nhận thức kinh nghiệm:</p> <p>-Tâm lý một số hộ dân còn mua giống và các loại thuốc bảo vệ thực vật với giá rẻ, hàng trôi nổi trên thị trường;</p> <p>-Một số hộ dân thiếu kiến thức khoa học kỹ thuật về trồng trọt, thiếu nhân lực để chăm bón, thu hoạch khi có thiên tai;</p>	<p>sang cá lúa kết hợp- Mô hình đa canh);</p> <p>-Nâng cao năng lực hoạt động của Hợp tác xã nông nghiệp; Liên doanh, liên kết tìm đầu ra cho sản xuất nông nghiệp; Xây dựng mô hình làm phân bón hữu cơ; hướng dẫn các hộ làm và sử dụng phân bón hữu cơ, hạ chế sử dụng phân bón hóa học;</p> <p>- Cung cấp các loại giống và có chính sách hỗ trợ giống lúa thích ứng với BĐKH, năng suất cao.</p> <p>- Tiếp tục quy hoạch cánh đồng mẫu lớn, kêu gọi đầu tư, xây dựng mô hình sản xuất cây trồng có giá trị kinh tế cao theo hướng sản xuất hàng hóa;</p> <p>-Tập huấn kỹ thuật thâm canh cây trồng, sử dụng các loại phân bón vi sinh, hữu cơ để bảo vệ môi trường bền vững cho các hộ dân, đảm bảo theo tiêu chí an toàn thực phẩm;</p>
2	Ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước khi thiên tai/BĐKH	<p>-Hệ thống cống rãnh thoát nước chưa đảm bảo, nhỏ hẹp, xuống cấp, không được nạo vét thường xuyên;</p> <p>- Một số hộ chăn nuôi còn bỏ rác thải, động vật chết, bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ</p>	<p>*Vật chất: - Hệ thống cống rãnh thoát nước trong khu dân cư chưa được đầu tư xây dựng kiên cố, chưa đồng bộ;</p> <p>-Chưa có các thùng rác nơi công cộng;</p> <p>-Số hộ sử dụng giếng khoan còn 263 hộ; vẫn còn một số hộ sử dụng trực tiếp từ giếng khoan không qua bể lọc; 100% số hộ sử dụng nước uống, ăn từ nước máy, nước mưa.</p> <p>-Chuồng trại chăn nuôi còn chưa kiên cố, tạm bợ; 1/3 số hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm còn chưa đảm bảo</p>	<p>-Đầu tư xây dựng hệ thống cống thoát nước sinh hoạt trong khu dân cư;</p> <p>-Mua sắm các thùng rác đặt nơi công cộng, khu sản xuất;</p> <p>- Tăng cường tuyên truyền kiến thức nước sạch vệ sinh môi trường, tác hại của việc ô nhiễm môi trường; gia tăng phát thải khí nhà kính;;</p> <p>- Nâng cao năng lực cho y tế thôn về chuyên môn nghiệp vụ;</p> <p>- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ y tế thôn làm công tác tuyên truyền</p>

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	<p>thực vật trực tiếp ra hệ thống kênh mương, đường giao thông nội đồng;</p> <p>-Ý thức bảo vệ môi trường của một bộ phận người dân còn hạn chế.</p> <p>- Tuyên truyền về vệ sinh môi trường và kiểm soát vệ sinh môi trường có lúc còn hạn chế.</p>	<p>vệ sinh gây ô nhiễm môi trường;</p> <p>*Tổ chức xã hội:</p> <p>-Công tác kiểm tra giám sát chưa thường xuyên, chưa có biện pháp quyết liệt đối với các hộ xả nước thải sinh hoạt ra môi trường;</p> <p>- Hộ dân chưa phân loại được rác thải sinh hoạt;</p> <p>- Trạm Y tế thiếu nhân lực, chưa có bác sĩ, thiếu phương tiện, thiếu thuốc dự phòng cho thiên tai</p> <p>- Chưa có mô hình sử dụng rơm rạ sau thu hoạch làm phân bón hoặc trồng nấm;</p> <p>-Việc thu gom rác thải tại một số cụm dân cư chưa thực hiện theo đúng thời gian quy định;</p> <p>- Cán bộ chuyên môn nghiệp vụ về công tác nước sạch, vệ sinh môi trường đang kiêm nhiệm và chưa có sự tập huấn thường xuyên.</p> <p>*Nhận thức kinh nghiệm:</p> <p>-Thói quen người dân thường xuyên sử dụng bao ni lon trong sinh hoạt;</p> <p>- Người dân thiếu kiến thức về vệ sinh môi trường, BDKH, còn vứt rác, xác súc vật chết không đúng nơi quy định, xả nước thải ra môi trường;</p> <p>- Các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, thiếu kinh phí, chưa đầu tư xây dựng chuồng trại kiên cố, làm hầm Biogas.</p> <p>-Một số hộ dân còn đốt rơm rạ ngoài đồng sau khi thu hoạch chưa xử lý hết gây ô nhiễm môi trường;</p>	<p>kiến thức vệ sinh phòng bệnh, vệ sinh môi trường và quản lý dịch bệnh;</p> <p>- Có biện pháp xử lý đối với những người vi phạm về vệ sinh môi trường;</p> <p>-Hướng dẫn người dân kiến thức tiêu độc, khử trùng sau thiên tai;</p> <p>-Tuyên truyền vận động các hộ gia đình bỏ các bao bì thuốc bảo vệ thực vật đúng nơi quy định.</p> <p>- Tiếp tục vận động thực hiện có hiệu quả phong trào “ 5 không 3 sạch” của Trung ương Hội Liên Hiệp Phụ nữ Việt Nam; Các tổ chức đoàn thể đảm nhận các con đường tự quản đảm bảo xanh, sạch đẹp.</p> <p>- Tuyên truyền kiến thức PCTT, BDKH cho cán bộ và người dân; Hướng dẫn người dân phân loại rác thải trước khi đưa rác thải ra ngoài;Thực hiện thu gom rác thải thường xuyên, đúng thời gian quy định;</p> <p>- Chuẩn bị đầy đủ cơ số thuốc sơ cấp cứu, thuốc tiêu độc khử trùng, thường xuyên tiến hành tiêu độc khử trùng hàng năm và phun tiêu độc khử trùng kịp thời sau khi thiên tai xảy ra;</p> <p>- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát dịch bệnh, phòng bệnh; Có biện pháp xử lý kịp thời đối với các hộ không chấp hành quy định về vệ sinh môi trường tự ý xả chất thải, nước thải chăn nuôi chưa được xử lý ra môi trường;</p> <p>-Tập huấn cho người dân biết cách sử dụng các phương pháp lọc nước truyền thống khi chưa có nước sạch</p> <p>-Tập huấn cho người dân biết cách xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi và chất thải từ sản xuất nông nghiệp theo quy trình công nghệ thân thiện môi trường (thuốc sinh học, phân vi sinh.....)</p> <p>-Nâng cao nhận thức cho người dân về sức khỏe vệ sinh môi trường trước, trong và sau thiên tai;</p> <p>- Hướng dẫn, nhân rộng mô hình sử dụng năng lượng mặt trời để tiết kiệm điện, giảm phát thải khí nhà kính;</p>
3	<p>Nhà có nguy cơ sập</p>	<p>-Các hộ có nhà ở bán kiên cố</p> <p>*Vật chất:</p> <p>- Có 95 nhà bán kiên cố, trong đó có</p>	<p>- Hỗ trợ xây dựng nhà ở kiên cố cho các hộ nghèo, cận nghèo có nhà ở</p>

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	<p>đổ, trôi khi thiên, BDKH tai xảy ra</p>	<p>không an toàn khi thiên tai xảy ra</p> <p>-Khả năng vận động nguồn lực để xây dựng nhà cho các hộ nghèo</p>	<p>57 nhà đã xuống cấp;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà ở xây dựng lâu năm chiếm 20%; - Hộ nghèo 37 hộ, cận nghèo 104 hộ, hộ có phụ nữ làm chủ hộ 85 hộ; - Đa số các hộ thiếu kinh phí xây dựng nhà ở; khó khăn trong việc huy động vốn để xây dựng nhà. <p>*Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng thanh niên đi làm ăn xa nên thiếu nhân lực để giúp đỡ hỗ trợ chằng chống nhà cho các hộ neo đơn, khó khăn trước mùa thiên tai; -Ban Mặt trận, lực lượng xung kích cán bộ các đoàn thể chưa được tập huấn kiến thức về xây dựng nhà an toàn. -Công tác tuyên truyền kiến thức PCTT, BDKH, kỹ thuật chằng chống nhà cửa còn hạn chế; -Kinh phí hỗ trợ làm nhà mới chỉ tập trung cho các hộ nghèo, đối với các hộ khó khăn, hộ cô neo đơn, đơn thân chưa được hỗ trợ -Thiếu nguồn vốn và kinh phí nhà nước để đầu tư xây dựng nhà an toàn trước bão, lụt <p>* Nhận thức kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thiếu nhân lực chằng chống nhà cửa đặc biệt các hộ đơn thân, phụ nữ là trụ cột gia đình. - Có 20% hộ gia đình không có kiến thức, kinh nghiệm chằng chống nhà cửa; - Một số hộ còn chủ quan, ý lại, trông chờ sự giúp đỡ của nhà nước không tự nỗ lực vươn lên; -Các hộ gia đình không chặt tía các cành cây to xung quanh nhà ở, khu công cộng; 	<p>không an toàn;</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tu sửa, nâng cấp, gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai hàng năm; -Tập huấn, tuyên truyền kiến thức xây dựng nhà an toàn cho, cán bộ thôn và các hộ dân có nhà ở bán kiên cố, thiếu kiên cố, vùng ngoài đê, sát đê vùng nguy cơ rủi ro cao; -Hỗ trợ cho các hộ vay các nguồn vốn ưu đãi, vận động các doanh nghiệp nhà hảo tâm hỗ trợ các hộ nghèo, hộ chính sách, cô neo đơn làm nhà ở an toàn; - Tổ chức tuyên truyền cho người dân nhân tự chằng chống nhà cửa, sơ tán người già trẻ em đến nơi tránh trú thiên tai; - Chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, ngành nghề, phát triển ngành công nghiệp, thương mại, dịch vụ để tăng thu nhập cho người dân từng bước cải thiện nhà ở; - Liên doanh, liên kết đào tạo nghề tại chỗ cho lực lượng lao động đặc biệt cho chị em phụ nữ, thanh niên sau khi học xong phổ thông chưa có việc làm; Giới thiệu việc làm tại các khu công nghiệp ở huyện cho số lao động sau khi được đào tạo -Tập huấn, tuyên truyền kiến thức phòng chống thiên tai, BDKH cho các hộ dân ở vùng nguy cơ cao, chị em phụ nữ, nhóm đối tượng dễ bị tổn thương; -Hướng dẫn các hộ dân chặt tía các cành cây to xung quanh nhà ở
<p>4</p>	<p>Nuôi trồng thủy sản bị mất mùa giảm năng suất</p>	<p>-Xã có 24.44 ha nuôi trồng thủy sản với 91 hộ tham gia.</p> <p>- Chưa có bờ bao, tự đắp không theo quy hoạch, chưa đầu tư vùng</p>	<p>*Vật chất: 24.44 ha nuôi trồng bờ bao chưa kiên cố; đa số các hộ chưa đầu tư máy móc cho nuôi trồng thủy sản;</p> <p>*Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa được tập huấn KHKT cho các hộ gia đình nuôi trồng thủy sản; -Chưa hướng dẫn các hộ xử lý ao nuôi khi cá bị chết; 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy hoạch vùng chuyên canh và đầu tư cơ sở hạ tầng cho vùng nuôi trồng thủy sản; - Tập huấn chuyển giao KHKT, tuyên truyền kiến thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước, nguồn hải sản khi đánh bắt, nuôi trồng. -Hướng dẫn các hộ xử lý ao nuôi sau khi cá bị chết để sớm cải tạo ao nuôi,

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

		<p>chuyên canh .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa quy hoạch nước xả thải nuôi trồng thủy sản xả thải trực tiếp ra môi trường gây nhiễm bệnh cho thủy sản 	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa tìm được đầu ra, giá cả bấp bênh; Nhận thức kinh nghiệm: - Ý thức của các hộ nuôi trồng còn hạn chế, tự xả nước thải ra môi trường - Các hộ nuôi tự phát, không nuôi theo thời vụ; mua con giống không rõ nguồn gốc, con giống không đảm bảo chất lượng. - Các hộ nuôi trồng thiếu kiến thức, khoa học, kỹ thuật; không biết cách xử lý ao nuôi khi cá bị chết; 	<ul style="list-style-type: none"> tránh ô nhiễm môi trường; - Nâng cao năng lực cho HTXNN để quản lý tốt thuốc bảo vệ thực vật, vật tư thủy sản và tìm đầu ra cho sản phẩm - Hợp đồng bao tiêu sản phẩm thủy sản với các siêu thị; -Đưa các mô hình nuôi các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao; -Tập huấn kiến thức PCTT, BDKH cho các hộ nuôi; Hướng dẫn các hộ nuôi trồng thả giống, thu hoạch tránh mùa thiên tai giảm thiệt hại khi thiên tai BDKH; - Khuyến các các hộ nuôi trồng thường xuyên theo dõi thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai;
5	<p>Người có nguy cơ bị thương, chết khi thiên tai/BDKH;</p>	<ul style="list-style-type: none"> -Có thôn 4,5,6 ở vùng trũng, thấp, nhà ở bán kiên cố; -Đường dây điện vào các hộ gia đình một số đoạn còn chưa kiên cố -50% hộ dân thiếu kiến thức PCTT, BDKH , chủ quan; - 90% trẻ em và phụ nữ không biết bơi; 	<ul style="list-style-type: none"> *Vật chất: -Nhà ở bán kiên cố 87 nhà; -Đường giao thông liên thôn, giao thông nội đồng còn một số đoạn chưa được bê tông hóa; -Hệ thống trạm điện có hệ thống chống sét nhưng kém không đảm bảo; * Tổ chức xã hội: - Các đối tượng dễ bị tổn thương cao; -Địa phương chưa có các phương tiện cứu hộ cứu nạn, phương tiện bảo hộ lao động - Thành viên Ban chỉ huy PCTT, đội xung kích xã, thôn chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH; thiếu các trang thiết bị cứu hộ cứu nạn; -Công tác tuyên truyền kiến thức PCTT, BDKH, sức khỏe vệ sinh môi trường còn hạn chế. - Các trường học không có bể bơi, không có chương trình dạy bơi cho trẻ em; 	<ul style="list-style-type: none"> -Kêu gọi vận động nguồn lực xây dựng làm nhà cho 57 hộ nghèo, hộ khó khăn; -Mua sắm trang thiết bị bảo hộ cá nhân, trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn cho lực lượng tham gia công tác PCTT từ xã đến thôn; -Tập huấn kiến thức về PCTT, BDKH cho cán bộ và người dân, quan tâm đến phụ nữ, các hộ ở vùng nguy cơ cao; -Xây dựng các nhóm nòng cốt tuyên truyền kiến thức PCTT, BDKH, nước sạch vệ sinh môi trường, tuyên truyền về giới tại các thôn và trong các nhà trường, ưu tiên phụ nữ, trẻ em gái làm lãnh đạo nhóm; - Tập huấn kỹ năng chằng chống nhà cửa trước thiên tai, kiến thức xây dựng nhà an toàn cho đội xung kích, các hộ dân; -Tập huấn kiến thức sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn cho đội xung kích; -Tổ chức diễn tập PCTT, BDKH xử lý các tình huống cụ thể: chằng chống nhà cửa tại thôn 4,5,6 ; -Di dời các hộ dân ở có nhà ở bán kiên

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			<ul style="list-style-type: none"> - Một số đoạn đường giao thông nội đồng còn là đường đất đi lại khó khăn, mất an toàn khi thiên tai xảy ra; - Giáo viên và học sinh chưa được tập huấn kiến thức về Phòng chống thiên tai, BDKH; - Công tác tuyên truyền kiến thức PCTT, BDKH cho người dân còn hạn chế; - Một số hộ gia đình bố mẹ đi làm công ty tại huyện, đi làm ăn xa thường xuyên vắng mặt ở nhà, việc quản lý, trông coi các em được giao lại cho ông bà; - Đa số người dân còn chủ quan thờ ơ không quan tâm nhiều đến các hoạt động PCTT; - Trước thiên tai không tiến hành chặt các cành cây to, cây cối đổ gãy; 	<ul style="list-style-type: none"> cố đến nơi ở an toàn trước khi thiên tai xảy ra; - Lắp đặt các pa no áp pích tuyên truyền kiến thức PCTT, BDKH tại nơi công cộng, trường học; - Xử lý kịp thời đối với các hộ dân không chấp hành lệnh di dời của chính quyền địa phương; - Nâng cấp hệ thống đường giao thông liên thôn, giao thông nội đồng - Tuyên truyền nâng cao nhận thức quản lý, bảo vệ trẻ em cho cha mẹ và gia đình các em học sinh; - Tập huấn nâng cao kiến thức về PCTT/BDKH cho giáo viên và học sinh ở các trường học; - Tổ chức hội thi tìm hiểu kiến thức PCTT, BDKH cho các em HS; - Đầu tư kiên cố hóa đường giao thông liên thôn, giao thông nội đồng chưa được bê tông hóa; - Hàng năm kiểm tra, tu bổ hệ thống điện chiếu sáng đảm bảo an toàn trước mùa thiên tai;
6	Mất an ninh trật tự khi thiên tai xảy ra;	<ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng bảo vệ còn mỏng, một số thành viên thường xuyên vắng mặt; - Công tác bảo vệ, an ninh trật tự khi thiên tai còn hạn chế; 	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm còn chưa kiên cố; - Đường điện sáng không hoạt động nên kẻ xấu lợi dụng; <p>*Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyên truyền về luật phòng chống thiên tai của các đoàn thể còn hạn chế; - Các đoàn thể chưa đưa vào sinh hoạt định kỳ để truyền thông cho cán bộ hội viên; - Lực lượng bảo vệ còn mỏng; Một số thành viên về ANTT thôn xóm chưa nhiệt tình, hạn chế; <p>*Nhận thức kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ dân còn chủ quan, mất cảnh giác trong việc bảo vệ tài sản của mình; - Một số cá nhân lợi dụng khi thiên tai xảy ra để trộm cắp; 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chuồng trại chăn nuôi kiên cố - Sớm ổn định, khắc phục hậu quả thiên tai - Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật cho người dân thông qua hệ thống truyền thanh, hội nghị; - Các đoàn thể lồng ghép nội dung tuyên truyền Luật PCTT, Kiến thức PCTT, BDKH, các chủ trương chính sách của Đảng-Nhà nước thông qua các hội nghị cho đoàn viên, hội viên; Tuyên truyền kiến thức pháp luật cho người dân;

2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH;

Nhóm ngành /lĩnh vực (*)	Các giải pháp đề xuất (**)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Thời gian dự kiến		Nguồn ngân sách dự kiến (%)		
				Ngắn hạn (thời thực hiện dưới 2 năm)	Dài hạn (thời gian thực hiện trên 2 năm)	Nhà nước	Người dân	Hỗ trợ bên ngoài
An toàn cộng đồng	Nâng cao năng lực cho cộng đồng về PCTT, Thích ứng với BĐKH	Toàn xã	1.Tập huấn kiến thức về PCTT, BĐKH cho người dân: Cán bộ Ban chỉ huy PCTT xã, thôn, Phụ nữ trụ cột gia đình, các nhóm đối tượng DBTT, Các trường học;	x		30	20	50
			2.Tổ chức diễn tập PCTT, Thích ứng với BĐKH ;	x		50		50
			3.Củng cố, kiện toàn Ban chỉ huy PCTT&TKCHCN,lực lượng xung kích hàng năm;	x		100		
			4.Trang bị phương tiện bảo hộ lao động và phương tiện cứu hộ cứu nạn cho lực lượng xung kích;	x		50		50
			5.Thường xuyên kiểm tra, tu bổ hệ thống loa truyền thanh, tuyên truyền vận động các hộ dân mua sắm đài ra đi ô làm phương tiện cảnh báo thiên tai khi mất điện để theo dõi diễn biến thiên tai.	x		100		
			6.Tổ chức, hướng dẫn các hộ dân chặt tỉa cành cây to xung quanh nhà ở và khu công cộng;	x		50		50
			6.Tuyên truyền hướng dẫn người dân biết cách sử dụng hệ thống công nghệ thông tin, thông tin đại chúng để cập nhật kiến thức PCTT&BĐKH;	x		20	80	

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			7.Kiểm tra, tu bổ nâng cấp đường dây điện vào các hộ gia đình đảm bảo an toàn trước mùa mưa bão hàng năm;	x		20	80	
Hạ tầng công cộng	Tu sửa, nâng cấp hạ tầng công cộng kiên cố để PCTT, thích ứng với BĐKH	Toàn xã	1.Tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân có trách nhiệm quản lý, bảo vệ các công trình công cộng	x		100		
			2.Củng cố kiện toàn Ban giám sát cộng đồng xã, thôn	x		100		
			3.Bổ sung, hoàn thiện quy chế, hương ước của thôn trong việc quản lý, bảo vệ các công trình công cộng;	x		100		
			4.Tập huấn, tuyên truyền, hướng dẫn các hộ dân sử dụng điện an toàn, tiết kiệm	x			100	
			5. Thường xuyên kiểm tra nâng cấp, vận động các hộ dân đầu tư hệ thống đường dây điện sau công tơ trước mùa thiên tai;	x			100	
			6.Đầu tư xây dựng 0,75 km đường giao thông liên thôn và 1,9 km đường giao thông nội đồng; 2,8km đường xã, đường Quốc lộ 10		x	80	20	
			7. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện trường mầm non non để đưa vào sử dụng trước mùa mưa bão năm 2019;	x		100		
			8. Vận động nguồn lực xây dựng 02 nhà tránh trú cộng đồng thôn 3, thôn 5;	x		50	20	30
			9.Vận động nguồn lực nạo vét kênh mương, xây dựng kiên cố 4,49km kênh mương và 31 cống thủy lợi	x		80	20	
Nhà ở	Nâng cao chất lượng nhà ở cho các hộ dân	Toàn xã	1.Vận động nguồn lực xây nhà an toàn cho 57 hộ có nhà ở kém an toàn (Thôn 1: 4, Thôn 2: 15; Thôn 3: 5, Thôn	x		20	50	30

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	có nhà ở an toàn về PCTT và thích ứng với BĐKH		4: 15, Thôn 5: 9, thôn 6:9)					
			2.Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn xây dựng nhà an toàn, tu sửa, nâng cấp chằng chống nhà ở trước khi thiên tai xảy ra;	x		50		50
			3.Tuyên truyền, hướng dẫn các hộ dân chặt tỉa cành cây to xung quanh nhà ở và khu công cộng trước khi thiên tai xảy ra	x		50		50
Nước sạch vệ sinh môi trường	Nâng cao năng lực cho người dân về nước sạch vệ sinh môi trường, giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với BĐKH	Toàn xã	1.Tập huấn, tuyên truyền kiến thức vệ sinh môi trường, hướng dẫn cách tiêu độc khử trùng, xử lý súc vật chết, xử lý nước sinh hoạt sau thiên tai;	x		100		
			2.Tuyên truyền vận động 263 hộ dân sử dụng nước sạch;	x		20	50	30
			3.Tuyên truyền, vận động các hộ dân khơi thông cống rãnh, Phát quang bụi rậm,tiêu độc khử trùng khu dân cư trước và sau mùa thiên tai hàng năm;	x		100		
			4.Tuyên truyền vận động, hướng dẫn các hộ dân phân loại rác thải; có ý thức thu gom, bỏ các loại bao bì thuốc bảo vệ thực vật đúng nơi quy định; Đặt các thùng rác nơi công cộng	x		100		
			5.Hỗ trợ các hộ chăn nuôi làm hầm biogas hạn chế ô nhiễm môi trường,	x		30	70	
			6.Tu bổ, nâng cấp, xây dựng hệ thống cống thoát nước sinh hoạt trong khu dân cư;	x		50	50	
			7.Nhận rộng mô hình đầu tư, sử dụng điện năng lượng mặt trời giảm phát thải khí nhà kính;	x		100		

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Y tế, quản lý dịch bệnh	Nâng cao năng lực về quản lý, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân .	Toàn xã	1.Tuyên truyền kiến thức bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho người dân; Rèn luyện sức khỏe, Khám sức khỏe định kỳ, mua bảo hiểm y tế...	x		100		
			2.Tổ chức tập huấn, hướng dẫn chị em phụ nữ kiến thức chăm sóc sức khỏe trong và sau thiên tai; sức khỏe sinh sản	x		100		
			3. Tổ chức khám và tư vấn về sức khỏe sinh sản, khám phụ khoa cho chị em phụ nữ;	x		100		
			4. Nâng cao năng lực quản lý dịch bệnh; chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ y tế, cộng tác viên dân số;	x		100		
			5.Mua sắm bổ sung trang thiết bị y tế; bổ sung đầy đủ cơ số thuốc PCTT	x		100		
			6.Vận động nguồn lực khám chữa bệnh, tư vấn sức khỏe cho các hộ nghèo, người cao tuổi, phụ nữ đơn thân;	x		30		70
Giáo dục	Nâng cao kiến thức PCTT, BĐKH , giới, luật bảo vệ và chăm sóc trẻ em	Trường học	1.Tập huấn kiến thức PCTT, BĐKH, luật chăm sóc và bảo vệ trẻ em, giới	x		50		50
			2.Tập huấn sơ cấp cứu cho nhóm nòng cốt trong các nhà trường và giáo viên	x		50		50
			3.Tổ chức truyền thông, kiến thức PCTT, BĐKH, Bảo vệ môi trường thông qua các giờ học ngoại khóa; Tổ chức hội thi tìm hiểu kiến thức PCTT, BĐKH;	x		100		

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			4.Lắp đặt pa nô áp phích tuyên truyền kiến thức phòng chống thiên tai, BĐKH tại các trường học	x		30		70
Trồng trọt	Nâng cao năng lực nhận thức và chuyên giao KHKT trồng trọt ,phát triển trồng trọt theo hướng sản xuất hàng hóa, thích ứng với BĐKH	Toàn xã	1.Tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật trồng và chăm sóc cây trồng có giá trị kinh tế cao.	x		100		
			2.Tiếp tục quy hoạch cánh đồng mẫu lớn, kêu gọi đầu tư, xây dựng mô hình sản xuất lúa có giá trị kinh tế cao theo hướng sản xuất hàng hóa;	x		50	50	
			3. Chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với diện tích đất trồng hiện có để tăng thu nhập	x		50	50	
			4. Nâng cao năng lực Hợp tác xã nông nghiệp; Liên doanh, liên kết tìm đầu ra cho sản xuất nông nghiệp;	x		100		
			5.Xây dựng mô hình làm phân bón hữu cơ từ rác, chất thải; hướng dẫn cách làm và sử dụng phân bón hữu cơ;	x		100		
			6.Hỗ trợ các hộ nghèo, phụ nữ đơn thân, phụ nữ trụ cột gia đình về nhân lực, kỹ thuật, giống, phân bón tạo cơ hội để các hộ phát triển kinh tế hộ.	x		50		50
			7.Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu ngành nghề, đào tạo nghề, giới thiệu việc làm tại chỗ cho lực lượng lao động trẻ chưa có việc làm tăng thu nhập cho người dân		x	30	20	50
Nuôi trồng thủy sản	Nâng cao kiến thức cho các hộ	Các hộ nuôi trồng	1.Tập huấn kiến thức PCTT, BĐKH kỹ năng sơ cấp cứu hộ, cứu nạn cho lao động	x		50	20	30

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

	nuôi trồng thủy sản phát triển kinh tế và an toàn trước thiên tai	thủy sản	nuôi trồng thủy sản					
			2. Tập huấn kỹ thuật nuôi trồng thủy sản cho các hộ dân.	x		100		
			3. Quy hoạch vùng nuôi, định hướng các hộ dân nuôi trồng các loại thủy sản có giá trị kinh tế.		x	100		
Phòng chống thiên tai, BDKH	Nâng cao năng lực cho đội xung kích, lực lượng làm công tác PCTT, BDKH từ xã đến thôn;	Thành viên Ban chỉ huy PCTT&TKCHCN;	1. Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn, trang thiết bị bảo hộ lao động cho lực lượng PCTT&TKCHCN xã, thôn;	X		30	20	50
			2. Tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu, cứu hộ, cứu nạn cho đội xung kích.	x		30	20	50
			3. Tổ chức diễn tập, tập huấn kỹ năng chèo chống nhà cửa cho đội xung kích và người dân	x		50		50
	Sơ tán di dời những người sống trong các nhà ở thiếu kiên cố.	Hộ có nhà bán kiên cố và; hộ có nhà thiếu kiên cố đến nơi ở an toàn	1. Hỗ trợ sơ tán đối tượng DBTT, phụ nữ đơn thân, phụ nữ là trụ cột gia đình. Người già, neo cô đơn	x		70	30	
			2. Hướng dẫn người dân chuẩn bị lương thực, nhu yếu phẩm cần thiết khi đi sơ tán;	x		100		

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			3. Chuẩn bị đầy đủ vật tư, phương tiện tại chỗ tại các thôn, xã, hộ gia đình;	x		50	50	
			4. Có biện pháp xử lý kịp thời đối với các hộ không chấp hành việc di dời, sơ tán.	x		100		
		Nâng cao kiến thức PCTT, BDKH cho cộng đồng	1.Tập huấn PCTT, BDKH cho người dân và học sinh các trường học;	x		30	20	50
			2.Tuyên truyền kiến thức PCTT, BDKH qua hệ thống loa truyền thanh; Hội nghị thôn, hội nghị các đoàn thể ;	x	x	100		
			3.Lắp đặt Pano, áp phích có nội dung phòng tránh thiên tai, BDKH tại các nơi công cộng (UBND xã, trường học);	x		30		70
			4.Diễn tập PCTT, BDKH	x		50	20	30
Giới trong PCTT, BDKH	Nâng cao năng lực cho cả nam và nữ về PCTT, BDKH	Toàn xã	1. Đảm bảo cơ cấu cả nam và nữ tham gia lực lượng PCTT, BDKH từ xã đến thôn;	x		100		
			2.Tăng cường công tác truyền thông về giới, lồng ghép giới trong PCTT, BDKH cho cả nam và nữ;	x		100		
			3.Tuyên truyền vận động các hộ gia đình cho con em đi học bơi tại bể bơi tại thị trấn huyện Nga Sơn;	x		100		

Commented [BVH6]: Phân tích giới của xa nay va cac giai phap o day rat tot. Nen trao doi lai voi GV de lam tuong tu. Xa Minh Locphan gioi con so sai

Báo cáo Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

			4. Thành lập nhóm nông cốt truyền thông kiến thức PCTT, BDKH (Hội phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Trường học); Lòng ghép qua các hoạt động văn hóa văn nghệ, hội thi tìm hiểu kiến thức PCTT, BDKH.	x		50	20	30
			5. Tổ chức các hội thi tìm hiểu kiến thức PCTT, BDKH, nước sạch vệ sinh môi trường, kiến thức về giới, lòng ghép giới trong PCTT, BDKH.	x		50		50

3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã:

Trong những năm qua cấp ủy, chính quyền địa phương và nhân dân đã rất cố gắng để từng bước kiên cố hóa hệ thống cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng đời sống của người dân. Tuy vậy hiện nay còn 0,745km đường giao thông liên thôn, 1,9km đường giao thông nội đồng; 2,8 km đường Quốc lộ 10 và đường xã đã xuống cấp; 4,49 km kênh mương và 32/121 công thủy lợi, 57 nhà ở của các hộ nghèo chưa được đầu tư xây dựng; Cán bộ và nhân dân ít được tập huấn kiến thức, kỹ năng về phòng chống thiên tai và BDKH vì vậy các Ban, ngành đoàn thể địa phương rất mong được sự hỗ trợ của các cấp, các ngành và các tổ chức;

4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã:

Địa phương xin tiếp nhận kết quả đánh giá rủi ro thiên tai mà nhóm Hỗ trợ kỹ thuật và nhóm Cộng đồng đã tập huấn và đánh giá từ ngày 13 đến 20 tháng 11/2018 với sự hỗ trợ của nhóm Giảng viên; Kết quả báo cáo đánh giá đã cập nhật đầy đủ các thông tin trên 16 lĩnh vực từ thôn đến xã sẽ là cơ sở để địa phương lưu giữ và cập nhật những năm tiếp theo cho việc xây dựng kế hoạch PCTT, BDKH và phát triển kinh tế xã hội của địa phương; Lãnh đạo UBND xã giao cho nhóm HTKT hoàn thiện báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai báo cáo về Ban quản lý dự án các cấp và Nhà tài trợ đồng thời nhóm HTKT sẽ có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch PCTT, BDKH theo Đề án 1002 của Chính Phủ. Lãnh đạo UBND xã đồng ý với những tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã, rất mong Ban quản lý các cấp quan tâm hỗ trợ địa phương những kiến nghị đề xuất trên.

**Xác nhận tiếp nhận kết quả đánh giá rủi ro thiên tai của xã
TM UBND Xã**

(đã ký)

E. Phụ lục

1. **Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá:**

TT	Họ và tên	Chức vụ - Đơn vị công tác	Giới tính		Số điện thoại
			Nam	Nữ	
1	Trịnh Xuân Hiền	PCT UBND	x		0968558319
2	Trần Thị Thu	CB. Đài TT		x	0987167135
3	Phạm Thị Nhung	CT. Hội PN		x	0919049082
4	Mai Đình Điện	VHXH	x		0978078200
5	Lê Văn Nam	ĐC - XD	x		0985778007
6	Nguyễn Thị Hạnh	Bi thư chi bộ 3		x	0944698167
7	Nguyễn Văn Bình	CHP Quân sự xã	x		0962330125
8	Hà Thị Cúc	VP Đảng ủy – CN Ủy ban kiểm tra		x	01216114856
9	Trần Thị Huyền	PBT. Đoàn TN		x	0966989012
10	Mai Thị Tươi	VP - TK		x	0836945010
	Cộng		4	6	